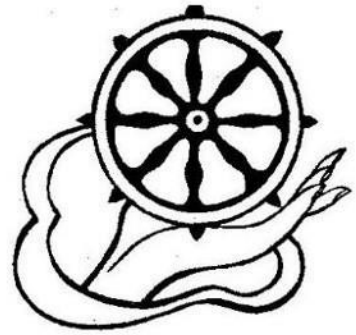


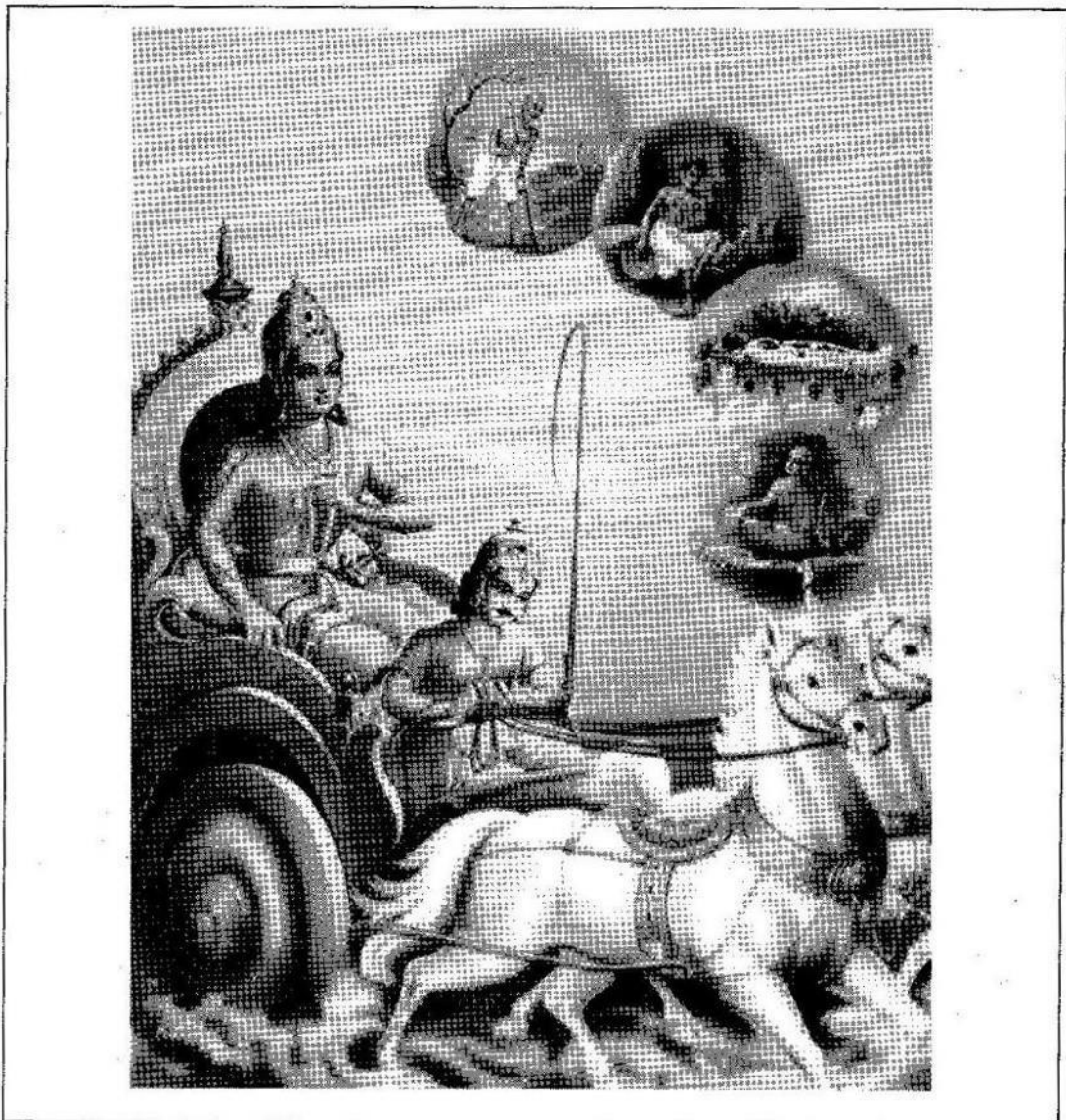
VIÊN GIÁC



BỘ MỚI
SỐ

16 THÁNG TÁM NĂM 1983
AUGUST 1983

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Chi Bộ Tây Đức

Trung tâm Văn hóa Phật giáo Việt nam

Chùa Viên Giác Eichelkampstr. 35A, 3000 Hannover 81, W.Germany, Tel. 0511 - 864638

Thư mời

Kính gửi: Quý vị Đạo Hữu và Quý Phật Tử gần xa

Trích yếu: v/v mời tham dự Đại Lễ Vu Lan Báo Hiếu Phu Mẫu từ 19-21/8/1983 (tức 11-13/7/âm lịch - nhằm ngày thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật) tại chùa Viên Giác Hannover.

Hannover ngày 28 tháng 7 năm 1983

NAM MÔ BỒN SỬ THÍCH CA MÂU NI PHẬT;

Kính thưa Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử;

Cứ mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy - ngày xá tội vong nhân - mọi người Phật Tử đều nô nức về chùa lễ Phật, cầu nguyện cho cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp được siêu sanh Lạc Quốc, cha mẹ hiện tiền và thân bằng quyến thuộc được hưởng nhiều phước duyên, sống lâu trăm tuổi. Lời dạy của Đức Phật cho Ngài Đại Hiếu Mục Kiền Liên và cho các hàng đệ tử xuất gia, tại gia của Ngài vẫn còn vang vọng đâu đây - Là Phật Tử, chúng ta phải cố bôn phận báo đền công ơn sanh thành dưỡng dục cao dày của cha mẹ. Nên năm nay chùa Viên Giác tại Hannover sẽ cử hành Đại Lễ Vu Lan Báo Hiếu trong những ngày 19-21/8/1983 (tức từ 11-13/7/âm lịch - nhằm vào ngày thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật - xin xem chương trình ở mặt sau). Vậy kính mong Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử xa gần về chùa tham gia Đại Lễ; nhằm nói lên tâm lòng hiếu thảo của con cái đối với Song Đường.

Nguyện cầu oai lực của chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng từ bi gia hộ cho quê hương của chúng ta sớm thanh bình - người dân Việt sớm thoát cảnh chia ly tang tóc - nguyện cầu cho kẻ mất được siêu sinh, người còn được an lạc.

Kính chúc toàn thể Quý vị Đạo tâm tăng trưởng, vạn sự thắng ý.

NAM MÔ ĐẠI HIẾU MỤC KIỀN LIÊN BỒ TÁT

TM. Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức



Thích Như Điển
Trụ Trì chùa Viên Giác

Trong số này
in dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn.....	trang 01
Thư' so sánh.....	02
Thuyết 4 nhân duyên.....	04
Lá Thơ Tịnh Độ.....	05
Ảnh hưởng ngôi Tam Bảo.....	09
Lục Thừa Phật Giáo.....	11
Việt Nam Phong Su'.....	13
Quốc Su' Tạp Lục.....	15
Truyện Hưng Đạo Vương.....	18
Triết Học Đông Phương.....	22
Thơ.....	24
Allgemeine Buddhalehre.....	25
Gefangener des Vietcong.....	28
Die lillustr. Gesch. Buddha.....	31
Das Wunder, wach zu sein.....	34
Bereichern unser. Buddh. W.....	37
Aufruf.....	39
Thơ.....	43
Những ngày đi đăng ký.....	44
Đường không biên giới.....	47
Nghiệp báo và Tịnh Độ.....	49
Bông Hồng cho một người.....	51
Hạnh phúc của Thi.....	53
Ghi vấn.....	56
Trang Giáo Lý GBPT.....	58
Gia Chánh chay.....	61
Tin tức.....	62
Thông cáo.....	63
Phóng danh quý Phật Tử.....	66

Chủ trương Thích Như Điển
Herausgeber
Kỹ thuật Thị Chơn
lay out

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung der
Hội Sinh viên và Kiều bào
Phật tử Việt nam
tại Cộng hòa Liên bang Đức
Vereinigung d. vietn. buddh.
Stud. u. Vietn. in d. BRD e. V.

Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion
Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN.
Vietnam. buddh. Kulturzentrum:

Eichkampstr. 35a, 3000 Hannover 81
Teil 0511. 864638



Thư tòa soạn

Mùa Vu Lan một lần nữa lại về với người Phật tử khắp nơi trên quả địa cầu - Mùa của tình thương - của lòng mẹ bao la như biển cả mênh mông, trải dài khắp hang cùng ngõ hẻm.

Tại những quốc gia Âu Mỹ, chúng ta cũng đón Vu Lan trong tình thương của Mẹ - Nguyên cầu cho Mẹ Việt Nam bớt tang thương và đổ vỡ - cho những người con Việt Nam biết nhìn nhận lỗi lầm của nhau để xây dựng một quê hương giàu mạnh hơn, để không còn làm đau lòng của mẹ nữa. Sau bao nhiêu năm chiến chinh trên quê hương, đất nước của chúng ta - Máu đã chảy thành sông, xương đã vùi thành núi. Cái k h ở nạn của dân tộc - trong đó có Ông Bà Cha Mẹ, anh chị em và người đồng loại của ta không may đã ra người thiên cổ. Vậy nhân mùa Vu Lan hãy nguyện cầu cho họ được sớm thác sinh về thế giới khác. Cầu nguyện cho những người v ư ở t biển tìm tự do không may chết chìm trên biển cả - những oan hồn uổng tử - nam nữ thương vong mau mau được s i êu thoát và chúng ta hãy chấp tay thật thành kính để nguyện cầu cho tình nhân loại được nở hoa, không còn hận t h ù , nghi kỵ và chia rẽ nữa.

Tiếng vọng Vu-Lan của người con hiếu thảo - Ngài ĐạiHiếu Mục-Kiên-Liên vẫn còn đó. Vậy đã là người Phật tử, chúng ta phải có bổn phận xây dựng đạo hạnh cho chính mình , dùng phép Phật để giải trừ nghiệp chướng - thực hành đúng giáo pháp của Đức Bổn Sư để cầu nguyện cho phụ mẫu hiện tiền, thân bằng quyến thuộc được vạn sự lành và cho người thác sớm siêu sanh về Tịnh-Độ.

Nguyện cầu cho tất cả chúng ta có đầy đủ các đức tính Bi Trí, Dũng để mạnh dạn bước đi trên con đường giác ngộ - mà con đường đó các vị Phật và các vị Tổ Sư đã thực tu và thực chứng.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiên Liên Bồ Tát

VIÊN GIÁC

Thử so sánh triết lý hành động của Thiền tông với Tịnh độ giáo

THÍCH HẠNH TUẤN

A:- DẪN NHẬP:

Chúng tôi xuất gia và thọ giới tại một ngôi chùa lịch sử của xứ đất Ngũ Phụng Tế Phi. Ngôi chùa đã được khai sơn cách đây hơn 4 thế kỷ. Vị Tổ sư khai sáng có Pháp hiệu là Minh Hải Pháp Bảo, thuộc dòng Lâm Tế đời thứ 34. Như vậy ngài là đệ tử đã đắc pháp từ dòng Lâm Tế. Lâm Tế tông là một phái Thiền rất được thịnh hành ở vào thế kỷ thứ IX đời nhà Minh Trung Hoa, thủ thuật của Phái này chuyên dùng lối hết đề trả lời mỗi khi có người đến hỏi về Đạo lý Thiền. Hòa Thượng Minh Hải Pháp Bảo dĩ nhiên đã được đắc Pháp chơn truyền từ dòng Lâm Tế.

Chúng tôi tưởng chừng như khi đến thọ giới ở đó với các môn đệ của ngài hiện nay, cũng được thưởng ngoạn những tiếng hét c h á t chúa vang dội của Thiền. Thế những người lại với ước đoán trên của tôi, thay c h o tiếng la hét ấy lại là những lời chào hỏi bằng những tiếng niệm Phật. Chúng tôi niệm Nam Mô A Di Đà Phật mỗi khi chúng tôi gặp nhau hay những giờ tĩnh tâm hồ canh chúng tôi cũng đáp Nam Mô A Di Đà Phật. Và trong những sinh hoạt hàng ngày chúng tôi cũng niệm Nam Mô A Di Đà Phật không ngại ngừng vấp vấp gì cả. Một cách tự nhiên, tiếng niệm Phật gần như hay hoàn toàn là một công án cho sự tu tập của chúng tôi hàng ngày. Trừ mọi người chúng tôi, không ai bảo ai phải dùng lối Hết của cha ông mình đã từng dùng ngày xưa để khai mở tâm trí cho đồ đệ, mà chỉ niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Mô Phật... Qua đó, chúng ta có thể phê bình rằng những kẻ hậu côn chúng ta đã vô tình hay cố ý quên đi công lao lập tông của Thầy Tổ mình rồi chăng? Nếu không tại sao chúng ta hành động một cách không chuyên nhất như thế - trong khi chúng ta là đệ tử của dòng thiền mà lại xử dụng

tiếng niệm Phật của Tông Phái Tịnh Độ - bởi lẽ tiếng niệm Phật là một phương pháp tu tập theo lối xưng danh niệm Phật của Tịnh Độ Giáo? Hay là Thiền Tông và Tịnh Độ Giáo đã có một sự gặp gỡ rất tự nhiên ở trên lãnh vực nào đó?

Ngày nay, hàng đệ tử xuất gia cũng như tại gia, ai ai cũng được mang Pháp danh bằng một tên mà chữ đầu được lấy từ một bài kệ truyền từ một vị Tổ thuộc dòng thiền Lâm Tế mà tiếng niệm Phật luôn luôn nằm trên đầu mỗi chót lưỡi của họ. Chắc có lẽ Thiền và Tịnh đã không rời nhau được như một với răng vậy.

Để tìm hiểu ý nghĩa này, chúng ta hãy cùng nhau đi sâu vào lãnh vực Triết lý Hành động của hai Tông Phái này.

B:- TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG CỦA THIỀN TÔNG:

Ngược dòng thời gian trở về thời kỳ nguyên thủy của Thiền Tông đi tìm lại Triết lý hành động của Thiền thật là một việc làm hoài công vô ích. Hay nói đúng hơn là làm như thế chúng ta đã đi ngược lại bản ý của Thiền. Điều đó chẳng khác gì đi tìm lại vết tích của con chim nhận bay qua giữa hư không hay tìm bóng dáng của nó trên mặt nước biển Đại Dương. Vì rằng khởi thủy của Thiền cũng như triết lý hành động đã không dùng đến ngôn ngữ. Thiền muốn đạt đến cái gì cao hơn ngôn ngữ mà chính ngôn ngữ bất lực không diễn tả được. Tuy nhiên trong một giới hạn nào đó của triết học nhị nguyên chúng ta lạm dụng ngôn ngữ để được phép tìm lại bóng dáng của nó.

Triết lý Thiền là một triết lý không có triết lý gì cả. Thiền không muốn kẹt ở ngôn ngữ văn tự. Ý nghĩa được để lại trong bài kệ đã xem như cốt tủy của Thiền:

"Bất lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật".
(Chẳng dùng văn tự
Truyền ngoài kinh điển
Chỉ thẳng tâm người
Thấy tánh thành Phật)

Thật vậy, chân lý sẽ không bao giờ hiển lộ dưới thêm ngôn ngữ, ngôn ngữ chỉ có thể diễn tả được những khái niệm về một cái gì đó mà được nhìn thấy bằng mắt nghe được bằng tai. Đạo lý giải thoát niết bàn không thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt, nếu có chăng cũng chỉ là gượng ép mà thôi. Như vậy ngôn ngữ mà thiền muốn diễn đạt ở đây chính là cái gì cao hơn ngôn ngữ. Vì vậy Thiền đã không trệ ở ngôn cú văn tự, truyền ngoài kinh điển ước lệ. Chân lý lý tưởng mà Thiền muốn đạt đến vẫn: "Ly tâm duyên tướng, Ly danh tự tướng, Ly ngôn thuyết tướng". (Lìa hẳn ngôn ngữ, lìa hẳn văn tự, tâm không duyên đến được). Cho nên khi trao truyền tâm ấn về thiền, đức Phật cũng đã truyền bằng sự yên lặng. Một ngày kia trên ngọn núi Linh Thứu. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thăng tòa để giảng Pháp, lần này đức Phật không dài dòng luận giải, Ngài chỉ cầm một cành hoa do một cử sĩ vừa dâng cúng đứng lên trước Đại chúng, yên lặng không nói một lời. Trong chúng không có ai hiểu bốn ý của Ngài nói gì, chỉ có Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp mỉm cười như ngầm thâm ngộ ý nghĩa của bài pháp không lời nhưng rất hùng hồn của Đức Thế Tôn. Phật bèn bảo ông Ca Diếp: Ta có kho tàng quý nhất tâm linh siêu việt, nay trao cho ông Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp. Vô môn quan tắc thứ 16 có ghi lại câu chuyện này như sau: "Thế tôn tích tại linh sơn hội thượng, niệm hoa thị chúng, thị thời chúng gia i mặc nhiên, duy Ca Diếp Tôn Giả phả nhan vi tiếu. Thế tôn vân: Ngộ hữu chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng vi diệu pháp môn, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền phó chúc Ma Ha Ca Diếp".

Chánh pháp nhãn tạng từ đây được truyền thừa mãi cho đến vị Tổ thứ 28 Ấn Độ đó là Bodhidharma (Bồ Đề Đạt Ma). Năm 520 sau tây lịch, Bồ Đề Đạt Ma vượt sóng yào Trung Quốc thuộc triều vương Lương Võ Đế. Nhiều thần dân quý phái đón rước, lần đầu tiên diện kiến với vua họ Lương.

... Vua Lương Võ Đế hỏi: "Chân lý cùng tốt

của Đạo thánh là gì? (Như hà thị thánh đế đệ nhất nghĩa?)

-Sứ đáp: "Trống rỗng hồn nhiên không có gì là thánh cả." (Quách nhiên vô thánh). Câu chuyện xảy ra để lộ tôn chỉ của Thiền, Lương Võ Đế bậc lãnh đạo tối cao của Phật Giáo đương thời vẫn không thể lãnh hội ý nghĩa đó. -Ngài thật vọng thấy không thể làm gì hơn được để hóa độ cho họ, đành bỏ đi vào đất Ngụy ở ẩn trong chùa Thiếu Lâm chín năm yên lặng diên bích. Một sự yên lặng phủ trùm khắp cả núi đồi Thiếu Lâm.

I. - Ý NGHĨA VÀ CÁC PHÁI THIỀN:

Nói đến thiền không phải chỉ đề cập đến cái gọi là Thiền Tông mà trong đó thiền còn có nhiều Tôn phái khác nhau.

Thiền là dịch âm của chữ Dhyana (tiếng sanskrit) và Jhana (tiếng Pàli), nói đủ là Thiền na. Nghĩa gốc của Dhyana là tư duy hay tĩnh虑, nhưng trong lịch sử văn hóa Ấn Độ cách dùng này không phải nhất định mà dường như còn có nhiều ý nghĩa khác nữa. Thiền còn có nhiều tên khác như: Tam muội Tamma tha, tam ma bát đề? Thiền Trung Hoa dịch là Định, trong lúc đó gọi là Thiền na Bà la mật (dhyana paramita). Thiền cũng gọi là chỉ quán. Chỉ dùng giới định để ngăn ngừa vọng tâm, Quán: dùng trí tuệ để tư duy vào đối tượng.

Về mặt hình thức thì trước hết phải là m cho thân thể yên tĩnh đoạn nghiêm để giúp cho tinh thần được thông nhất, đó là cách tu luyện thân thể. Đây là hình thức phệ thông đối với lối tu thiền mà nó là yếu tố hết sức trọng yếu, nếu không có nó thì phép tu thiền không thành tựu được. Nhưng nghĩa căn bản của thiền không phải cốt ở sự tĩnh nhất tinh thần mà không tư duy về một sự kiện hoặc một cảnh giới nào đó, cho nên thiền còn mang ý nghĩa Thiền quán là vậy. Hay chỉ quán. -Chỉ làm cho tâm yên tĩnh khi cần tiếp xúc với trần, quán là y theo vào chỉ mà tư duy về một cảnh giới nào đó. Như thế chỉ quán mới biểu hiện đúng ý nghĩa của Thiền.

Để khỏi lầm lẫn trong việc so sánh giữa Thiền và Tịnh, chắc có lẽ điều mà chúng ta muốn thực hiện là việc so sánh giữa Thiền Đại Thừa, Như Lai tối Thượng thừa Thiền với Tịnh Độ giáo hơn là với các phái Tiểu thừa khác. Tuy vậy, vì cùng chung ý nghĩa Thiền cho nên chúng ta cũng không quên tìm hiểu

CẢNH GIỚI HOA NGHIÊM

THUYẾT 4 NHÂN DUYÊN

TỊNH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG

Thế nào là ĐĂNG VÔ GIÁN DUYÊN?

Điểm này vi tế và sâu. Và không có nền triết học thế gian nào, hay một nền giáo lý nào khác lại có thể nói tới duyên này. Thực ra, về điểm ĐĂNG VÔ GIÁN DUYÊN này, các vị luận sư từ trước tới nay, có thể đưa ra 1 số lý giải khác nhau... Sau đây là chỉ nói tới lối lý giải được thừa nhận nhiều hơn hết, và nhất là đã được ngài Long Thọ xác nhận trong bộ Đại trí độ luận.

Muốn hiểu ĐĂNG VÔ GIÁN DUYÊN, cần phải nhắc lại chữ ĐIỂN ở trong 6 chữ Mông Áo Bào Ảnh Lộ ĐIỂN đã được nói đến trong kinh Kim Cang, và đã được giải thích kỹ càng ở những trang trên.

ĐIỂN có nghĩa là tia chớp nháng (Flash hay étincelle). Những tia chớp nháng này là những hiện tượng biến ảo, nửa như tâm, nửa như vật, nửa như vô hình, nửa như có hình sắc, nửa như hạt phân tử nửa như làn sóng ba động, vì chúng ở nơi bờ mé của sắc và hư không. Có thể nói chúng chính là những tâm niệm vi tế (sát na) trong diễn trình biến hiện của Tâm, và cũng chính là những viên gạch cơ bản đã tạo nên thân và tâm các loài chúng sanh cũng như tạo nên vũ trụ hay pháp giới này.

Mỗi tâm tưởng của chúng ta là một GIÔNG biến hiện liên miên của vô lượng nhỏ tia chớp nháng đó, vừa sanh ra đã diệt đi, nhỏ cái sau tiếp nối cái trước gần như không có kẽ hở, cái sau không phải là một vớ i cái trước nhưng cũng không phải là khác. Như thế, sự xuất hiện liên miên ấy có vẻ như TƯỚNG TỢ TƯỚNG TỤC, và tạo nên những tâm tưởng triền miên.

Không những tâm tưởng (nội pháp) là như vậy, mà những sự vật bên ngoài cũng được dệt như vậy, bằng những tia chớp nháng dệt khởi lên từ nơi Chân không hay Diêu tâm.

Như ở những trang trên đã nói về ngọn nến cháy hay cây cam... Trong một sát na ấy, có vô lượng những tia chớp nháng tinh lực hay điện tử xet lên, và tất cả kết lại thành 1 tổng tướng ảnh tượng có hình sắc mùi vị và cố về rắn chắc, mà nghiệp lực cùng những giác quan thô kệch của chúng ta nhận định cho là cây cam. Rồi đến sát na kế tiếp cũng vậy, cũng có vô lượng tia chớp nháng xet lên tương tục, và kết thành một tổng tướng ảnh tượng tương tự mà chúng ta vẫn cho là cây cam... Kỳ thực thì vật ấy (cây cam) chỉ là một GIÔNG biến hiện liên miên của những tia chớp nháng vi tế chiếu cảm bởi nghiệp lực tích lũy từ vô thủy của chúng ta. Và những tia ấy vi tế quá, xuất hiện mau lẹ quá, nên nhận quan của chúng ta không thấy nổi, mà chỉ thấy là cây cam... Khi chúng ta tu hành đắc thiên nhãn hay pháp nhãn thì sẽ nhìn thấy, và lúc đó, mới thấy rõ ràng thế gian này là biến hóa như huyền.

Vì tâm tưởng cùng sự vật đều niệm niệm biến hiện lưu chuyển trôi lăn như vậy, khi biết đến ngày nào mới trở lại HOÀN DIỆT, nên nhà Phật thường gọi là HÀNH, và kinh nói: Chư hành vô thường. Chư hành ấy là chỉ cho cái khía cạnh lưu chuyển trôi lăn đối đãi, và đồng thời cũng chỉ cho cái ĐẢ NỘI TẠI (élan intrinsèque du immanent) hay Tinh lực nó khiến cho mọi vật biến hiện lưu chuyển... Trong ngũ uẩn, thì có Hành uẩn. Hành uẩn tức là cái Lực của Nghiệp thức, nó khiến cho giống tâm thức biến hiện lưu chuyển liên miên như thác đổ. Nhưng không những tâm tưởng biến hiện lưu chuyển, mà những sự vật bên ngoài cũng biến hiện lưu chuyển như vậy... Nhưng sở dĩ chúng ta dễ nhận thấy sự biến hiện của tâm tưởng hơn, là vì tâm thức con người dễ nhận thấy sự trôi lăn của những hư minh vọng tưởng của chính nó, trong khi 5 giác quan thô kệch



(tiếp theo)

Tứ quân có trông linh căn tứ kiếp trước, thân quyền thờ Phật mấy đời, khi nhớ đã được dây dũ về gia huân, lớn lên lại trải đời ba mươi năm học hỏi lịch duyệt, vì sao lại bỏ nói huyền diệu, dùng chữ tâm thường mến chuông đàn tỳ mà cho in ra như thế? Nên biết, sự hoằng pháp lợi sanh quý ở nơi biết thời cơ. Cách điều trị đáng dùng, cho căn bệnh người đời nay, bậc thông hiểu Phật giáo không chịu chỉ rõ, dẫu nói nghệ phương pháp cao huyền, phần nhiều là nghệ thuật thuộc không hợp với bệnh. Đôi khi do thứ thuốc quý ấy, bệnh lại tăng thêm. Ấn Quang cũng như kẻ dùng y, chẳng những không rõ gốc bệnh lại không hiểu tánh chất thuốc, chỉ đem hoàn Vạn Ứng A Đà Đà (A Đà Đà dịch là Phổ Trí, thuốc trị tất cả bệnh) của tiên tổ bí truyền, bao nhiêu chứng hư, thật, hàn, nhiệt, đều dùng hoàn này cho uống. Nếu ai có lòng tin, dùng thứ sẽ được an lành. Cho đến những chứng bệnh Tân Hườn, Biến Thước đều bỏ tay, khi uống thuốc này vào, liền thấy hồi sanh khởi tử. Cho nên đối với những kẻ có tâm cứu giúp người đời, tôi không ngại gì đưa thiệp quang cáo, để tất cả bệnh nhân đều được uống hoàn này. Tôi vẫn biết các phương thuốc của Tân Hườn, Biến Thước là nhiệm mầu, song chẳng khuyên người dùng, vì bệnh thuộc về túc nghiệp không phải sự cứu của thần y trị được...

Chúng thật tướng ngay đời hiện tại, chẳng phải thế gian tuyệt không người, nhưng người cư sĩ chưa có căn lành ấy. Nếu tôi khê nói rõ duyên cớ, hoặc khi cư sĩ chỉ cao mà hành chưa kịp, vì quá vọng tưởng đến sự chứng quả, lâu ngày sinh ra bệnh cuồng loạn tâm. Chúng ấy cầu siêu hòa ra doa, muốn khéo trở thành vung, kết quả cũng không thoát khỏi luân hồi. Phải biết, ngộ được lý nghi-

Lá thơ Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ PHÚC ĐÁP CƯ SĨ

ở Vĩnh Gia

không, duy hàng phạm phu lợi căn mới có đủ khả năng. Như bậc người Viên giáo ở nơi vị danh tự tuy chưa phục đoạn phiền não, mà sự tỏ ngộ cùng chư Phật vẫn đồng. Nếu nói ước về tông, cảnh giới ấy gọi là đại triết đại ngộ; ước về giáo là đại khai viên giải. Nhưng đại ngộ cùng viên giải, không phải chỉ tỏ ngộ một cách mừng tương dẫu! Như Bàng cư sĩ nghe Mã Tổ nói câu: "Đợi khi nào người uống một hớp hết nước sông Tây ta sẽ nói cho", liền quên ngay sự huyền giải. Ngài Đại Huệ Kiều nghe Viên Ngộ thiên sư ngâm câu: "Gió nổi vào điện các. Hơi mát vẫn vô sanh", cũng thế. Trí-Giả đại-sư tụng kinh Pháp Hoa đến câu: "Đó là chốn tinh tấn, gọi là chốn pháp cúng dường Như Lai..." trong phẩm Dược Vương bản sự, thoát rỗng suốt đại ngộ, lặng lẽ nhập định, thấy hội Linh sư nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ được như thế mới gọi là đại triết đại ngộ, đại khai viên giải. Đó là ngộ đạo, nếu nói đến chứng đạo vào thế thật tướng, thì lại không phải là việc làm của hàng cụ phước phạm phu. Ngài Nam Nhạc Huệ Tì, thấy đặc pháp của Trí Giả đại sư, là bậc có thần thông trí huệ lớn. Khi sắp tịch, có người hỏi đến chỗ chứng, ngài đáp: "Ta ban sơ chỉ cầu đồng luân, nhê vì lãnh chúng quá sớm, chỉ chứng được thiết luân mà thôi". (Đồng luân tức là vị thấp trụ, phá vô minh, chứng thật tướng, vào cõi thật báo, phần chứng tịch quang. Bậc sơ trụ có thể hiện làm thân Phật trong một trăm cõi đại thiên để giáo hóa chúng sanh. Nhị trụ thì một ngàn cõi, tam trụ một muôn, mỗi trụ số tăng lên gấp mười. Thiết luân tức là vị thấp tin. Sơ tin dứt kiến hoặc, thất tín dứt tư hoặc, bát, cửu, thập tin, phá trần sa, phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở ngôi thấp tin, thì còn chưa chứng, được thật tướng). Trí Giả đại sư là đức Thích Ca hóa

thân, lúc sắp tịch, có kẻ hỏi: "Đại sư chúng đến vị nào?" Đáp: "Nếu ta không lãnh chúng, tất thanh tịnh sáu căn, vì tôn mình l ợ i người nên chỉ được ngũ phẩm." (Sáu c a n thanh tịnh tức là vị thập tín, như p h ả m Pháp sư công đức trong kinh Pháp Hoa, d ấ nói. Ngũ phẩm là vị quán hạnh, phục hết ngũ tru phiến não mà chưa dứt được kiến hoặc) Ngẫu Ich đại sư lúc lâm chung có bài k ệ rằng: "Danh tự vị đây là Phật nhân. Rồi r a biết sẽ phó cho ai?" (Địa vị danh tự viên ngộ tạng tánh, chỗ tỏ ngộ đồng với Phật, song còn chưa phục được kiến, tư hoặc, huồg chi dứt trừ? Người đại ngộ ở đời mat pháp, phần nhiều thuộc về hạng này. Xem như ngài Ngũ Tổ Giới thân sau làm Tô Đông Pha, ngài Thảo Đường Thanh làm Tăng Lô Công, ấy cũng còn khá. Kế đó, ngài Hải Ấn đầu thai làm con gái ông Châu Phòng Ngự, và t e hơn hết l ả cao tăng ở non Nhạn Đàng kiếp sau làm Tân Cối. Bởi các vị ấy tuy ngộ suốt lý tánh mà chưa dứt được phiến hoặc, nên một phen thọ sanh, phần nhiều quên mất túc căn). Như Ngẫu Ich đại sư thì hiện ở vị danh tự, Thiên Thai Trí Giả ở vị quán hạnh, Nam Nhạc Huệ Tử ở vị tướng t ộ, thì thấy thật tướng pháp không d e gì chúng. Thật ra bản địa của b a đại sư đều không thể suy lường, nhưng vị số người đời sau chưa chứng xứng rằng chúng, nên các ngài dùng thân thuyết pháp khiến cho hàng hậu tấn xét mình h ồ, then, dứt b ố tánh tự thì, ngồg cuồg. An đức thì hiện r ần dạy ấy, dù nát thân cũng khó d e n ấp. Vậy cứ si nên tự lường xem mình có t h ế siêu việt ba đại sư ấy chăng? Tốt hơn l ả nên niệm Phật, tụng kinh bồi đắp căn lành, ngày kia sanh về Tây Phương, tùy nơi công hạnh cạn sâu lần lần tu tập, thì sớm muộn gì cũng sẽ được đạo quả. Ấy là con đường duy nhất d e chúng thật tướng của người đời nay đó!

Kim Luân chú pháp không cho hỏi việc, chỉ được hỏi căn lành hoặc pháp môn mà thôi. Nhưng chúng sanh đời mat pháp chẳng luân căn lành có hay không, đều quyết định phải chuyên tu Tịnh Độ, vậy cho nên hỏi pháp môn làm chi. Đến như căn lành nếu có, nên gắng sức tu thêm, không, lại càng phải cố công vun bồi, cũng không cần hỏi. Chỉ nên trichú giúp tu tịnh nghiệp, ch ợ v ội tác pháp làm nhọc lớn Phật thánh. Nếu thường tác pháp mà tâm không cung kính, chí thành, sẽ khởi các việc ma. Duy có một điều nên tác pháp, nhưng không phải là phần việc của cư sĩ. Ví như có người phát tâm xuất gia, mình chưa chúng

đạo, không thể quán căn c ỏ người ấy, mới cầu Phật tử bi thăm chí thị xem có n e n thâu nhận chăng? Làm như thế d e tránh mối t e; hang vô lại lần vào phá rối Phật pháp. Người đời nay trong sự thâu d e tư, c h i muốn cho được nhiều. Đôi khi biết rõ đó là ke' ha lưu, cũng gấp gấp dung nạp sợ có mất đi, không nghĩ gì đến sự lựa chọn. Tâm tham danh lợi, ưa quyền thuộc ấy, khiến cho Phật pháp suy tàn đến mức, khó nổi chân hưng!

Nghiệp chườg nặng, tham giận nhiều, thân suy yếu, tâm kinh sợ, phải một lòng niệm Phật, lâu ngày các chúng ấy tự tiêu trừ. Trong phẩm Phổ Môn nói: "Chúng sanh n ầ o nhiều dâm dục, giận hơn, ngu si, nếu thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được xa lìa các nghiệp ấy. Niệm Phật cũng như thế, song phải dùng hết tâm lực, đứng tap tườg, nghỉ ng ờ, thì câu việc gì cũng được Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có nhân duyên rất lớn với chúng sanh cõi Ta Bà, ngoài thời niệm Phật, nên kiêm trì danh hiệu ngài. Hoạc giả, kiêm trì chú Lăng Nghiêm hay Đại Bi cũng được.

Đến như việc xem kinh, nếu muốn làm Pháp sư vị chúng tuyên dương, nên trước x e m chánh văn, sau sẽ xem lối chú số. Nếu xét thấy mình tinh thần không đầy đủ, kiến giải chẳng hơn người, thì hãy chuyên niệm Phật, ch ớ nên phí tâm lực, hao tháng ngày đi theo việc không cần kíp ấy. Như m u ồn tùy phân duyệt kinh d e được thêm phần lợi ích, phải giữ ba nghiệp trong sạch, Khấn thiết chí thành, lay Phật rồi ng ồi dinh tâm giây phút, sau sẽ giớ kinh, tụng ra tiếng hay lặng lẽ xem. Khi ấy phải ng ồi ngay ngắn như đời trước Phật nghe l ớ i viên âm, không dám móng khởi một n i e m biếng trễ, phân biệt, chẳng nên tìm hiểu văn nghĩa, chỉ một mạch xem tháng tứ d ầu đến cuối. Duyệt kinh như thế, nếu là b ấ c lợi căn, có thể ngộ lý nhị không, chúng pháp thật tướng, dù người căn tánh t ố i ch ấ m, cũng được tăng thêm phướchue, nghiệp chườg tiêu trừ. Đức Lạc Tổ bảo: "Chỉ xem kinh Kim Cang cũng có thể minh tâm kiến tánh," tức là nói lối xem trên đây, vì thế mới gọi là "chỉ". Y như thế mà duyệt kinh thì xem các kinh Đại Thừa đều có thể minh tâm kiến tánh, d ầu riêng gì kinh Kim Cang? Ch ớ, nên một mat theo sự phân biệt, tìm hiểu: câu này nghĩa ra sao, đoạn này ý thế nào? Bởi vì đó thuộc về vọng tườg, s u y lường, không thể thâm hiệp với tâm Phật.

ngộ suốt lý kinh, và làm nhân duyên cho sự diệt tội sanh phước. Xem kinh với tâm phân biệt, nếu biết cung kính thì còn có thể gieo chút căn lành, bằng bằng trẻ, khinh thường, chắc không khỏi đem nhân lành mà gây quả ác, sự khổ sẽ vô cùng! Người xưa rất chuyên trọng nghe kinh vì tâm khó sanh phân biệt. Như có người tụng kinh ra tiếng một người ở gần bên nhiếp tâm lắng nghe mỗi câu chữ rõ ràng, chẳng dám duyên theo cảnh bên ngoài, vì nếu xao lãng một chút thì bị gián đoạn, vẫn nghĩa không được suốt thông. Khác hơn thế, người tụng bởi có văn kinh để y cứ, dù không chuyên chú cũng đọc được rành rẽ. Người nghe chỉ nương theo tiếng, nếu phóng tâm liền dứt mất sự liên lạc. Nghe kinh được như thế, công đức đồng với người tụng cung kính chí thành. Nếu nghe tụng kinh kém lòng thành kính, công đức lại không thể sánh kịp người nghe.

Đời nay, nhiều kẻ xem kinh Phật như giầy cũ, trên bàn kinh để những tạp vật lẫn lộn búa búa. Khi duyệt kinh, không rửa tay, súc miệng, có khi rung lắc thân mình, vật treo chân lên, thậm chí buông ra hơi dưới, chẳng kiên sự chí cả. Như thế đâu phải muốn diệt tội sanh phước, mà muốn cho loài ma vương phá hoại Phật pháp, chúng mình khen ngợi mình là "người bao quát dung thông, rất hợp với đạo mẫu Đại Thừa không còn chấp trước. Hàng Phật tử chơn tu trông thấy chỉ có nể lạnh lẽ thường buồn, thậm chí rời lệ than thở cho cảnh ma quyến thanh hành, không biết làm sao cứu vãn được! Trước xưa ngài Trí Giả tụng kinh bỗng rỗng suốt tỏ ngộ lặng lẽ nhập định, nếu có tâm phân biệt thì đâu dễ như thế ư? Một vị cô đức tá kinh Pháp Hoa, chầm chú quên cả muốn duyên, đến trời tối vẫn còn ngồi viết. Kẻ thị giả đi vào thưa: "Trời tối lắm rồi, sao thấy còn tá k i n h được?" Vị ấy liền giục mình xem lại thì đã tối sẫm không thấy bàn tay. Khi duyệt kinh tham thiền, trí chú, niệm Phật, nếu đồng một sự chuyên tâm như thế, dụng công lâu lâu, sẽ có ngày được suốt thông, tỏ ngộ. Đời Minh ngài Tuyết Kiều Tín thiên sư, người ở thành phủ Ninh Ba, trung niên xuất gia, dốt không biết một chữ. Nhưng nhờ công khổ hạnh siêng năng tham cứu, nhin việc khó nhin, làm việc khó làm, không bao lâu ngài bỗng đại triệt đại ngộ, những lời nói ra đều hiệp với thiên cơ. Rồi tư đó lần lần ngài tự biết đọc, viết, không mấy lúc đã nghiệm nhiên là một nhà thông thái bút pháp tung hoành. Nhưng sự lợi ích như thế đều từ nơi tâm

chuyên tinh tham cứu, không phân biệt mà có. Người duyệt kinh nên lấy dây làm giường mẫu. Tập Ngữ-lục của Tuyết Kiều Tín thiên sư đã được bỏ vào đại tạng kinh nhà Thanh Tân si Đàm Tao An, một bậc thạc học qui y với thiên sư có khắc bia hơn muôn lời để ca tụng đạo hạnh của ngài. Vậy khi duyệt kinh quyết không nên khởi lòng phân biệt; được như thế vọng tưởng sẽ tự lặng chìm, tánh thiên chơn lần lần hiện rõ.

Nếu muốn nghiên cứu kinh để hiểu nghĩa lý hoặc chú sớ ra, nên dành một thời riêng chỉ chuyên về việc ấy. Lúc nghiên cứu tuy không nghiêm cẩn bằng khi xem, nhưng cũng chẳng nên toàn không cung kính, bất quá có d o i chút thờ thái hơn mà thôi. Như chưa được nghiệp tiêu trí sáng, phải lấy sự duyệt kinh làm chủ, phần nghiên cứu chỉ nên phụ lược. Chẳng thế thì cùng năm mãn tháng cứ mãi theo việc nghiên cứu, dù cho tìm hiểu được như vệt mây bảy trắng sáng, mờ mờ ứ a thấy non xanh, cũng chỉ thêm nguồn biển bác trên đầu mỗi chót lưỡi, có can thiệp gì đến sự tu' sanh đâu? Rồi ngày ba mươi thg, chạp đến nơi, quyết định không dùng một máy may nào được! Nếu có thể y như cách trên mà duyệt kinh, thì những nghiệp tham giận tình chấp lẫn lộn tiêu tan, trí huệ trở nên sáng suốt. Bằng chẳng thế, đã không được sự thật ích, lại còn e do nghiệp lực đời trước, dẫn sanh tà kiến, bác không nhân quả, nghề phiến nào đâm, giết, trộm, dối, sẽ kế tiếp nhau nổi lên như lửa cháy bùng. Lúc ấy đôi khi lại còn cho mình là người tu Đại Thừa, tất cả đều không ngại, đem câu: "Tâm bình cần giữ giới" của Lục Tổ, tự bảo chưa: "phá giới mà không phá mới thật là giữ giới." Trên đường tu hành có nhiều nơi hiểm nguy, chơn pháp rất khó được là như thế! Vì lẽ ấy, chư Tổ' phân nhiều đều chủ trương tu Tịnh độ, để nhờ sức từ của Phật đẹp trừ nghiệp lực khiến cho không phát hiện. Vậy cư sĩ nên lấy sự niệm Phật làm chánh, duyệt kinh làm trợ. Trong các kinh như: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Niết Bàn, Viên Giác, hoặc chuyên chú một bộ hay luận phiến mà xem. Phép duyệt kinh quyết không nên khác với lời tôi nói. Nếu thờ ơ không kiêng sợ, tất bị những tình kiến phân biệt làm mất sự lợi ích lớn, tội nghiệp sẽ vô cùng!

Lúc trước tôi cho rằng cư sĩ cùng Sư Thân đều đã tin triệt để pháp môn Tịnh Độ. Đến khi xem bài văn cáo của cư sĩ hỏi Từ Quán thì thấy nói muôn trí chú và nghiên cứu u

giới học. Lại bảo: "Về công đức của mật chú trong tông Tịnh Độ không thấy có sự cao siêu như thế, nên lòng nào ngục chưa biết có nên theo cùng chăng?" Cư sĩ thu xét mình là căn cơ bậc nào mà lại muốn thông đạt tất cả pháp môn như thế? Tôi chỉ e sự tán loạn bất định ấy lâu ngày có thể làm cho cư sĩ rời tâm mê muội đó thôi. Còn Sư Thân thì cho rằng: "Theo Mật Tông chú lục di dến đầu dù là một chút hơi bay bụi dính, chúng sanh nói đó đều được giải thoát, Tịnh Tông không có sự lợi ích như thế!" Phải biết, trì chú tuy công đức vô lượng, niệm Phật há không năng lực chẳng nghi bàn? Sao chẳng xem đoạn: Chúng sanh phạm tội ngũ nghịch thập ác, khi sắp chết tướng địa ngục hiện, niệm Phật vài tiếng liền được vãng sanh? Lại há không thấy trên hội Hoa Nghiêm các Đẳng - Giác Bồ Tát chúng đồng với Phật, còn phát mười đại nguyện vọng hồi hướng Tây Phương để cầu viên thành quả giác đó ư? Và, nếu môn Tịnh Độ không thù thắng, tại sao chư Phật, Tổ, cho đến ngàn kinh muôn luận đều ân cần căn cứ khuyên bảo tu trì? Thật ra, các pháp môn Đại Thừa đều viên diệu, chỉ vì chúng sanh duyên có cạn sâu, căn cơ có sanh, thực thành thứ sự lợi ích có khó cùng dễ đó thôi! Ngài Thiên Đạo là Đức A Di Đà hóa thân, trong khi khai thị về chuyên tu, ngài khuyên dạy: "Dù cho bậc thánh trong bốn quả hoặc hàng Bồ Tát ở những vị trụ, hạnh, hưởng địa, nhân đến mười phương chư Phật đầy cả hư không, pháp giới, đều hiện thân phóng quang, bao hãy bỏ môn Tịnh Độ, các ngài sẽ truyền dạy pháp môn thù thắng, cũng chẳng dám vâng theo, vì trước đã quyết chí chuyên tu Tịnh Độ nên không thể trái lời nguyện!" Thiên Đạo hòa thượng, biết trước người đời sau hay "đứng núi này trông núi nọ" rồi không có định kiên, nên mới nói lời ấy. Lời vàng ngọc trên đây, chính những kẻ đã tôn ngài làm thầy còn ít biết vâng theo, huống chi người chưa nghe hiểu? Một pháp môn rất hợp lý hợp cơ như thế ở trước mắt mà đành bỏ qua, lại đi theo con đường nghiệp thức mơ màng, không thiện, không tịnh, há chẳng phải là nghiệp ác đời trước xui khiến hay sao? Thương thay!!

(còn tiếp)



(tiếp theo trang 4)

không thể tế nhận nổi giống lưu chuyển của ngoại vật.

Vậy thì Đẳng Vô Gian Duyên là cái gì?... Đối với một tâm niệm B hoặc tia chớp nhỏ B, thì Đẳng Vô Gian Duyên của nó chính là tâm niệm hay tia chớp nhánh A xuất hiện NGAY TRƯỚC NÓ. Tia chớp nhánh A này x e t lên rồi biến đi, và DUYÊN cho tia chớp nhánh B x e t lên. Vì 2 tia chớp kế tiếp nhau gần khít, như không có khe hở, nên gọi là Vô Gian. Và như thế, tức là Đẳng Vô Gian Duyên, vì có cái tia chớp trước mới có tia chớp sau... Suy gẫm rộng hơn nữa, thì tất cả những tia chớp xuất hiện trước A đều là duyên cho tia chớp B, nhưng có đều là những viên duyên và hữu gián, chứ không phải là vô gián.

Cũng có thể nói rằng Đẳng Vô Gian Duyên là Duyên trải theo THỜI GIAN.

Đối với sự vật cũng vậy... Tỷ dụ như đối với cây cam ở sát na B, thì sự hiện hữu của nó ở sát na ấy là một tổng tướng ảnh tượng của cây cam ở sát na ấy, và ở sát na kết tập bằng vô lượng tia chớp ở sát na ấy. Và Đẳng Vô Gian Duyên của B tức là tổng tướng ảnh tượng A xuất hiện ở sát na ngay trước nó. Đẳng Vô Gian Duyên là như vậy.

Bởi vậy, nên Đại trí độ luân nói: "Khi một hành giả nhập Vô tướng định, hay một bậc A La Hán nhập Diệt thọ tướng định, thì cái giống biến hiện của tâm thức vì đó cũng tạm thời chấm dứt, và cái chuỗi đẳng vô gián duyên cũng tạm thời ngừng lại...". Và trong các kinh, Phật cũng thường dạy: Cái tâm niệm đầu tiên của một hành giả phát tâm vào Đạo, và cái tâm niệm sau cùng lúc thành Chánh giác, 2 tâm niệm đó không phải là một mà cũng chẳng phải là khác. Nói cho đúng ra, khi một hành giả quán chiếu về nhân duyên mà đã biết quán chiếu Đẳng Vô Gian Duyên theo thế thức chiếu DIỄN trên đây, thì hành giả đó đã gần như bước vào bình diện quán chiếu cùng lối nhìn như huyền của các bậc Đại Bồ Tát rồi...

Trích tập Tánh Không và Kinh Kim Cang
Tịnh Liên
Nghiêm Xuân Hồng

ẢNH HƯỞNG NGÔI TAM BẢO ĐỐI VỚI DÂN TA

Đoàn Trung Còn

Học giả Nguyễn Doãn Can lược sùu lục

Đời sống của dân-tộc Việt-Nam ta mà được thâm-trầm, thuần-nhã, thanh-đạm, tinh-vi, một phần lớn là nhờ chịu sức cảm-hóa của ngôi Tam-Bảo vậy. Đạo-lý tử-bi của đức Phật truyền sang xứ ta kể ra không dưới một ngàn tám trăm năm, một nền đạo-lý trong sự hỷ, xả, ái, mãn, khuyến sự thương các chúng sanh như thương mình, một nền đạo-lý dung hợp với tâm-trí của các hạng người; chẳng luận già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, tại-gia hoặc xuất-gia, con Thuyền bát-nhã đều đưa độ cho hết, ngọn đuốc quang-minh đều soi tỏ cho hết mà đẹp lân nhũng mỗi chúng-ngại, si-mê.

Ái-cố quan-tâm mới, thấy rõ cái ảnh-hưởng thâm-thúy, êm-đềm ấy phát lộ ra trong cuộc sanh-hoạt của dân ta, từ lời nói đến hành-vi hằng ngày. Bỉ-nhân đã từng đi đò đi đây, đã từng giao-tiếp với các hạng khắp trong ba Kỳ, đã nhận thức cái ảnh hưởng ấy mà sanh ra một mối cảm-mến thâm thía, dịu-dàng.

Nay muốn trưng ra cái ảnh-hưởng thâm-trầm thuần-nhã của đạo-Phật để cung-phụng cho chủ-độc-giá thiện-tâm. Tương-nền nương theo những lời ăn-tiếng nói của quốc-dân ta, những câu ca-dao bắt vần, cùng những ảnh hưởng của các hàng thi-nhân, văn-sĩ, thì các ngài sẽ công-nhận ra một cách dễ-dàng vậy. Tuy gần đây, dân-tộc ta tiếp-xúc với văn-minh, tập-tục và tôn-giáo người Âu-tây mà cái ảnh-hưởng ấy, có bề phải-lạt đi ít phần trong một thiểu số người ở thị-thành chợ, cái tinh-thần Đạo-Phật vẫn vững bền ở hầu hết trong chôn dân-gian, nhất là vẫn trường-tồn ở nơi thôn-dã vậy.

a) ẢNH HƯỞNG NGÔI TAM BẢO TRONG LỜI ẨM

TIẾNG NÓI:

Một người bình-dân ta, trong cuộc sống hằng ngày, rất trọng sự tội, phước; cho nên chính mình không muốn gây ra những mối ác bằng thân-thể tay chân, bằng lời nói, bằng tâm-ý mà lại còn khuyến can người khác mỗi khi thấy họ toan sai-lạc và rất buồn mà thấy những ai làm đay khổ những kẻ chung quanh Cái lòng trắc-ân ấy phổ cập đến hạng thú-cầm và loài thảo-mộc nữa.

Không nói đến người đã từng thọ giới nhà Phật thì giữ thân, ngữ, ý dễ dặt và thanh cao đã đành, mà một người tâm-thương ấy n buổi mai lo buổi chiều, không biết chú-mã xem Kinh-Kệ, không mấy khi rời rảnh mà đến lay Phật, lay Thầy, người ấy cũng vẫn tiếm-nhiệm sự tử-bi hỷ-xả di-truyền, cũng biết thương người như thương thân vậy.

Nhờ nhiễm những lý tội, phước, luân-hồi, nghiệp-bào, linh-hồn từ khi còn nhỏ, người bình-dân Việt-Nam ta không dám ăn ở sai lạc đối với những lý công-bằng, tinh-vi ấy. Cái lòng hiền-hậu ấy thường phát lộ ra ở lời ăn tiếng nói. Chính họ chịu lây ảnh hưởng thâm-trầm của đạo-Phật mà họ không hay. Họ thường dùng những danh-tử trong văn chương, trong Kinh-điển đạo-Phật, thế mà họ vẫn cho là những danh-tử thông-dụng xưa nay. Làm lúc họ dùng có sai lạc, những sự cố càng tỏ ra rằng ảnh-hưởng ngôi Tam-Bảo thâm nhuần vào tâm-trí của họ từ lúc bé thơ!

Mỗi khi thấy ai ăn ở có nhon, hay cứu giúp người trong cơn hoạn-nạn, tật-bệnh thì họ bảo rằng: tội nghiệp, ông ấy hiền-tử hết sức. Mỗi khi làm cơn nguy-biến mà cầu với ai thì họ nói: Tội nghiệp, ông ra ơn giùm tôi.

một lần. Ông làm sự ấy bằng cất năm bả y kiến chùa. To lòng biết ơn với ai thì họ thốt rằng: Kiếp sau, nguyện làm thân trâu ngựa mà trả nghĩa sâu; - hoặc là: Nguyện kết cỏ ngậm vành đền ơn trời bể...

Mong ai mở lòng quảng-đại thì họ v a n rằng: Xin mở lòng Bồ-Tát, - tỏ đức hiếu sanh ra tay tế độ.

Mỗi khi thấy ai ăn ở ác, họ cũng d ù n g nhiều danh-tử về đạo-Phật mà họ cho l a rất thâm-thĩa, xác-đương. Anh ấy làm chuyện ác đó bằng phá chùa phá miếu. - Tội ấy đầu tu mây Kiếp cũng chẳng đền bù. - Chúng thác đồ chay đầu cho khỏi Địa-ngục. - Đờ' quý, - quý' xứ, quý' Da-xoa. Thấy ai nói lảo n ở i xược, họ trách rằng: Không sợ quý' sự' c ấ t luồi.

Thấy ai ăn nói ngang tàng, hay gây-gỗ thì họ bảo: Hay sân si. Thấy những gái trác nết họ than rằng: Không sợ dọa vào Địa-ngục. Hoặc họ đọc lên câu thành-ngữ này: Cỏ chậ mà lại lầy trai, thác xuống Âm-phủ, củahai nầu đầu.

Than dùm cho những kẻ nói êm diu mà lòng độc dữ, họ bảo rằng: Thật là khẩu Phật tâm xà.

Thấy ai ăn ở hiền đức, hưởng sự giàu sang họ nói rằng: Có phước, - Tu nhưn tích đức. Thấy ai tướng tốt, uy-nghi, thuận-hậu, họ xúng tăn là: Tiên giáng thế, - Phật tái sanh về đường tình-ái, họ cũng dùng lăm danh-tử trong văn-chương nhà Phật: Có duyên ngàn dặm cũng gần, vô-duyên đầu gặp mây l a n cũng xa. - Nhưn-duyên tiên định, - duyên-n ở ba sanh v.v...

Thấy ai cò tài mà sa sút, lâm cơn hoạn nạn thì họ thường mà than rằng: Tài mạng tương đồ, - bạc mạng, nghiệp chướng. Hoặc họ an ủi rằng: Tại phần số, - gặp bước phong trần, song cũng có ngày vinh-hiến, - thời đứng phiên-nào. - phiên muộn.

Trong sự buồn về gia-thê, về nỗi phu-thê, tình phu-tử, người bình-dân ta hay t h an trách rằng: Thế thặng tử phước, tội báo oan gia, tiền căn hậu báo, - rõ ràng là cảnh Địa ngục.

Than phiên những cảnh đời đời trong đời, những sự thành bại quá mau, họ gọi rằng: Cơn dâu bể, tường ảo-hóa, bể' khô, bến mê, bể' trần, bể' trầm luân...

Sống trong cuộc đời bình-dị, họ cho là: Muối dưa đắp đổi tháng ngày.

Cò ăn năn sự lỗi, họ đồ' là: Ma dặt lối, quý' đũa đống. Rầu buồn mãi không khuấy, họ than rằng: Lửa phiên càng dập càng khêu

mối phiên.

Thấy những đám đông đảo, họ bảo: Đông như là hân (La Hân), - Hàng-hà sa số.

Muôn biến mình lòng ngay thật của mình cho người ta khỏi nghi oan, họ kêu lên: C h i n phương Trời mới phụng Phật...

Thấy ai ngồi không chẳng cử' động, họ bảo là Ngồi tử-bi.

Uống nước chỉ ngon mà họ khoái ý thì họ cho là: nước Cam-lồ.

Ai câu nguyện sự chi rất khô, thì họ khuyên nên ăn chay năm đất. Có khi họ cũng dùng tiếng ấy một cách mỉa-mai đối với n h ứng hàng phong-lưu trong cơn rui bước, l a c đàng.

Cũng có lúc họ nói cợt mà chỉ ra sắc đẹp, lòng-lầy của hàng phụ-nữ: Dầu cho Phật Bồ Tát cũng phải sa!...

Tóm lại, dầu vui, dầu buồn, dầu sướng, dầu khổ ở' trong cảnh thường hay cảnh biến, dầu ăn nói nghiêm trang hay điêu cợt, dầu k h e n tặng hay than-vãn, người bình-dân ta thường dùng một cách vô-tâm những danh-tử n h a Phật mà họ từng quen thuộc từ lúc lên ba!

Cái ảnh-hưởng thuận-lợng, thâm-thúy ấy lại càng tỏ ra trong những khi họ hứng chí, xúc cảm đối với nước-non, đối với ái-tình, đối với sự thương cha nhớ mẹ mà ngậm bắt vắn thành những bài ca-dao chất-phác, ngộ nghĩnh, êm-đềm.

b) ẢNH HƯỞNG NGÔI TAM-BAO TRONG NHỮNG CÂU CA-ĐẠO:

Thu-nghĩa tử-bi của Phật rất dễ cảm h ở a tâm lòng thanh-bạch của nam, nữ thanh-niên. Mỗi khi rời-rãnh việc đồng-ang hay v i ệc dết vái quay tợ, hoặc nhăm những ngày lễ Phật, như lễ Nguyễn-Đản, rằm tháng giêng, mồng tám tháng tư, rằm tháng bảy, cũng là nhăm những ngày vía Phật, những ngày sóc, vọng, thì hàng thiếu-niên hoặc theo cha mẹ hoặc rủ nhau đi thầy chùa. Bấy giờ n ở am thanh cảnh-tĩnh, ngoài thì hoa đẹp cỏ thơm không-khí mát, khỏe, nhẹ-nhàng, trong thì mây cợt Phật đồ-sộ đầy về tu hỏa dướng n h d ùng tâm những sự tùy tiện tế độ chúng sanh, cùng với khối trầm nghi-ngút khiến cho lòng trần thấy dứt mà lòng đạo p h ần lên. Rồi đến khi viếng Thầy, một vị H ở a thượng cao-niên, ăn nói hòa-huân, nhu-mì, tùy-thuận căn-có mà khuyến-khích mình hoặc an-ủi mình, thời người thanh-niên ta r a ấ t lầy lăm cảm mến, dường như trút sạch gánh ưu-sầu, phiên-muộn. Lại có khi được nghe vị

Lục thừa Phật Giáo và phương pháp tu chứng

Tâm Đức

"Nguyện hồi hướng công đức pháp thí này đến những ai muốn cầu Phật Đạo".

(tiếp theo)

THỨ TƯ: DUYÊN GIÁC THỪA

Người Phật tử cần hiểu được lý gì để đạt được quả vị duyên giác. Đức Phật đã dạy cho chúng ta là cần đạt được lý 12 duyên khởi; cũng gọi là lý 12 nhân duyên.

Lý duyên khởi tức 12 nhân duyên phối hợp sanh khởi ra các pháp; đó là vô minh; không rõ được bốn tánh.

Hành nghiệp: Những nghiệp lực, thiện nã o trong tâm niệm của mỗi chúng sanh.

Thức :Chí cho a lại gia thức.

Danh sắc :Cảm giác hay tư tưởng về phần tâm linh và các căn về hình sắc.

Lục nhập :Sáu căn; nhập với sáu trần .

Xúc :Sáu căn tiếp xúc với 6 trần.

Thọ :Thọ nạp những cảnh tốt, xấu, khổ, vui.

Ái :Ham muốn những vật tốt đẹp .

Thu :Tham đắm trước cảnh ngu trần

Hữu :Vì tham cầu nên tạo nghiệp thiện hay ác phải chịu quả báo trong ba đời.

Sanh :Do nghiệp thiện, ác thọ sanh trong 6 đòng.

Lão tử :Sau khi sanh ra thân ngũ ấm, dần dần già chết.

Lý nhân duyên chỉ cho chúng ta thấy mọi sự vật đều không có tự thể (không tự nó có) mà là do nhiều nhân duyên hợp thành. Nói một cách khác không có vật gì đứng nhất làm thành một vật khác.

Trong Kinh Pháp Bảo Đàm có kể lại câu

chuyện Lục Tổ hỏi 2 chú Sa Di cãi nhau về việc tâm phước treo trước cổng Chùa. Ng. này bảo là phước động, người kia bảo là gió động. Lục Tổ thấy 2 người cãi nhau nên can thiệp và Ngài đã cho 2 chú Sa Di biết rằng không phải gió động mà cũng không phải phước động; chỉ vì Tâm các động động. Nó i như vậy Lục Tổ muốn nhắc nhở những vị tu hành rằng do sự khởi tâm chấp cho nên mới có sự cãi vã, kỳ thức thì sở dĩ phước động là vì có gió; còn chí có gió thổi mà không có phước thì có gì mà động. Vậy khi chưa đạt được lý nhân duyên (có gió phước mới động, nhưng chỉ có gió không cũng không đủ) cần phải có cả hai mới sanh động. Khi ngộ được lý duyên khởi rồi thì đâu phải sanh ra cãi vã vô ích.

Câu chuyện Người Mù sờ voi được kể lại trong Kinh Niết Bàn cũng cho chúng ta thấy chỉ vì không hiểu được lý nhân duyên mà những người mù sờ ra cãi vã về hình tướng của con voi.

Vậy hiểu được lý duyên khởi sẽ giúp người Phật tử không còn có sự hiểu lầm về sự vật nhất là về con người của chúng ta, khiến chúng ta tránh được mọi điều mê tín dị đoan mà hiện nay một số các dân tộc trên thế gian này đang còn mắc phải.

Có thể nói rằng pháp duyên khởi thật quan trọng đối với các bậc tu hành nói riêng và đối với tất cả chúng sanh nói chung. Bởi lẽ ấy trong Kinh Trung A Hàm, Đức Phật đã dạy rằng: "Người thấy được lý duyên khởi tức là thấy được chánh pháp vậy". Thấy được lý duyên khởi rồi người Phật tử cần ứng dụng để tu theo pháp Thập nhị Nhân duyên hầu chứng được quả Vị Duyên Giác.

Mười hai nhân duyên nói ở đoạn trên được

mô tả như một vòng dây chuyền, nó nối liền nhau và tương quan ảnh hưởng nhau. Hành giả khi quán tâm phá được Vô Minh (gốc tạo luân hồi) tức các duyên khác sẽ tan vỡ. Vô Minh được ví như một vòng của sợi giây xúc xích. Phá được vòng chánh của sợi giây tức thì tháo gỡ được những vòng khác.

Ở đây cần nói rõ thêm nghĩa chữ Vô Minh, bởi lẽ nếu hiểu nghĩa chữ "Vô Minh" nghĩa là "không sáng suốt", thì chữ Vô Minh đâu có tầm quan trọng đến nỗi phá được Vô Minh thì hết sanh diệt? "Vô Minh" quả thật là một yếu tố rất quan trọng, Kinh Viên Giác chép: "Dùng Tâm Mê Muội (Vô Minh) mà cầu Đạo dù cho siêng năng khổ hạnh, tu đủ các pháp môn cũng chỉ giúp thêm cho lực lượng vô minh mà thôi, chứ không thành đc quả Vị Phật" hoặc "chúng sanh đem cái "Vô Minh" mà cầu Đạo thì trọn đời không thể thành tựu".

Vậy Vô Minh là gì?

Đoạn 4 trang 14 Kinh Viên Giác định nghĩa chữ Vô Minh như sau: "Tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ bị nhiều món điên đảo làm lu mờ tánh "Viên Giác" như người lạc đường lầm lộn 4 phương. Điên đảo vọng tưởng hiện ra Thân và Tâm, rồi nhầm lẫn thân tứ đại giả hợp này làm thân mình, chấp các vọng niệm sanh diệt duyên theo bóng dáng sâu trên cho là thật Tâm mình. Như người nhầm con mắt thầy trong hủ không có hoa đốm, hoặc mặt trăng thứ hai. Thật ra trong hủ không chẳng có hoa đốm hay mặt trăng thứ hai, những vì người nhầm mắt vọng chấp. Bởi vọng chấp nên chẳng những không biết được hủ không, mà lại thêm mê lầm. Chấp thật có hoa đốm sanh. Vì mê lầm mà có sanh tử luân hồi, nên gọi là "Vô Minh".

Theo nghĩa Vô Minh ở trên thì quả như lời Đức Phật dạy chỉ cần phá được Vô Minh là tận diệt được mọi phiền não.

THỨ NĂM: BỒ TÁT THỨA

Ngộ được lý duyên khởi trong Duyên Giác Thứa, hành giả cần phải khai triển lý duyên khởi thêm nữa để thấy được bản chất của sự vật là: "Đã do nhân duyên hòa hợp tức tự bản tánh của nó là không; bởi tự tánh là không nên chỉ có tên hư giả, danh tở Phật giáo gọi đó là "Tĩnh không duy danh. Hay nhìn qua bất cứ sự vật nào ở quanh chúng ta thì có thể thấy được lý "Tĩnh không duy danh". Như chúng ta biết, cái bàn sỏi

có được là do nhiều yếu tố hợp thành (thổ mộc, gò, đình v.v...) đó là lý nhân duyên hòa hợp. Nay lại chỉ cái mặt bàn, cái chân bàn là những yếu tố nhân duyên tạo thành "cái bàn" thì ta đâu có thể gọi đó là cái bàn được. Do đó, cái bàn tự nó không có (tánh không) mà chúng ta đồng ý với nhau gọi nó là cái bàn hay tạm gọi nó là cái bàn (duy danh) mà thôi.

Vậy một khi đã là giả danh thì không phải có thực nên được gọi là như huyễn, như hóa. Mọi sự vật chung quanh ta hay ngay đến thân của ta đây cũng chỉ là như huyễn như hóa.

Nhận được lý "Tánh không duy danh" tức là chúng ta đã đạt được lý đại thừa bát nhã. Do đó, các Vị Bồ Tát đã ứng dụng lý này để tu pháp "Lục Độ" tức sáu pháp Ba La Mật. Sáu pháp ấy là:

- 1/ Bồ thí Ba La Mật
- 2/ Trì giới Ba La Mật
- 3/ Nhẫn nhục Ba La Mật
- 4/ Tinh tấn Ba La Mật
- 5/ Thiên định Ba La Mật và
- 6/ Trí tuệ Ba La Mật

Cần nói rõ thêm danh từ Ba La Mật (Pāramitā) Ba La Mật có nghĩa là: cứu cánh, đảo彼岸 hay độ vô cực. Danh từ này là do đại hạnh của các Vị Đại Bồ Tát mà đặt tên.

- Chính mình thực hành đại hạnh và giáo hóa cho Người khác đến chỗ rốt ráo nên gọi là sự cứu cánh.

- Nường theo đại hạnh của Bồ Tát được từ bỏ này sang bờ kia nên gọi là đảo彼岸

- Nhờ đại hạnh mà được các pháp rộng rãi, sâu xa, không bờ bên nên gọi là độ vô cực.

Tóm lại, nhờ đạt được lý Tĩnh không duy danh, xem xét mọi vật đều như huyễn như hóa nên các Vị Bồ Tát mới thực hành được hạnh Bồ thí Ba La Mật. Các Ngài đã xem không có người cho, kẻ nhận của cho và vật đem cho; và chỉ khi nào đạt được lý này mới được xem là Bồ Tát, và việc bố thí như vậy mới là Bồ thí Ba La Mật.

Trong Kinh Kim Cang (đoạn nói về đại thừa Chánh tôn) đức Phật đã dạy Ngài Tu Bồ Đề về cách hàng phục cái Tâm của các Vị Đại Bồ Tát. Đức Phật đã dạy các Vị Bồ Tát khi nên chấp có tướng Ngã, tướng Nhân, tướng chúng sanh, tướng thị giả, chỉ như vậy mới là Bồ Tát; bởi vì "Phàm có tướng đều là hư vọng. Nếu nhận được các Tướng đều không phải



Việt Nam phong sử

Nguyễn-văn-Mại - bản dịch của Tạ Quang Phát - Học Giả Mạc Khách sưu lục.
(Kỳ 15)

CHƯƠNG 54

*Sáng trăng trải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.*

Thơ phong sử này thuộc phú.
Đây là lời nam nữ khuyên nhau ra sức, cố gắng, trai thì đọc sách, gái thì dệt vải, nói mọi người siêng cần vào nghề cần-bản.

CHƯƠNG 55

*Chàng tham ruộng cả ao liền,
Tham vì cái bút cái nghiên anh đồ.*

Thơ phong sử này thuộc phú.
Đây là người con gái thích kẻ sĩ có văn học.
Nước Nam ta tôn sùng cái học khoa cử. Cái học này đến triều nhà Lê thì bắt đầu phát đạt đến cực điểm.
Lúc ấy thiên hạ thái bình, bốn phương võ sĩ, nhà nhà đều Khổng Mạnh, chôn chôn đều Chủ Trịch. Xem chương này và chương trước thì biết rõ việc đó.
Này, nước Nam ta vào thời Hùng-Vương thì không gọi là văn-chương vào đâu được, từ thời Bắc-thuộc trở về sau, văn-minh của Trung-quốc truyền vào mà văn-chương phong-hóa ngay một phát-đạt, tựu trung một việc khoa-cử lại được người nước ta quý chuộng nhất, nào biết rằng văn-chương khoa cử đến đời nhà Lê thành cực thịnh thì cái tệ của học-giới đến đời nhà Lê cũng bắt đầu.
Trung-quốc đã làm về cái học ấy rồi đem sang cho người nước ta làm theo chăng?
Từ khi có Chính-phủ-Bảo-hộ đến nay, phong-trào học-giới lần lần tiến bộ cái lương, nhân-tài có từ thế ngày thêm tăng

tiền rộn ràng, để khỏi cái tệ dài lưng tôn vải, giết chó giết gà.
Ngạn ngữ có câu:

*Than rằng: Chớ lấy anh đồ,
Dài lưng tôn vải ăn no lại nỡ.*

Và câu:

*Nhà bầy giết chó giết gà,
Năm ba ông cử đến nhà trời mưa.*

CHƯƠNG 56

*Nhất vui là hội chùa Thầy,
Vui thời vui vậy, chẳng tây vui em.*

Thơ phong sử này thuộc phú.
Đây là lời nam nữ trêu gheo nhau.
Nước Nam ta từ đời nhà Đinh nhà Lý trở lại tôn sùng đạo Phật, đại khái cơ hồ như nhà nhà đều thờ Phật, chôn chôn đều tu hành, mà cái tệ đi hành hương ở chùa chiền là phần nhiều lấy những nơi danh lam cổ sát (chùa có danh tiếng, chùa cổ từ xưa) làm thành cái thói dâm dăng trên Bộc trong dẫu. Cho nên người ta đặt câu phong dao này để hát.

Núi Thầy là núi Phật-Tích ở xã Thụy-Khê huyện Yên Sơn tỉnh Sơn Tây. Xưa truyền rằng trên núi có cái động cổ là nơi Tử-Đạo-Hạnh đời nhà Lý thi giải (đạo sĩ thoát xác thành tiên). Trên núi có viên Bô-Đà, có am Hưởng Mai đều do Tử-Đạo-Hạnh dựng lên.

Trong niên hiệu Cảnh Thống thứ 2 (1499) vua Lê Hiến Tông trùng tu cảnh Chùa ấy và gọi là Thiên-Phúc-Tự, cho cái am Tử-Đạo-Hạnh danh hiệu là Hiến-Thụy-Tự, và dựng bia ghi

chép việc ấy.

Lúc đầu, vua Lê-Thánh-Tông chưa có con nối dõi. Khi Bà Hoàng-Hậu họ Nguyễn, con gái của Nguyễn-Đức-Trung ở trang Nha-Miêu đ ứ ở c tuyên vào cung, người cha (là Đức-Trung) cầu đảo ở chùa Phật-Tịch thì Hoàng-Hậu sinh ra vua Hiến-Tông, cho nên có lệnh (trùng tu và dựng bia) ấy.

Tục truyền Tử-Đạo-Hạnh đắc đạo thoát xác hóa thành cọp. Về sau vua Hiến-Tông sinh ra thường có bệnh cọp, cho nên người ta c h o rằng Tử-Đạo-Hạnh đầu thai sinh ra vua Hiến-Tông chưa biết đúng hay không.

Ngày mùng 7 tháng 3 âm lịch là ngày đ a i hội kỷ niệm ngày hóa sinh của Tử-Đạo-Hạnh

CHƯƠNG 57

*Linh đình qua cửa Thần-Phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.*

Thổ phong sử này thuộc phú.

Tỉnh Thanh-Hóa có cửa biển Thần-Phù (x ử a gọi là Thần-Đầu) nay thuộc trang Chính-Đại ở ranh giới huyện Nga-Sơn.

Sách Nguyễn-Ưc-Trai-Đĩa-Dữ-chí chép: Thần-Đầu là cá có hình người có đuôi không vây có Ké bảo: "Đường núi ở Thanh-Hóa có nhiều thú dữ, sao bằng rồi xuống hóa thành giống cá ấy, vì từ xưa đã có thú cá ấy, ngày nay thú cá ấy không còn nữa".

Nước sông từ cửa quan Đại-Chính đổ xuống, hai bên bờ núi liền nhau đứng đứng, chảy quanh co đến biển làm một cảnh trí s ở n thủy lớn lao.

Ngày xưa vua Hùng Vương nam chinh, đến cửa biển bị gió trở ngại mà không tiến được. Có một vị đạo-sĩ tên La-Viện xin n g ô i thuyền đi trước rồi ba quân theo sau, thì biển lặng sóng.

Sau khi khải hoàn, La-Viện tở trần. Hùng-Vĩng phong ngài làm Ấp-Lãng-chân-nhân (bậc thần tiên trần yên sóng gió) cho lập miếu thờ ở dưới núi Nam-Khiêu.

Vua Lê-Thánh-Tông đi qua cửa biển Thần-Phù có thơ rằng:

*Xuyên vân nhiếp kính nhất điều vu.
Trùng giá chính diêu tác viễn du.
Địa tuần Giang Đả thông thượng quốc.
Thiên tướng Chỉ Tru chướng hoành lưu.
Hồ vãng uổng tải diên hà thạch.
La Viện khinh phù phá lãng chu.
Thử khứ hải môn tam thập cử,*

Kể trình hà nhật đảo ô Châu?

Dịch nghĩa:

- Một đường núi quanh co nối nhau lên cao xuyên qua tầng mây.
- Nhà vua ngồi chiếc xe con đi xa một lần nữa.
- Đất đảo sâu thành sông Trường-giang, sông Đả thông thượng ở Thượng quốc.
- Vả trời đem núi Chỉ-Trụ chắn ngang dòng sông.
- Vua nhà Hồ (Hồ Quý Ly) đã uổng công chổ đá lấp sông.
- Đạo sĩ La-Viện nhẹ nhàng ngồi c h i ề c thuyền phá sóng dẫn đường đi trước.
- Nơi này cách cửa biển hàng ba mươi chín dặm,
- Trình hành trình thì ngày nào mới đến đất Ô Châu (cửa Chiêm Thành)?

Dịch thơ:

*Quanh co đường núi vượt mây chông.
Xe giá viễn du bước rưỡi dòng.
Đất vạch Giang Đả thông Thượng quốc,
Trời đem Chỉ-Trụ chắn ngang dòng.
Nhà Hồ lấp đá hao công sức.
La Viện ngồi thuyền trần lãng phong.
Đây cách hải môn bảm chín dặm,
Ô Châu bao thuở đến nơi xong?*

Câu phong dao này, nói lên sự quá h i ể m nghèo của cửa biển.

Đến cuối đời nhà Lê cửa biển bị cát ngày ngày bồi lấp, và địa giới huyện Kim Sơn là chỗ đất ấy.

Cái thế dối dối của sông biển có như thế ấy, nhưng há rằng chỉ có sông biển mới dối dối hay sao?

(còn tiếp)





QUỐC SỬ TẠP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU

Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố

Học Giả Mặc Khách sưu lục

LỜI TÒA SOAN: Quốc hiệu nước ta - Sử ta so với sử Tàu của Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố. Bài này đã được đăng trên tuần báo THANH NGHỊ ở Hà Nội trong những năm 1944 và 1945. Kể đến năm 1964 lại được tái đăng trên TIN SỬ ĐỊA của Ban Báo Chí Nhóm Sử Địa Đại học Sư Phạm Sài Gòn. Nay Viên Giác xin trích đăng lại để làm quà văn hóa cho quý vị độc giả bốn phương.

Cũng vì không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Tòa Soan xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạo nên mối Đạo Tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc về Tòa Soan để chúng tôi kính chuyển đến quý vị Tác Giả một số tình tài để bù đắp vào công lao khó nhọc của quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mại. Kính mong quý vị niệm tình hỷ thú cho.

(tiếp theo)

12, - Tĩnh Hải - Lĩnh Biểu - Lĩnh Ngoại

Tháng tử nậm thứ bảy hiệu hàm thông (866) - Cao Biền đuổi được quân Nam Chiếu, lấy lại thành Giao Châu, đến tháng 11, trộm giấc đã yên, nhà Đường đổi "An Nam đô hộ phủ" là "Tĩnh Hải Quận" (Khâm Định Việt Sử tiên biên, q. 8, tờ 10a).

Tĩnh Hải nghĩa là miền bể được yên. Người Tàu gọi tên nước ta, thường dùng chữ bễ, (Tĩnh Hải, Hải Nam), hoặc núi (Kiêu Nam, Lĩnh Nam, Lĩnh Biểu, Lĩnh Ngoại).

Lĩnh Biểu nghĩa đen là phía ngoài Ngũ Lĩnh Truyền Đăng Tu ở Tân Thứ có câu: "Tu vốn là người có oai, có nhận được người Lĩnh Biểu kính phục". Từ Nguyên cho chữ Lĩnh Biểu ấy là Lĩnh Nam. Còn chữ Lĩnh Biểu lục dị là tên sách của Lưu Tuấn đời Đường thì Lĩnh Biểu ấy là đất Việt Đông. Xưa nay các nhà chép sử thường nhận chữ Lĩnh Biểu là tên nước ta, như trong Tổng Luận của Lê Tung có câu nói: "Bà Triệu, tuy chưa giữ được Lĩnh

Biểu như bà Trưng, nhưng cũng là người hùng tài trong nữ giới" (Đại Việt Sử Ký, tiên biên, tổng luận, tờ 15a).

Lĩnh Ngoại nghĩa đen cũng như Lĩnh Biểu gốc từ chữ Lĩnh Ngoại đại đáp là tên sách của Chu Khứ Phi đời Tống. Các Sử thần cũng có khi nhận chữ Lĩnh Ngoại là tên nước ta Như bài bản của Nguyễn Nghiêm khen bà Trưng có câu: "Lĩnh Ngoại 65 thành thục hết về một lúc", (Đại Việt Sử Ký tiên biên q. 3, tờ 6b).

Trên này vừa nói nhà Đường đặt nước ta làm "Tĩnh Hải Quận" từ năm 866 và cho Cao Biền làm Tiết độ sứ. Từ năm ấy đến năm 1010 là năm dùng chữ Tĩnh Hải Quận lần cuối cùng, sử sách có còn chép chữ Giao Châu, An Nam, Lĩnh Nam, nữa không. Người Nam mình có ai tự xưng là "Tĩnh Hải Quận Tiết độ sứ" không? Nên chép kỹ đoạn này, vì chưa có sách quốc ngữ nào chép rõ.

Năm 875 Cao Tầm thay Cao Biền làm Tĩnh Hải Quận Tiết độ sứ. Khoảng năm 878 Tăng C ở n

lên thay. Năm 880, quân Nam Chiêu vào hãm "phủ đồ hộ". Tăng Côn chạy về Quảng, người "thổ hào" là Khúc Thừa Dụ vào giữ thành, tự xưng làm Tĩnh Hải Quân Tiết độ sứ (Đại Việt Sử Ký, tiền biên, q. 6, tờ 22a và 23a).

An Nam chí nguyên (sách Tàu, q. 2, tr. 164) của Cao Hùng Trưng chép khác: năm 880, quân phủ loạn, huy hạ xin Tăng Côn tránh ra ngoài thành, Côn không nghe, dụ uy đức thì các trộm giặc tự dẹp yên đều đến phục tội. Côn tha hết không hỏi đến. Từ bấy giờ các đạo đồn binh đi thú ở Ung đều theo về Côn. Côn phụ dụ, người ta gọi là "Tăng Thg Thủ". Côn còn soạn quyển "Giao Châu Ký" lưu hành đời bấy giờ. (Thế thì chữ Giao Châu vẫn thông dụng). Côn ở trên 14 năm, từ 878 đến năm 891.

Xem như thế, thì sách Tàu không chép Côn chạy về châu Quảng.

An Nam chí nguyên (q. 3, tr. 164) lại chép: "Năm 892 Chu Toàn Đức thay Tăng Côn làm Tiết độ sứ. Sau Toàn Trung (em ruột Toàn Đức, sau là Lương Thái Tổ) tâu với vua Đường rằng: Toàn Đức là người đàn đốn, khê có tài cán gì, xin bắt tội. Toàn Đức ở trên 13 năm, từ năm 892 đến năm 904.

Ngũ Đại Sử không chép Toàn Đức sang làm Tiết độ sứ năm nào. Đại Việt Sử Ký, tiền biên (q. 6, tờ 23a) chưa rằng "Toàn Đức c h i đạo lãnh chức Tiết độ, chứ không thực sang tại trấn". Đạo lĩnh là ở xa mà lĩnh chức, tức là làm chức gì khác ở bên Tàu lĩnh chức Tiết độ mà không ở Tĩnh Hải.

Cứ như vậy thì có lẽ Tăng Côn có chạy về Tàu, mà Khúc Thừa Dụ giữ châu thành, tự xưng Tiết độ sứ từ năm 880.

Khâm Định Việt Sử (tiền biên, q. 3, tờ 15a-b) lại chép "năm 880 quân phủ Giao Châu làm phản, Tiết độ sứ là Tăng Côn dụ yên". Nhưng đó là chép theo sách Tàu, là quyển An Nam ký yếu của Cao Hùng Trưng còn những quyển sử Tàu khác không quyển nào chép đến, nên không thể tin được.

Khúc Thừa Dụ tự xưng Tiết độ sứ từ năm 880, mãi đến năm 906 sai người sang xin mạng lệnh ở vua Đường, nên vua Đường mới cho Thừa Dụ chức Đồng Bình Chương Sứ.

Khâm Định Việt Sử (tiền biên, q. 5, tờ 14a) và Đại Việt Sử Ký (tiền biên, q. 6, tờ 23a) đều chép rằng: "Nhà Đường thăng cho Khúc Thừa Dụ nguyên chức Tĩnh Hải Quân Tiết độ được hàm Đồng Bình Chương Sứ, cứ như thế, là trước khi vua Đường phong cho Thừa Dụ chức Đồng Bình Chương, Thừa Dụ đã có chức

Tiết độ rồi.

Đến năm 907. Khúc Thừa Dụ mất, con là Khúc Hiệu nối nghiệp. Khâm Định Việt Sử tiền biên (q. 5, tờ 13a) chép: "Hiệu theo nghiệp cũ giữa La thành, xưng Tiết độ sứ, chia đất trừ nước làm từng lộ, từng phủ, từng châu, từng xã, đặt chánh lệnh trưởng và phó lệnh trữ, chia đều thuê ruộng bớt sức làm việc cho dân, làm sổ hộ tịch biên chép họ tên hưởng quán, giao Giáp Trưởng trông coi. Khúc Hiệu làm việc quan, chính sách khoan giản, dân được nhờ nhiều. Lúc bấy giờ nhà Lương bên Tàu cho Tiết độ sứ Châu Quảng là Lưu Ân kiêm Tiết độ sứ Tĩnh Hải Quân (tức Châu Giao), phong tước Nam Bình Vương, Lưu An giur Phiên Ngung. Khúc Hiệu thì giữ Châu Giao, xưng Tiết độ sứ, đều có chí thôn tính nhau

Sử Ta đều chép như thế. Hoàng Việt giáp tý niên biểu (q. thường tr. 308, 309, 310) chưa Khúc Hiệu xưng Tiết độ 10 năm (907-916). Sử Tàu không chép đến. Duy có An Nam Chí Nguyên (q. 3 tr. 180) chép rằng: "Khúc Hiệu người Giao Chỉ, cuối nhà Đường, thay Đốc Cô Tôn làm Tiết độ sứ, sửa định các huyện làng làm giáp, đặt chức quản giáp và phó tri giáp, coi việc đánh thuế, tại chức 4 năm, rồi mất. Con là Thừa Mỹ nối nghiệp".

So sánh với nhau thì Sử Ta, Sử Tàu sai nhau xa lắm: một là Khúc Hiệu nối nghiệp của Khúc Thừa Dụ, mà An Nam Chí Nguyên chép là thay Đốc Cô Tôn sang làm Tiết độ nam nào, không thấy chép, hai là chép Khúc Hiệu làm quan 4 năm không nói rõ từ năm nào đến năm nào.

Lại một điều sai nữa, là An Nam Chí Nguyên chép: Khúc Hiệu mất, con là Khúc Mỹ nối nghiệp, năm thứ nhất hiệu Trinh Minh nhà Lương là năm Ất Hợi (915) sai người sang cê đến xin cớ tiết và phủ việt".

Khâm Định Việt Sử tiền biên (q. 5, tờ 10a) và Sử Ký tiền biên (q. 7, tờ 1b) đều chép: Thừa Mỹ sai Sử xin cớ Tiết, phủ Việt ở nhà Lương vào năm Trinh Minh thứ 5 (919). Năm Trinh Nguyên thứ 3 (917) Khúc Hiệu hay còn saicon là Khúc Mỹ sang Nam Hán thông hiếu (Khâm Định Sử Ký và Giáp Tý niên biểu đều chép vào năm 917), thế là năm 915 Khúc Hiệu hay còn sống, mãi đến năm 917 mới mất. An Nam Chí Nguyên chép năm 915 Thừa Mỹ nối ngôi là nhầm.

Khúc Thừa Mỹ nối nghiệp từ năm 917 đến năm 921 được 5 năm, trước khi còn Thừa Hiệu đã thông hiếu với Nam Hán (vào năm 917) sau lại xin mệnh lệnh của nhà Lương (vào năm 919), vì thế đến năm 922 chúa Nam Hán là

Lưu Cung sai Lý Khắc Chính sang đánh, Thừa Mỹ bị bắt đưa về Nam Hán, thế là họ Khúc được ba đời nối nghiệp, làm Tĩnh Hải Quân Tiết độ sứ.

Sử ta chép Khúc Tiên Chúa (tức Thừa Du), Khúc Trung Chúa (tức Thừa Hiệu), Khúc Hậu Chúa (tức Thừa Mỹ), tuy chưa được tự chủ như Lý Bí, Mai Thúc Loan và Phùng Hưng, nhưng đã bắt đầu xây nên chính thống. Vậy sử Tachép họ Khúc là Tiên Chúa, Trung Chúa và Hậu Chúa có ý tôn là nền móng của các bậc đế vương.

Đại Việt Sử Ký, tiền biên (q.7, tờ 2a) có trích một đoạn Dã sử nói họ Khúc, "Người Hồng Châu (nay phụ Bình Giang và Ninh Giang thuộc Hải Dương) đời đời là họ to lớn, Thừa Du là người khoan hòa hay thưởng người, để dân chúng suy tôn. Lúc bấy giờ tiết độ nhà Đường là Tăng Côn bỏ thành chạy. Thừa Du tự xưng tiết độ... Họ Khúc truyền ngôi 3 đời, khởi từ năm Canh tý (880) đến năm Canh dần (930) cộng là 51 năm".

Đoạn dã sử ấy chép bắt đầu từ năm Canh tý (880) tức là năm Tăng Côn bỏ thành thì phải còn như chép đến năm Canh dần (930) mới hết thì sai, có lẽ quyển Dã sử tính đến năm Tân Mão (931) là năm Đường Diên Nghệ xưng Tiết độ sứ, cho nên cho là Thừa Mỹ đến năm 930 mới hết, nhưng chính là Thừa Mỹ bị bắt sang Nam Hán từ năm Quý mùi (923). Trong 8 năm 923 đến năm 930, Đường Diên Nghệ chưa xưng Tiết độ sứ, nhưng vẫn giữ việc Châu Giao, cầm quân Châu Giao, đuổi được Lý Khắc Chính, giết được Trần Bảo.

(còn tiếp)

(tiếp theo trang 10)

Pháp sư giảng câu Kinh nghĩa-Kệ; từ trên ngôi cao, những lời khuyên làm lành, lánh dữ, tu phước, trồng duyên, rót vào tai mình một cách cao-ráo, thanh-bai, người thà nh niên cùng người bình-dân nam-nữ ta lắm khi ứa lụy vì quá cảm cái Sức lành.

Sau khi ấy, trở về nhà, hoặc nằm trên võng mà ru em, hoặc trong cơn giã gạo đôi baban muốn hồ ẩn nấp cho quên sự lâu dài, hoặc đứng khi thả thuyền theo rạch nhằm lúc trăng, trong mà động đến nguồn thơ, bấy giờ

(tiếp theo trang 3)

đến các phái thiên khác ngoài Đại Thừa Thiên và Như Lai tối thượng thừa Thiên.

Theo Thiên nguyên chữ tập độ quyền thượng của Tôn Mật Thiên sư đã chia Thiên ra a gồm có năm phái:

a/ Ngoại đạo Thiên: là lối tu tập của những người ngoại đạo, ngoài bản ngã ra họ còn có tin một vị thần linh thiêng liêng, họ chán ghét cái thế giới này, chỉ cầu mong đạt đến thế giới của vị đó.

b/ Phạm phu Thiên: Hàng người này tuy là tín đồ của Phật giáo nhưng chỉ tin đạo lý nhân quả, chữ chưa đạt đến đạo lý chân thực. Tôn Mật Thiên sư gọi những hàng này là hàng Chánh tín nhân quả nhưng họ cũng còn ý niệm vui chán mà tu hành.

c/ Tiêu thừa Thiên: Hàng người này tin ở đạo lý nhân quả, đạo lý vô ngã và chỉ lấy sự diệt trừ cái ngã làm mục đích cho sự tu hành.

d/ Đại thừa Thiên: Hàng này vì muốn biểu hiện chân lý ngã pháp đều không mà tu hạnh, nghĩa là không chỉ có bản ngã mà hết thảy mọi hiện tượng ngoại giới đều không.

e/ Như Lai tối thượng thừa Thiên: Hàng người này tự biết mình vốn là Phật và vì muốn thực hiện điều đó nên họ tu thiên quán.

Tôn Mật nói: "Nếu hiểu tự tâm bản lai thanh tịnh vốn không có phiền não nhiễm đày đủ trí tín vô lậu, tâm đó tức là Phật không sai khác, theo đó mà tu hành gọi là Tối thượng thừa Thiên Pháp môn này còn được gọi là Tổ sư Thiên, lại cũng gọi là Nhất Hạnh Tam Muội, Chân Như Tam Muội, Như Lai Thanh tịnh Thiên. Môn đệ của Bồ Đề Đạt Ma truyền lại chính là loại Thiên này."

(còn tiếp)

họ mới ca hát bất văn cho vui. Những câu ca dao ấy phần nhiều là về hiếu, về tình, về tình hiếu xen lẫn, có khi cũng bàn qua vài việc "thế sự luân đăm". Trong khi cảm-hứng ấy, họ không quên ngôi cô-tử, họ vẫn nhớ về mặt từ-hòa của đức-Phật, đức Bồ-Tát, họ vẫn mến cái đức thuận-hậu của vị Hòa-thử ở ởng hoặc vị Pháp-sư, và họ còn canh-cánh bề n lòng những lý thiện-phước từ trong Kinh-Kệ đưa ra.

(còn tiếp)

TRUYỆN HÙNG ĐẠO VƯƠNG



Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần
thứ nhất tại Đông Kinh ấn quán Hà Nội năm
1914.

Học Giả Mặc Khách sưu lục

HỒI THỨ MƯỜI BỐN

Gươm thần kiếm chém giặc phạm Nhan,
Quân mai phục chen đường Văn Hồ.

Yết Kiêu ra đến bờ sông, trá hình làm một
ông lão đánh cá, bởi chiếc thuyền nhỏ, rả
gần đám quân Nguyên đóng thuyền, có ý nhìn
ngắm xem cờ hiệu Bá Linh đóng thuyền nào.
Yết Kiêu bởi diều thuyền nắm bảy vòng,
biết chắc thuyền Bá Linh đóng tại góc tây
bắc. Nhân lúc trời tối nhai nhem, lặn xuống
sông đến tận nơi ấy, nhờ đầu lên dóm biết
đích là thuyền Bá Linh, mới lặn xuống găm
đục thuyền, nước tức thì ò ò chảy vào, quân
trong thuyền xôn xao kêu khóc. Yết Kiêu
chục thuyền đắm thì bắt Bá Linh lôi đi.
Không ngờ Bá Linh thấy thế nguy, đã tăng
hình biến mất. Ô Mã Nhi thấy đông, vội vàng
lại chằng lưới ra xung quanh. Yết Kiêu
biết ý, chạy trốn được thoát.

Yết Kiêu về ra mắt Hưng Đạo vương, thuật
truyện đầu đuôi.

Hưng Đạo vương nói rằng:

- Bá Linh nó có yêu thuật, dù có bắt được
tắt nó lại biến mất. Ta nghe nhà phủ thủy
thường dùng chỉ ngũ sắc, trói bắt giống yêu
quái, thì dù tinh ma cũng không biến được.
Vậy người định bắt Bá Linh, phải giữ sẵn
dây ngũ sắc, chờ khi bắt tinh cờ bắt được,
dùng dây ấy quấn vào mình nó, thì nó không
biến hình được nữa.

Yết Kiêu vâng lời, dùng chỉ ngũ sắc đánh
lại làm một cái chảo to, ăn mặc trá hình

lại giả làm một người câu cá, đi dò dẫm bờ
sông. Chiều tối hôm ấy, Ô Mã Nhi sai Bá Linh
dẫn 10 chiếc thuyền đi tuần tiêu các ven
sông. Yết Kiêu lén mình một chỗ, dò xem đại
tướng trên thuyền biết là Bá Linh, trong
bụng đã mừng. Nhưng lại nghĩ rằng: Ta mải lặn
xuống đục thuyền của y, y tắt lại biến mất
nếu ta nhảy vào thuyền bắt y, mà ta có một
mình, quân y thì nhiều, dù có bắt được, tất
chúng nó xô nhau vào cứu, thì ta cũng khó
lòng thoát được. Chi bằng ta lập ra một kế
khiến cho thuyền nó tan ra tứ phía, thì ta
mới có thể thừa cơ bắt được.

Nghĩ thế rồi, lặn xuống sông đến gần trước
đám thuyền, nhờ đầu lên vùng một cái cọc
cứng, quân Nguyên nhác trông thấy, trước còn
hồ nghi, chưa biết vật gì, Yết Kiêu lại nhô
lên vùng cái nửa, quân Nguyên trông rõ là
người, mới hô to lên rằng: Có giặc! Trg đám
thuyền kinh động, tranh nhau cầm gươm giáo
sục tìm bốn bề. Một phút, Yết Kiêu lại vùng
một tiếng, quân Nguyên bởi thuyền đến chỗ
ấy đâm giáo xuống, thì chẳng thấy tăm hơi
gì: Đang khi ngờ ngác, lại thấy vùng một
tiếng mé sau, quân Nguyên lại đến chỗ ấy
sục tìm. Bá Linh sai 10 chiếc thuyền, mỗi
chiếc tìm một ngã. Các thuyền hơi nghe có
tiếng động nước, thì tranh nhau đâm giáo
xuống. Yết Kiêu bấy giờ se se nhô đầu lên
dóm, thấy đoàn thuyền đã tán cả ra tứ phía
mới lặn đến chỗ thuyền Bá Linh ngồi, dùng
sức nhô lên cực mạnh, làm cho thuyền chao
nghiêng sắp đổ. Quân trên thuyền kinh hoàng
Yết Kiêu cầm thanh gươm nhảy vọt lên
thuyền, quân Nguyên khiếp sợ năm ép cả
xuống sập thuyền. Bá Linh vội vàng dùng
phép độn hình, thì đã bị Yết Kiêu quàng
ngũ sắc quân chằng vào mình, không thể
sao biến được nữa. Các thuyền xung quanh thấy

thuyền Bá Linh bị cướp, xô nhau lại cứu, thì Yết Kiêu đã bắt được Bá Linh chẳng xong dây ngũ sắc, cặp ngang bên mình nhảy xuống sông rồi. Quân Nguyên mất chủ tướng, chạy về báo với Ô Mã Nhi. Ô Mã Nhi kịp sai quân sĩ bơi thuyền ra tìm tử phía. Quân sĩ trông hút thấy đằng xa có một người cặp 1 người lên bờ nam ngạn, quần áo ướt 1 ướt 1 ướt, biết là người ấy bắt tướng mình, xô nhau chèo thuyền vào bờ, kéo ô cá lên bờ đuổi theo. Yết Kiêu chạy miết một hồi, gặp quân thủ hạ ra đón điều Bá Linh chạy riết về thành. Quân Nguyên cố sức đuổi theo chức cướp lại Bá Linh, nhưng bị quân trong thành thấy động đổ ra tiếp ứng, đánh hết quân Nguyên tan nát. Quân Nguyên lại chạy xuống thuyền bơi đi. Ô Mã Nhi thấy Bá Linh bị bắt rồi, liền rút quân về Vạn Kiếp.

Yết Kiêu về đến dinh đem Bá Linh vào nộp. Hưng Đạo vương mừng rỡ, sai điệu đến dưới thêm, thấy Bá Linh quần áo còn ướt, mắng người đã mề man bắt tình nhân sự. Hưng Đạo vương sai đem ra nơi tình, chờ cho tình tảo lại, rồi mới đem ra tra hỏi.

Khi Bá Linh tình rồi. Hưng Đạo vương cho điệu vào, hỏi rằng:

- Mày tự thị có tà thuật, nay mày đã chịu ta chưa?

Bá Linh phục tội. Hưng Đạo vương sai điệu ra chém. Bá Linh chiêu xúng là có quê mẹ ở làng An Bài, xin về quê mẹ chịu chết.

Hưng Đạo vương sai con là Hưng Võ vương Quốc Nghiễn điệu Bá Linh về An Bài hành hình. Khi chém Bá Linh, chém đầu này lại mọc đầu khác. Hưng Võ vương tức giận, sai quân sĩ cầm dao cầm búa bằm nhỏ ra, nhưng d a o búa bằm vào cũng không đứt được thịt. Bá Linh miệng vẫn cười ha hả. Hưng Võ vương không biết dùng cấp gì mà giết được, cho người vẽ tâu với Hưng Đạo vương. Hưng Đạo vương nổi giận, cầm thanh thân kiếm thân xuống tận làng An Bài giám chăm. Bá Linh trông thấy Hưng Đạo vương và thanh thân kiếm, bấy giờ mới chịu phép. Khi điệu ra chém, Bá Linh ngảnh cổ lại hỏi rằng:

- Đại Vương ra tay thì tôi xin chịu, nhưng sau khi tôi nhắm mắt, Đại Vương cho tôi ăn đồ gì?

Đã Tướng cầm thanh thân kiếm, sắp sửa khai đao, thấy Bá Linh hỏi làm vậy, phát bấn quát lên rằng:

- Cho mày ăn sản huyết thiên hạ! Nói vừa buông lời, chặt một nhát, đầu Bá Linh lặn xuống đất. Ở cạnh làng ấy có con sông Thanh Lương,

quân sĩ đem đầu Bá Linh quăng ra ngoài sông.

Hưng Đạo vương chém xong Bá Linh, dẫn quân về thành Thăng Long.

Cách vài hôm sau, có hai người thả lưới ở sông ấy, thường thường nhắc lưới chỉ thấy một cái đầu lâu Bá Linh. Hai người ấy lấy làm kỳ dị, mới khẩn rằng:

- Nếu hồn có khôn thiêng, xin run rủi cho tôi đánh được nhiều cá, thì chúng tôi sẽ mai táng cho.

Khẩn xong, hai người nhắc lưới, mẻ nào cũng được nhiều cá. Hai người mới đem cái đầu này táng trộm bên cạnh bờ. Từ đây hai người đi qua chỗ mẻ, thường hay khẩn Bá Linh đi chơi. Dần dần Bá Linh cũng hiện hình lên đi với các người ấy, lâu ngày thành ra quen lữa. Các người ấy nhân khi Bá Linh còn sống hay có tình dâm, thường nói đùa đồ hồn Bá Linh, ra gheo con gái, hề trông thấy người con gái nào mà đồ y gheo, thì người ấy quả nhiên về nhà mắc bệnh. Người trong làng lấy làm linh dị, mới lập miếu ở bên sông để thờ (xem truyện Công Dư Tiếp Ký có nói rằng "Sau khi Nguyễn Bá Linh chết, thân hồn vẫn có dâm tình, thường đi khắp trong nước, thg dâm với những đàn bà con gái. Các đàn bà sinh sản, thường mắc phải bệnh mề man, thuốc chữa không khỏi. Người ta cho lả binh phạm Nhan làm, thường hay câu đạo ở đền Vạn Kiếp, lấy một mảnh chiếu ở trước bàn thờ vẽ rải cho người ốm nằm, hoặc lấy tằm hóng hòa với nước là uống thì khỏi, đó đều là sự huyền hồ." Phạm Nhan tức là Bá Linh, vì tên cái Bá Linh là Nhan, mà người có tội thì gọi là phạm, bởi thế gọi là phạm Nhan) Hưng Đạo vương giết xong Bá Linh, tiên quân ra mặt Quang Yên, lập một ngon trại to ở An Hưng (thuộc Quang Yên) để cứu nhau với Thoát Hoan.

Thoát Hoan từ lúc Ô Mã Nhi chạy về, thế đã hơi nung, chỉ giữ vững trại Chí Linh và trại Phá Lại. Bấy giờ nhân sắp cạn lương, mới sai Ô Mã Nhi dẫn thủy quân ra cửa bể Đại Bàng (thuộc về xã Đại Bàng, huyện Nghi Dương tỉnh Hải Dương), đón thuyền lương của Trương Văn Hồ tải vào đượng qua ải Vân Đồn (thuộc tỉnh Quang Yên). Ở đó có Nhân Huệ vương là Trần Khánh Dư trấn thủ, vì Hưng Đạo vương biết ý Ô Mã Nhi ra bể đón thuyền lương, sai Khánh Dư giữ chặn đượng thủy khg cho Ô Mã Nhi đem lương vào.

Thượng hoàng và vua nghe tin quân Nguyên đã rút cả về Vạn Kiếp, cũng từ mặt Thanh

tiên quân ra hội với Hùng Đạo vương. Hùng Đạo vương rước xa giá vào dinh. Vua an ủi một hội, rồi nói rằng:

- Trẫm nhớ cô đại vương dùng huyền cơ diệu kế, trừ được yêu nhân, trẫm lấy làm mừng lắm. Nay quân Thoát Hoan đã nung, đại vương nên sớm tiêu trừ, cho trẫm được yên tâm.

Hùng Đạo vương tâu rằng:

- Lão thần nhờ hồng phúc bề hạ, phá giặc mười phen đã được năm sáu phen. Chắc là chẳng bao lâu nữa thì cũng xong, bề hạ khoan tâm, thần xin liệu kế phá được.

Đang khi nói chuyện, sức có tin về báo rằng:

- Trần Khánh Dư giữ lại Văn Đôn, phụng mệnh chặn đường thủy. Khi Ô Mã Nhi đi qua, Khánh Dư chặn đường không nổi, bị Ô Mã Nhi đánh vỡ, dẫn quân đi thoát.

Thượng hoàng nghe báo nội gián, sai trung sứ ra bắt Khánh Dư về hỏi tội.

Khánh Dư từ khi bại trận đang lo nghĩ mưu kế phục thù, bỗng thấy trung sứ ra bắt; Khánh Dư tiếp sứ rồi nói rằng:

- Tôi sai tướng lĩnh, đành xin chịu tội, nhưng xin khoan cho tôi một vài hôm, may mà tôi lập được công khác để chuộc tội chăng. Vì Ô Mã Nhi đã phá quân tôi, trong bụng nó chắc rằng không còn ai ngăn trở gì, nên nó đã kéo quân đi trước rồi, để tôi đổi lương thuyền nó đến, tôi đánh tập hậu thì chắc là phá được. Nếu không xong, khi ấy tôi xin về chịu tội.

Trung sứ nể Khánh Dư cũng là một vị vương nghe lời hoãn lại. Khánh Dư tức thì, t h u nhất tần quân, phục sẵn đồn đường. Quân hiên Ô Mã Nhi vừa đi khỏi, thì thấy Trương Văn Hồ, tải các thuyền lương vào cửa bể, L u c Thủy Dương (thuộc huyện Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Yên). Quân phục của Khánh Dư đổ ra đánh. Văn Hồ địch không nổi, bao nhiêu thuyền lương bị quân Khánh Dư phá cướp mất cả, và bắt được khí giới rất nhiều. Còn Văn Hồ thì len cưỡi một chiếc thuyền nhỏ chạy thoát ra Quỳnh Châu.

Khánh Dư thắng trận, đưa thư về hành t a i báo tiếp. Thượng hoàng mừng rỡ, xá cho tội trước không hỏi; rồi triệu Hùng Đạo vương phân rằng:

- Quân Nguyên cốt trông cậy có lương thảo khí giới, nay đã bị ta cướp được cả rồi, thì thế nó không tròng cứu được nữa. Nhưng Thoát Hoan chưa biết, tất còn ngông nghênh đắc chí, ta nên tha những quân bắt được cho về báo tin với nó, thì quân nó tất ngả lòng bây giờ ta phá mới dễ.

Hùng Đạo vương tâu:

- Thượng hoàng dạy phải, xin tuân lệnh.

Quân Nguyên được tha về báo với Thoát Hoan. Thoát Hoan mới biết lộ thuyền lương v ả n Hồ, tải sang vào đến cửa bể đã bị cướp mất cả rồi; quân sĩ nghe thấy cũng xôn xao sợ rằng lương thảo một ngày một cạn.

Thoát Hoan thấy thế vừa lo vừa giận, liền sai Ô Mã Nhi, Phần Tiếp dẫn 5.000 quân đến phá trại An Hưng. Ô Mã Nhi lĩnh mệnh d ẫ n quân đi.

Hùng Đạo vương thấy quân Nguyên kéo đến, sai Dã Tượng, Yết Kiêu dẫn quân ra k h o i ngoài trại 10 dặm cự nhau với quân Ô Mã Nhi. Đồi bên dẫn trận, Dã Tượng múa đại đao ra trước, quát lên rằng:

- Bớ quân giặc! Chúng mày sắp đến ngày tận số, còn dám đến đây khoe khoang gì? Trận bên kia Phần Tiếp nhảy ra, cũng quát rằng:

- Thăng mặt mặt kia, chớ nói khoác, hãy coi phép đao của ta đây!

Hai tướng xông vào đánh nhau, bày tâm mười hợp, chưa phân thắng phụ. Ô Mã Nhi ở trong trận trông thấy Dã Tượng đánh hăng lắm, liền quất ngựa ra đánh giúp cho Phần Tiếp. Yết Kiêu cũng cấp đôi kiếm xông ra, giao phong, nhưng Yết Kiêu không địch nổi sức Ô Mã Nhi, xuyết bị Ô Mã Nhi đâm chết. Yết Kiêu quay ngựa chạy về trận. Ô Mã Nhi thúc quân đuổi đánh Dã Tượng, Dã Tượng vừa đánh vừa lui. Hai tướng Nguyên thừa thế đánh tràn sang, Dã Tượng, Yết Kiêu thu quân chạy về. Hùng Đạo vương thấy hai tướng bị thua trở về, nổi giận thét chém.

Các tướng xô vào can rằng:

- Ô Mã Nhi, Phần Tiếp vốn là danh tướng bên Nguyên, tướng ta chỉ có Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Nguyễn Chế Nghĩa là địch nổi. Trận này thua là bởi Dã Tượng, Yết Kiêu kém sức chớ không phải là không dụng tâm.

Hùng Đạo vương mới tha tội cho hai tướng.

Hôm sau, Ô Mã Nhi, Phần Tiếp lại dẫn quân kéo đến. Hùng Đạo vương sai Nguyên C h ê Nghĩa làm chánh tướng, Hùng Thắng, Huyền Du làm phó tướng, dẫn 3.000 quân ra c u r ị ch ị. Ô Mã Nhi ra trận khiêu chiến, Nguyên C h ê Nghĩa nhảy ra giao phong. Hai tướng đấu dư trăm hợp, càng đánh càng hăng, không phân thắng phụ. Hùng Thắng, Huyền Du chia quân làm đôi ngã đánh tràn sang. Hai bên đánh nhau lộn mù một hồi, rồi lại thu binh đầu về đây.

Bấy giờ Phạm Ngũ Lão cũng vừa ở Long Hưng dẫn quân đến, vào trại ra mặt Hùng Đạo Vương. Hùng Đạo Vương mừng nói rằng:

- Ngũ Lão đến đây, ta chắc phá xong quân

giấc!

Liên sai Ngũ Lão đem quân ra giúp Nguyên Chê Nghĩa để phá Ô Mã Nhi.

Ô Mã Nhi thấy Nguyên Chê Nghĩa là tướng anh hùng, lại nghe có Phạm Ngũ Lão đến giúp, liệu bề đánh không nổi, liền rút quân về Vạn Kiếp.

Thoát Hoan thấy quân thế của Hưng Đạo Vương mạnh lắm, chưa có thể phá được, mới sai các tướng chia nhau ra giữ trại Phả Lại và trại Chí Linh, muốn cho người về Tàu tiếp vận quân lương và viện thêm binh đến.

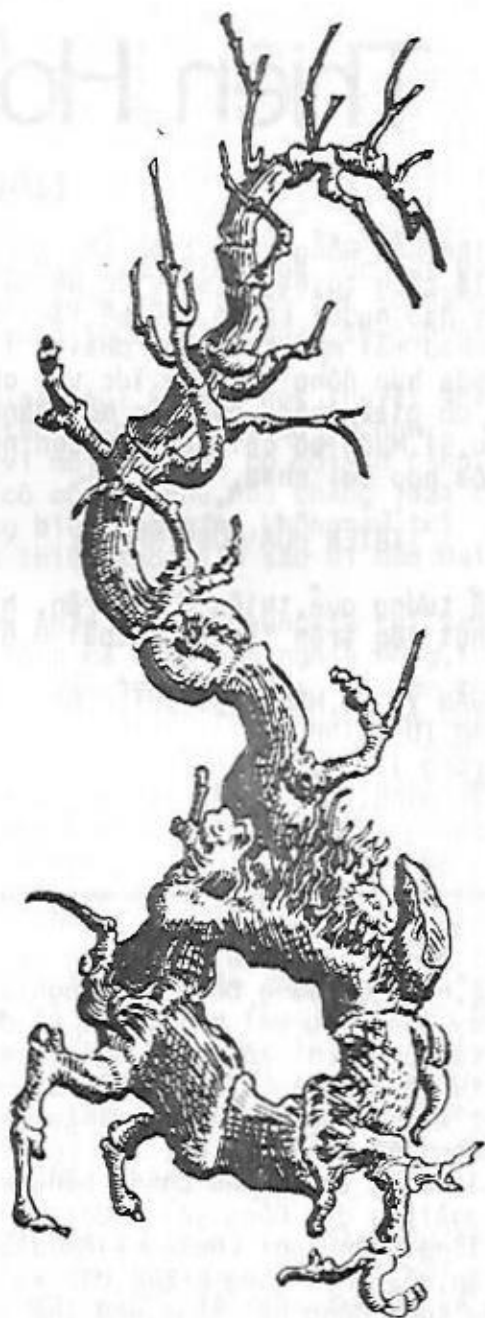
Hưng Đạo Vương thấy Thoát Hoan giữ vững 2 trại trên núi, không dám ra đánh, ngài muốn tiến quân đến phá hai trại.

Đó là:

*Giấc mong thủ hiểm tìm mưu kế,
Ta phải thua cơ kíp tiêu trừ.*

Chưa biết về sau được thua thế nào, sẽ xem hồi sau phân giải.

tr
h
186



屈世 03



Dịch lý Thiên Hỏa Đồng Nhân

NẠI SƠN soạn lục

Quẻ Thiên hỏa đồng nhân tiếp sau quẻ Bi, vì Bi là cách tuyệt, là sự việc bế tắc, xưa nay đạo người không thể bế tắc cách tuyệt nhau mãi mãi, trái lại phải giao thông hòa hợp đồng tâm hợp lực với nhau. Và lại có giao thông hòa hợp mới đánh đổ cái xấu, Bi. Muốn bỏ cái xấu thì con người phải hòa hợp với nhau.

THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN

Theo về tượng quẻ, thiên ở vị trên, hỏa ở vị dưới, tính phụt lên trên là trạng thái đồng nhân.

ĐỒNG NHÂN VỤ DẠ, HANH, LỢI THIỆP ĐẠI XUYÊN LỢI QUÂN TỬ TRINH.

Phía trong là Ly, Ly là hỏa, là điện, sáng láng văn minh. Phía ngoài là Càn, là Thiên, Ly đi chung với Càn mà Ly ở dưới Càn, là lửa bén lên đến tận trời, cũng nghĩa là mặt trời lên chính giữa trời soi chiếu sáng khắp thế giới.

Đạo đại đồng của thanh nhân cũng xa lớn như thế, nên gọi bằng đồng nhân, nghĩa là: tất thấy hòa đồng với nhau, theo về đạo lý ấy tất phải chỉ công lại đại công chớ thiên tư về một màu sắc nào một dân-tộc nào, một xã-hội nào, như thế mới gọi bằng đồng nhân: đồng nhân vụ dạ.

Dạ, ngoài đồng trống, thủ nghĩa bằng xa, phía ngoài (vụ dạ) đồng với người mà đồng ở nơi đồng trống, nơi khoáng viện, đầu ngựa thân cận, đầu chôn lạng giềng, đầu xa lạng đầu đầu cũng đồng hết thấy, như thế mới gọi là đạo chỉ công đại đồng.

Thiên hạ đã đến lúc đại đồng, còn chôn nào mà chẳng thông được, mặc dầu đứng ở đâu khắp khênh lòng người, hiểm sâu, nhưng đã đến lúc đồng thời chẳng hiểm trở gì mà chẳng bằng phẳng chẳng gian nguy gì mà chẳng lọt, đầu sông lớn cũng qua, đôi cánh

tượng đại đồng vui vẻ. Tuy nhiên, muốn làm đến cảnh tượng ấy, há phải phương tiện nhân chỉ dùng ý riêng đứng tất, tự lợi mà làm, nên được đâu, nên lại nói rằng: LỢI QUÂN TỬ TRINH, nghĩa là: Đạo đồng nhân chỉ n g ư ời chân chính quân tử mới làm được mà thôi. Đồng ở chôn Dạ, thì đầu xa mây cũng đồng tới nơi. Thiệp đại xuyên thì sông lớn sâu hiểm mây cũng qua khỏi mà đồng hết thấy. Nếu chỉ hạn chế ở nơi chôn gần, ngăn đôn vì nơi chôn hiểm, thời chẳng đồng được, mà lại cốt ở người chân chính tâm lòng bền vững, đồng nhân mà không chân chính tất nhiên có thiên vị, tất nhiên không lâu dài, vậy muốn đồng nhân tất phải có tâm lòng bền vững chân chính.

Lời Soán của đức Khổng Tử: Nhu đắc vị đắc trung, nhi ứng hồ càn, viết đồng nhân, đồng nhân vụ dạ, hanh, lợi thiệp đại xuyên càn hành dã, văn minh dĩ kiện, trung chính nhi ứng, quân tử chính dã. Duy quân tử vi năng thông thiên hạ chi chí.

Lời Soán trên đây lấy riêng một nghĩa chuyên lấy thể quẻ mà thích chú đồng nhân là ý đặc biệt của đức Khổng.

Nhu chỉ vào hào lục nhị, nhị làm chủ cho quẻ Ly, bởi vì: thể Ly nguyên là quẻ Càn, vì thay vào một nét âm ở giữa quẻ Càn mà thành ra Ly.

Nhi âm nhu ở vào âm vị là đắc vị, nhị là vị ở giữa hạ quái lại hào giữa quẻ Ly là đắc trung, thượng ứng với hào ngũ quẻ càn là Ứng hồ Càn. Xem hai thể quái như thể là trên dưới tương đồng, nên tên quẻ bằng đồng nhân Có đức chỉ công vô tư, cất nổi việc lớn, đạo nguy lý hiểm, hành động như thể thiết đáng với đạo Càn đạo Trời, có đức đại công như Trời, che khắp thế giới mà chẳng riêng tư chôn nào nên mới được đại đồng.

Ly nằm trong có đức Văn Minh, Càn ở ngoài có đức cương kiện, hào, Ngũ hào Nhị có đức trung chính mà ứng với nhau Văn Minh chứa trữ bên trong, cương kiện tác dụng bên ngoài mà lại vừa trung vừa chính để ứng với nhau. Đó là đạo chân chính người quân tử.

Chỉ duy có bậc quân tử có đức Văn Minh cương kiện, trung chính mới hay thông suốt được tâm chí thiên hạ. Tâm chí thiên hạ, thiên hình vạn trạng vẫn khó đồng, nhưng theo về nguyên lý của loài người, nếu dò xét cho đến chân tính chân tình, tỷ như đói ai cũng muốn ăn, khát ai cũng muốn uống, khổ nhọc ai cũng lấy làm khổ, sung sướng ai cũng lấy làm vui, thời một lẽ in nhau. Nếu lấy lòng mình mà đặt vào lòng người, có gì mà chẳng đồng được. Sơ dĩ chớ đồng được là vì chúng ta chẳng minh lý, nên chẳng xét thấu tâm lý người, vì takhệ cương kiện nên chẳng ngăn được tư tà. Kết quả thời không cảm hóa được tình thân người. Nên nổi tâm chí của thiên hạ cách tuyệt nhau, mà chẳng thông được.

Chỉ duy người chân chính, có đức văn minh thời rõ lý sáng suốt mà hiểu thấu, nghĩa đại đồng, có đức cương kiện thời bo sạch được tà tâm mà làm đúng đạo đại đồng, như thế là hợp được đức Trời mà làm nên sự nghiệp, còn lo gì tâm chí thiên hạ chẳng thông được ư?

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

THIÊN HÓA ĐỒNG NHÂN, QUÂN TỬ DÌ LOẠI TỘC BIỆN VẬT.

Ly với Càn nằm chung một quẻ, Càn là thiên tại thượng, Ly là hỏa tại hạ, hỏa viêm thổ có thể xu hướng nằm chung với nhau, nên tên quẻ Đồng nhân.

Người quân tử xem tượng ấy mới nghĩ rằng ở trong vũ trụ hệ mỗi người tài chất chớ đồng nhau, hệ mỗi tình trạng chẳng đồng với nhau thì làm thế nào mà đồng được. Người quân tử mới nghĩ ra phương pháp phân biệt cho ra những chỗ khác nhau mà thu xếp cho đồng nhau, tức là: "Loại tộc biện vật".

Loại là tỷ giáo cho rõ từng loại. Tộc là từng giống hay từng nhóm. Biện là phân biệt cho rõ ràng. Vật là việc, cũng nghĩa là cái, như ta nói cái nọ cái kia.

Người quân tử muốn làm được Đồng nhân, bắt đầu phải phân biệt từng loại cá nhân chủng tộc, biện minh ra mỗi sự vật mà xử trí cho ai nấy cũng thỏa thích sở cầu, ai nấy cũng phát triển sở năng, thủ đoạn tuy vẫn bất đồng, nhưng kết quả thời lại Đại đồng.

Tỷ như: loại cá là chủng tộc ở nước, loại chim là chủng tộc ở rừng, muốn cho được thỏa thích, tất phải thả cá xuống nước, phóng chim lên rừng, như thế nó mới đồng được chốn sung sướng của nó, đó là hình dung được "Loại tộc biện vật". Lại tỷ như: thuộc về sĩ tộc thời ta sắp đặt văn học, thuộc về nông tộc thời ta sắp đặt về việc canh nông khẩn điền. Đến lúc kết quả, thời ai nấy cũng phát triển hết sở năng, ai nấy cũng thỏa thích được sở nguyện.

Tóm lại, thời in như học thuyết nhà xã hội Các tạt sở năng, các thu sở nhu.

Bởi vì mỗi tộc tất có mỗi sở năng, mỗi vật tất có mỗi sở nhu, nếu chẳng loại choành chẳng biện cho minh, không xử trí cho hoàn thiện, thời làm sao đi đến Đại đồng được.

Thành nhân chí sở chúng ta chỉ xem mà t chủ đồng mà nhận lầm nghĩa đồng, toan ép uống những bọn bất đồng lại làm cho đồng tẻ ra thả cá lên rừng, đưa chim xuống nước mới học trở ra cây ruộng, rước phu cây ra làm bãi, bắt anh mò ra làm chánh án, nh vậy thành nhiều loạn thiên hạ mà có đồng được đâu.

(còn tiếp)

(tiếp theo trang 12)

Tướng chính là thấy được Như Lai" (Đoạn 3 trang 153 Kinh Kim Cang). Và càng đi sâu hơn nữa, đoạn nói về chúng sanh (Kim Cang trang 17), Đức Phật đã dạy rằng: "Đức Như Lai nói tất cả các tướng đều không phải tướng, lại nói tất cả chúng sanh chính là chẳng phải chúng sanh".

Người Phật tử chúng ta cần thấu triệt lý "Tánh không duy danh" này thì mới có thể hiểu được những câu chuyện nói về thân của Phật Thích Ca khi còn là Sĩ Bồ Tát bị vua Ca Ly cắt đứt thân thể thể mà Ngài đã không sanh tâm sân hận hay sợ hãi kiên Ngài bồ thí vợ con hoặc đổi mắt trố sáng cho một người Bà La Môn khi còn làm một vị Thái Tử.

(còn tiếp)

Dừng bước

Cho tôi được buổi trở về thăm lại
Những con đường từng kiếp đã đi qua
Tử vô thi, đường gian truân, khổ ai
Đêm kéo dài đầy bóng quỉ, hình ma

Cho tôi thấy đứng trên bao ngã rẽ
Tâm sáng tròn đồng một thể thái hư
Tử lâu mệt vì chính tay mình vẽ
Những vườn hoa, những cạm bẫy, lao tù

Trên ác đạo, ngát nụ cười hi' xả
Nguồn tử bi trong mắt tỏa mộng mênh,
Địa ngục, Niết Bàn, tâm bao gồm tất cả
Thôi kiếm tìm, đứng rứt đuổi chung quanh.

* Hồ Trường An

Di Lạc ra đời

Rồi đây Kinh sách rã tan
Người thành ác quỉ, hồn mang đất trời
Tìm trong máu chảy, xương phổi
Bông đứng ta gặp nụ cười Thế Tôn.

* Hồ Trường An

Tặng Ni cô

Ai đem giáo lý Phật truyền cho
Quyết đến Thiên Môn không đắn đo
Tụng hết Tâm Kinh như lướt sóng
Niệm song Lục Tử tướng qua đò
Sớm khuya nhịp mõ Sư ban bảo
Chiều động hồi chuông Tổ' dẫn đò
Lánh chốn trần ai mong kiến tánh
Sau về bến giác khối còn lo.

Văn thơ đạo

Con đường giải thoát rộng phướng trời
Quyết đến đâu còn dám nghi' ngại
Thân đã chán chường câu âm lạnh
Lòng không vướng vẩn chuyện đầy vơi
Thanh cao nhận rõ phân nhân qua
Tục lụy bao dung lẽ sống đời
Sự nghiệp thắng trầm là mây chốc
Trăm năm tay cũng đến buông xuôi.

* Tây Đức 4.07.1983
CHUNG ANH

Tiếng vọng Vu Lan

Tôi xin dâng đóa hoa hồng
Cho người còn Mẹ để' lòng thêm thương
Tôi xin dâng đóa bạch hương
Cho người mất Mẹ lòng vương nụ sầu.

Trong tịnh thất âm, thâm đêm đối bóng
Gió mùa Thu hiu hắt lạnh từng cơn
Thoảng đâu đây lơ lửng những linh hồn
Theo tiếng vọng Vu Lan về phố hội
Tiết Trung Nguyên trắng rằm mùa xá tội
Sao ta còn nghe tận cõi u minh
Bao ngục hình vẫn hành hạ chúng sinh
Trong đau khổ' oan tình hay xứng lý?
Giống suối lệ trải dài tử vô thủy
Đoạn trường nào ai có thấu hay cho?
Bên sông xưa đã lở một chuyên đò
Rồi tử đó lạc loài quên tình Mẹ
Diêm chúa hỏi! nghe chắng sâu nhân thế?
Xin ra ơn cho quỉ' sứ nương tay
Cho gông cùm theo cánh vạc tung bay
Cho hoa nở trên bàn chông chậu máu
Nếu trần gian không còn gây thảm não
Thì hương đăng chi để' nhện trai đàn
Thì đâu còn tiếng uất hận kêu than
Thì đâu cảnh chết vui trong hoang lạnh!
Bàn tay Mẹ mong chờ con, hiểu hạnh
Dâng bát cơm manh áo, buổi cơ hàn
Dâng tình thương sưởi ấm lúc cô đơn
Dâng ánh đạo cho chan hòa chân lý
Hãy cúi mặt nhìn đêm sâu thế kỷ
Đuốc Tử Bi rực chiếu mây ngàn năm
Bao oan hồn theo tiếng vọng Vu Lan
Nường khúc nhạc lời kinh vang siêu thoát.

* HOÀI NHÂN

Ngày Tự Tứ

Nam mô Đại Hiếu Mục Kiên Liên
Bồ Tát nhìn thông suốt cứu tuyền
Cứu Mẹ thoát qua đường ngạ quỉ'
Độ người vượt đến cõi nhân thiên
Chúng sanh hàng đời lòng lân mẫn
Bảy kiếp đường chờ những thiện duyên
Kính cần con mong ngày tự tứ'
Chỉ thành cầu nguyện trước đài sen.

* HÀ NGỌC DƯ

Allgemeine Buddhalehre



Text von Hohehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

KAPITEL IV

Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode oder die Dreifache Zuflucht (ti-sarana)

A. Zur Einführung

B. Themen:

I. Begriffe und deren Bedeutungen.

Was versteht man unter:

- 1) die Zufluchtnahme(sarana)
- 2) die Drei-Kleinode(ti-ratana)
- 3) die Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode(ti-sarana)
oder die Dreifache Zuflucht.

II. Drei Stände von Drei-Kleinode

- 1) Gleicheingenschaftliche Drei-Kleinode
- 2) Die Welt verlassende Drei-Kleinode
- 3) Weltlich verweilende Drei-Kleinode

III. Der äußere Sinn der Dreifachen Zuflucht

- 1) Zuflucht zum Buddha(der Erleuchtete)
- 2) Zuflucht zum Dharma(Lehre)
- 3) Zuflucht zum Sangha(Mönchsorden)

IV. Der innere Sinn der Dreifachen Zuflucht.

- 1) Zufluchtnahme zum Buddha
- 2) Zufluchtnahme zum Dharma
- 3) Zufluchtnahme zum Sangha

V. Die Feierlichkeit der Dreifachen Zuflucht.

- 1) Der Zufluchtnnehmer soll zunächst seinen Leib und Geist säubern und besänftigen.
- 2) Seine Willen zur Dreifachen Zuflucht vor Drei-Kleinode klar und deutlich sprechen.

VI. Die Wohltaten der Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode.

- 1) In Unwissenheit des weltlichen Weges nicht verfehlen, in das Meer des Leidens nicht untergehen.
- 2) Die Willen zur Dreifachen Zuflucht dienen zur leichteren Aufrechterhaltung der Gelübde des Zufluchtnnehmers, da Buddha und Mönchsorden diese bezeugen.

C. Schlußfolgerung.

Buddhistische Anhänger sollen den zweifachen Sinn der Dreifachen Zuflucht ins Herz nehmen, und sie klardenkend fortschreiten.

Die Zufluchtnahme zur Drei-Kleinoder

Unsere irdische Sphäre ist eine Welt voller Unwissenheit und Begierde, auf diese wir im Tränenmeer des Leidens und im schmutzigen Schlamm der Leidenschaft schwimmend leben. Sich in diesem Milieu zu befinden, können wir den Ufer der Reinheit und Verständlichkeit nicht erkennen, um dahin zu kommen. Es ist sehr betrauerlich um das Schicksal unseres menschlichen Wesen!

Unsere ursprüngliche Willen sind jedoch nicht nur so! Seit anfangloser Zeit stammen wir aus der wahren Quelle der Stille und grenzenlosen Klarheit. Wegen einem zerstreuten Gedanken, wobei eine törichte Unwissenheit entstand, wurden wir in dem Kreislauf der Wiedergeburt, die drei Welten (trikola: Kāmadhātu-Sinnen, rūpadhātu-Form, arūpadhātu-Nichtform) und sechs Wesen (deva himmlische Wesen, asura-Titanen, manusya-Menschen, preta-hungrige Geister, tiryagyonī-Tiere, narakasattva-höhlische Wesen) unterworfen.

Welcher unter uns wollte nicht aus dieser finsternen und elenden Welt befreien, um zurück zum Ursprung der Klarheit und Fröhlichkeit zu kehren?

Aber wie kann man sich aus dieser unangenehmen Lage befreien? Wer wird uns erbarmlicherweise diesen Weg offenbart? Wer hat die wundervolle, unvergleichbare Methode, die uns aus dem Kreis von Geburt und Tod helfen können?

Dieser klardenkende Erhabene und Besitzer voller Fähigkeiten ist nichts anders als Sakya Muni Buddha.

Er ist in den Geburt - und Todlosen - Stand eingedrungen, und außerdem kann nur seine Lehre alle Lebewesen aus der elenden Vergänglichkeit herausbringen.

Darum zögern wir denn nicht die Zufucht zum Drei Kleinode zu nehmen.

I. Begriffe und deren Bedeutungen

1. Was versteht man unter die Zufluchtnahme?

Sie bedeutet das Zurückkehren und Anvertrauen. Der Begriffe Sarana entspricht dem Sanskrit - Wort Namah, welches Gehorsam, sich Verlassen auf bedeutet.

2. Was bedeutet die Drei-Kleinode (ti-ratana)

Diese drei, Buddha, Dharma, Sangha, gelten als die "Drei-Kleinoden".

In dieser Welt werden Juwelen, das Ansehen meisten als Kostbarkeit bezeichnet. In der Tat können diese Dinge den Menschen jedoch nicht erretten, vor vier Plagen: Geburt, Alter, Krankheit und Sterben, sondern bringen sie ihnen allerdings noch mehr Leiden (dukkha)! Buddha, Dharma, Sangha, diese Drei-Kleinode verfügen außerordentliche Fähigkeiten welche den Menschen zum Erlösen vom Leiden führen. Deshalb verneigt sich der Buddhist vor ihnen und betrachtet er sie als das Ehrwürdigste und Erhabenste in der Welt.

a/ Buddha: bedeutet der Erleuchtete oder Erwachte, der drei Aspekte vollkommen erwacht hatte, nämlich

- "durch sich selbst erwacht", das heißt Gewinnen die endgültige Erlösung und höchste Weisheit aus eigener Anstrengung.
- Allgüte
- Schreiten diese Güte in die Tat bis zum Vollendeten fort.

b) Der Dharma ist die praktische Methoden der Geitesschulung, welche vom Buddha selber gefunden, verwirklicht und verkündet hatte. Er wurde vom ihm auf klarer Erkenntnis der Wirklichkeit aufgebaut und als die Erlösungslehre bezeichnet.

Diese heiligste Lehre ist niedergelegt in drei Hauptteile, sogen. Drei-Korb(ti-pitaka
c) Sangha bedeutet die "Gemeinde", ist der vom Buddha gegründete Mönchsorden. Ein buddhistischer Mönchsorden besteht aus mehr als 4 Personen, die den ernstesten Willen haben, ihr ganzes Leben, ungehindert von weltlicher Ablenkung, der Verwirklichung des höchsten Erlösungsziele zu widmen; die die vom Buddha aufgekaute Sittlichkeitsregeln anvertrauen und gegenseitig helfen.

3. Was versteht man unter der Zufluchtnahme zur Drei-Kleinoden?

Die Zufluchtnahme bedeutet das zurückkehren und Anvertrauen.

- Weshalb nimmt man Zuflucht zum Buddha? - Weil Buddha ein vollkommener Erhabener, ein unermeßlicher Barmherziger, ein unvergleichbarer Verdienst, ein vollendet tugendhafter -
tester Erwürdiger ist. Aus eigener Erfahrung befreite sich Buddha aus dem Kreis von Geburt und Tod zum Erlangen der Erleuchtung, deshalb ist Buddha uns ein mächtiger Führer.

- Weshalb nimmt man Zuflucht zum Dharma? - Weil nur die vom Buddha aufgebaute Erlösungslehre über Fähigkeiten verfügen, die uns aus dem Meer des Leidens zum Ufer der Erlösung bringen kann.

- Weshalb nimmt man Zuflucht zum Sangha? - Weil sie ihr individuelles Ansehen, Haben, sogar ihre Familie geopfert haben, mit den ersten Willen, ihr ganzes Leben, ungehindert von weltlicher Ablenkung, um die Verwirklichung des höchsten Erlösungslehre zu widmen. Sie sind Schüler und Vertreter des Buddha, die Buddhalehre weiter darzulegen und uns auf den rechten Erlösungspfad zu führen.

(Fortsetzung folgt)

(Fortsetzung Seite 36)

aber diese dürfen nicht als Endzweck angesehen werden. Die sich bei der Verwirklichung der Achtsamkeit einstellenden Vorteile sind nur Nebenprodukte.

In Paris leite ich eine kleine Meditationsklasse für Nicht-Vietnamesen, in der viele junge Leute sind. Ich habe ihnen gesagt: "Wenn ihr eine Stunde am Tag meditieren könnt, so ist das gut, aber es reicht auch nicht annähernd aus. Ihr habt euch in der Meditation zu üben, wenn ihr geht, steht, liegt, sitzt und arbeitet." Ich habe ihnen erklärt, wie sie die Achtsamkeit üben können, während sie die Hände waschen, das Geschirr abwaschen, den Fußboden fegen, mit Freunden sprechen oder sich sonstwo befinden. Ich sagte: "Während ihr das Geschirr abwascht, denkt ihr vielleicht an den Tee, den es hinterher gibt, und ihr versucht deshalb, es so schnell wie möglich aus dem Weg zu schaffen, um euch hinzusetzen und den Tee zu trinken. Aber das bedeutet, daß ihr unfähig seid, während der Zeit zu leben, in der ihr das Geschirr abwascht. Wenn ihr das Geschirr abwascht, dann muß das Abwaschen des Geschirrs die wichtigste Sache in eurem Leben sein. Ebenso muß das Teetrinken, wenn ihr Tee trinkt, die wichtigste Sache eures Lebens sein. Wenn ihr die Toilette benutzt, so laßt dies die wichtigste Sache eures Lebens sein, und so weiter." Holzhacken ist Meditation. Wassertragen ist Meditation. Der Üben muß während des ganzen Tages achtsam sein und sicherlich nicht nur in der einen Stunde, die für formale Meditation oder das Lesen von buddhistischen Schriften und das Rezitieren von Sutras bestimmt ist. Jede Handlung muß mit Achtsamkeit ausgeführt werden. Jede Handlung ist ein Ritus, eine Zeremonie. Das Anheben der Teetasse an Deinen Mund ist eine Zeremonie. Vielleicht ist das Wort 'Ritus' ein bißchen zu feierlich, aber ich benutze es, um die Menschen zu der Erkenntnis aufzurütteln, daß *die Klarbewußtheit eine Angelegenheit von Leben und Tod ist.*

GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN
IN SÜDVIETNAM

1963—1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil
In Vietcongshaft

17. In Vietcongshaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

Die Zeit flog dahin, Leute kamen und gingen, meistens an Sonnabenden und Sonntags wenn meine Saigonesen mit ihren Autos nach Vung Tau zum Piknick fuhren oder zu den Stränden. Auf beiden Seiten des Kaps gab es kilometerlange Strände. Vom Vihàra aus konnte ich durch mein Fernrohr den Strand und die See beobachten. An Sonntagen sah man hunderte Amerikaner mit ihren vietnamesischen Frauen oder Freundinnen baden oder segeln. Ich war noch garnicht lange im Vihàra, als eines Vormittags, es war Sonntag, eine Vietcong Rakete über mein Vihàra flog, genau mitten in eine Anzahl amerikanischer Segelboote. Die Rakete explodierte im Wasser und verursachte eine hohe Fontäne und noch mehr Schreck, denn alle Boote stoben auseinander und suchten den Hafen, das Sonntagsvergnügen war zu Ende. Am Nachmittag kam eine zweite Rakete, aber ich konnte sie nicht sehen, weil sie auf der anderen Seite des Kaps niederging. Wie ich später von Besuchern hörte, war in beiden Angriffen kein Schaden angerichtet worden. Überhaupt war Vung Tau einer der wenigen Städte, welche bisher vom Kriege verschont geblieben waren, vielleicht deshalb, weil der Vietcong hier ebenfalls Urlaub machte.

Ich erzählte meinen Freunden die Geschichte mit dem Geist, niemand lachte oder zeigte ein zweifelndes Gesicht, im Gegenteil, sie bestätigten mir, dass es hier Geister gäbe, und dass dieser Berg im Volksmund als Geisterberg bekannt sei obwohl er offiziell schlicht und einfach "Kleiner Berg" hiess. Ferner erzählte man mir, während der Franzosenherrschaft wurden die über mir gelegenen Gebäude mit roten Dächern als "Deuxième Bureau" (d.h. Zweite Büro) des französischen Geheimdienstes benutzt und viele Vietminh-Verdächtige sollen dort gefoltert und getötet worden sein. Die Geister der Ermordeten sollen jetzt noch auf dem Berge hausen, und ausser ihnen auch die Geister früherer Piraten, nicht nur vietnamesische, sondern auch indonesische, welche vor Jahrhunderten die Küste Vietnams unsicher machten. Dies war wohl einer der Gründe, dass es hier keine Wohnhäuser gab niemand wollte auf dem Berg wohnen aus

Angst vor den Geistern. Mir schien die Sache interessant, doch meine Freunde meinten, ich solle vorsichtig sein. Der Eigentümer des Grund und Bodens, auf welchem mein Vihàra stand, war ein französisch gebildeter Herr und hatte auch keine Furcht. Er sagte vertraulich: "Geister sind absolut ohnmächtig gegen gute Menschen".

Einige Mönche und Nonnen aus verschiedenen Tempeln und Vihàras besuchten mich, doch nur wenige sprachen Englisch oder Französisch und mein Vietnamesisch war recht mangelhaft, denn wegen Schwerhörigkeit war es mir ganz unmöglich, die sieben oder acht verschiedenen Töne dieser nicht leichten Sprache zu unterscheiden und darum konnte ich fast nichts verstehen, wohl aber etwas sprechen, das meistens dann auch nicht verstanden wurde. Dies war sehr zu bedauern, weil ich doch die feste Absicht hatte, wenn möglich, in diesem Land zu bleiben. Vielleicht würde ich Vietnamesisch mit der Zeit ganz automatisch lernen. Alle meine Freunde sprachen Französisch und Englisch, einige auch Esperanto. In Saigon gab es einen Esperantoklub. Der damalige australische Botschafter, Ralph Harry, hatte eifrige Propaganda für Esperanto gemacht mit dem Erfolg, dass bald eine Gruppe entstand. Am vietnamesischen Mondneujahr 1970 besuchten mich die jungen Esperantisten aus Saigon. Professor F.S. aus Paris war ebenfalls mit ihnen und sprach fließend Esperanto, welche Sprache er schon als Kind von den Eltern gelernt hatte. Ich spendete 10.000 Piaster, um den Klub zu helfen, denn es waren meist arme Studenten und Studentinnen der medizinischen und pädagogischen Fakultäten, welche neben Englisch und Französisch nun auch Esperanto lernten und alle Lehrbücher mußten in Europa bestellt werden.

Mit Gitarrenbegleitung und auf der Veranda sitzend sangen die jungen Esperantisten vietnamesische und Esperantolieder. Ich dachte: Freut euch des Lebens - solange es noch geht! Kaum 10 Kilometer entfernt wütete der grausame Krieg, während wir hier in Ruhe und Frieden sassen. Gegen drei Uhr nachmittags fuhren die Vietnamesen zurück nach Saigon und ich war wieder allein oder doch nicht ganz,

denn ich hatte eine kleine schwarze Katze, welche sehr anhänglich wurde und mir die Ratten und Mäuse verjagte.

11. Die Riesenschlange

Eines Tages, als ich gerade dabei war, mir mein Essen zu bereiten, schaute ich zur Seite, um zu sehen, ob die Katze das ihr gegebene vegetarische Essen nehmen würde, oder nicht. Genau im selben Augenblick sah ich den Kopf einer dicken Schlange, ganz nahe meiner Katze. Ich blieb stehen und sah mir das züngelnde Reptil an, es war eine Python, eine s.g. Riesenschlange welche durch die offene Küchentür hinein-geschlichen war, um vielleicht die Katze zu verschlingen. Die Python lag noch mit dem Kopf unter einem Schrank und konnte sich darum nicht auf die Katze stürzen, ohne sich selbst ordentlich zu stossen. Meine kleine Katze hatte nun endlich die Schlange bemerkt und machte einen Satz nach hinten, schlug eine Kurve und setzte sich unter die Anrichte hinter mir. Was tun? die Schlange töten?? O nein, das konnte und wollte ich nicht, erstens weil ich buddhistischer Mönch war, zweitens war ich tierlieb (ohne Ausnahmen) und drittens erinnerte ich mich der Regeln, welche der Erhabene (Buddha) für solche Fälle aufgestellt hatte. Der Mönch soll nicht Reissaus nehmen, sondern ruhigen Geistes stille stehn und liebevolle Gedanken gegenüber der Schlange aussenden. Ich tat es und - glaubt es mir odernicht - die Python kroch an mir vorbei, eine lange Schlange, vielleicht vier oder fünf Meter lang. Sie kroch die zwei Stufen zum Empfangsraum hinunter, bog dann nachlinks in mein offenes Schlafzimmer ab und von dort zur Bibliothek und versuchte hinter dem Bücherschrank hinaus zu klettern. Ihr halber Körper war schon hinter dem Schrank, als meine schwarze Katze Mut bekam und die Schlange in den Schwanz biss. Trotz der gefährlichen Lage musste ich laut lachen und wie es schien, lachte auch die Katze und wollte es nochmal tun, aber dann kam der Kopf der nun erbosten Python hervor und sah uns böse züngelnd an, ohne aber anzugreifen. Sie kroch unter einen anderen Bücherschrank und von dort in die Buddhahalle. Jetzt wurde es gefähr-

-lich, ich hatte nämlich noch drei andere kleine Kätzchen, kaum eine Woche alt, sie lagen in einem Bastkorb unter dem Schrein des Arya Maitreya. Zuerst wollte die Schlange auf sie zu, da nahm ich aber in Verteidigung der Kätzchen einen Bastbesen und versuchte, die Riesenschlange aus der Halle ins Freie zu scheuchen. O nein, das wollte sie nicht. Sie stellte sich über ein Meter hoch und riss das Maul auf, um mich zu erschrecken. Meine Katze verschwand wie der Blitz in die Küche. Etwas fühlbar "streichelte" ich die Schlange mit dem Besen über den Kopf. Sie machte kehrt und hatte nun Angst, denn sie wollte aus dem geschlossenen Fenster heraus, doch dies ging nicht, dann fauchte sie einige Male und kroch im Eiltempo aus der Halle und liess sich von der Veranda etwa einundeinhalb Meter hinunter ins Gestrüpp fallen und verschwand mit grossen Windungen im Unterholz. "Die kommt so leicht nicht wieder", dachte ich Irrtum meinerseits, nach drei Tagen sah ich die gleiche Python wieder auf der Veranda am anderen Ende des Vihàra. Rasch holte ich den Besen und hob ihn drohend, mittlerweile war die Schlange wieder hoch gegangen, aber als sie meinen Besen, bösen Andenkens, gewahr wurde, gab sie auf und nahm Reissaus.

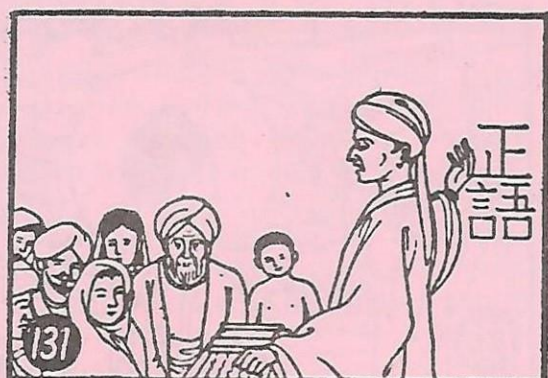
Ich hätte noch manch andere Schlangengeschichte zu erzählen, besonders mit giftigen Kobras, welche bei mir rein und raus spazierten, sich unters Bett legten oder sich um den Teetopf schlängelten, um auf solche Weise einen Gecko oder Maus zu erwischen, doch will ich nur noch sagen, dass während meines mehr als sechs-jährigen Aufenthalts in diesem Vihàra, Schlangen vierzehn Katzen töteten und wohl auch verschlangen, denn ich fand nie eine tote Katze, sie waren einfach weg.

Eines Tages kam ein junger Mann zu mir, welcher unumwunden zugab, dass er zur FNL (Nationalen Befreiungsarmee) gehörte, und dass er Amerikaner hasse, welche gegen das vietnamesische Volk kämpften. Der Bursche hatte ohne Zweifel Mut, vielleicht weil er eine Pistole unterm Hemd trug. Als er hörte, dass ich Deutscher sei meinte er: "Schon besser, Sie können hier bleiben, aber kein Kontakt mit den Amerikanern!". Ich sagte: "Wenn hier ein Ameri-
(Lesen Sie bitte weiter auf Seite 33)

Die illustrierte Geschichte Buddhas

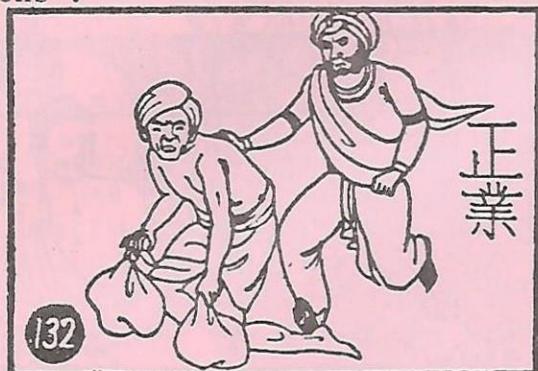
Text von Hoàng Văn - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)



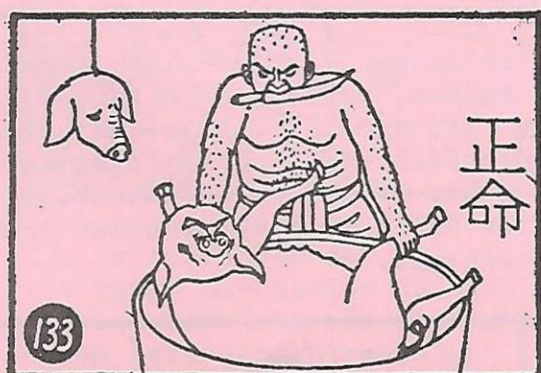
Der Erhabene fuhr fort:
Wir kreieren durch schlechte Worte schlechte Karmen, die sich ständig durch unrechtes Reden vermehren. Umgekehrt erreichen wir Glückseligkeit, wenn wir Menschen mit Worten trösten und Ratschläge geben.

Dies ist der Begriff des "rechtes Redens".

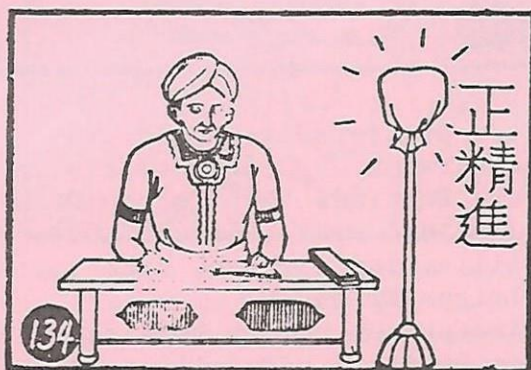


Karmen sind Handlungen und Taten. Es gibt gute und schlechte Karmen, die aus körperliche Aktivitäten, Sprecharten und Gedanken entstanden sind. Sündenhafte Dinge entspringen aus diesen drei Quellen, wenn wir außer uns sind. Umgekehrt verläuft alles in bester Ordnung, wenn wir uns selbst beherrschen.

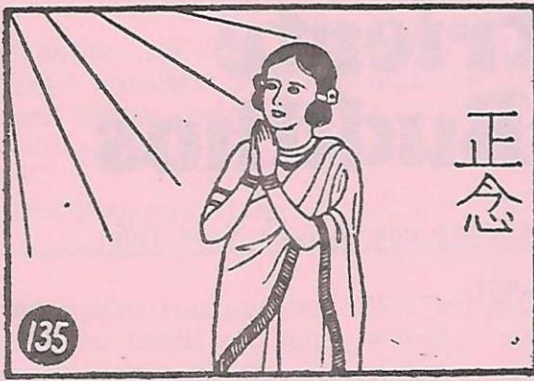
Kriminelle Tat, die in diesem Bild dargestellt ist, verletzte das "rechtes Handeln".



Wir dürfen unmenschliche Tätigkeiten wie: Töten von Lebewesen, unsittliche Gewerbe, Spielen mit Geld usw.... nicht ausüben. Denn es sind Berufe, die für Buddhisten unwürdig sind.



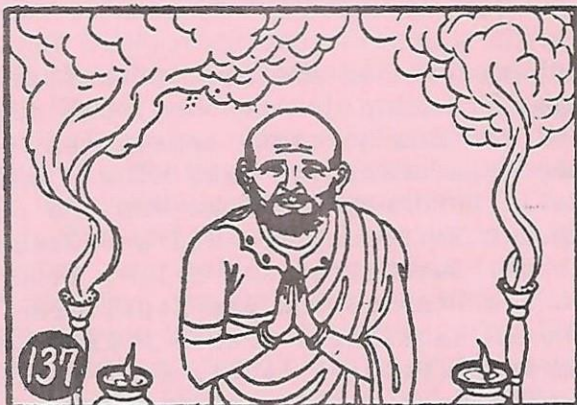
Der Weg ins Nirvana geht über fleißiges Training des Geistes, das man als "rechtes Streben" bezeichnet. Alle Wege erfordern viel Mühe und Fleiß. Umsomehr verlangt von uns der Weg der Befreiung vom Tod und Wiedergeburt. Das Halten des Silas, Studieren des Dharmas und das Meditieren gehören dazu. Alle dieser Praktizierungen helfen uns dabei, fest an das Glauben an die drei Juwelen zu halten.



Alle Lebewesen richten sich innerlich nach Buddha, rufen seinen Namen und denken oft an ihn. Das ist der Begriff des "rechten Gedenkens". Indem man an ihn denkt, denkt man an sich selbst. Rechtes Gedenken ist, wenn man sein Ego versteht.



"Rechtes Sichversenken" bedeutet rechte Versammlung. Sie ist die unfehlbare Form des "achtfachen Pfades". Sie führt den Praktiker zum Zustand der Stille, zum Nirvana, d.h. zur endgültigen Erlösung. Alle Anwesenden hörten begeistert Buddhas Predigte und folgten ihm.



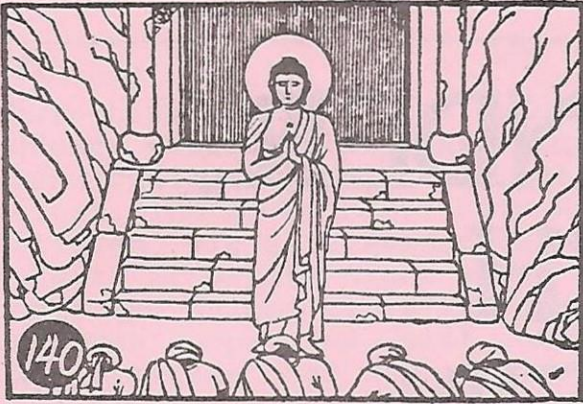
Eines Tages erreichte er das Dorf, wo Kassapa und seine 500 Anhänger wohnten. Er hatte erkannt, daß es Zeit ist, diesen Sektenführer des Feuergottesverehrung zu bekehren. Als er kam, beendete Kassapa sofort die Zeremonie, um den Erhabenen zu empfangen.



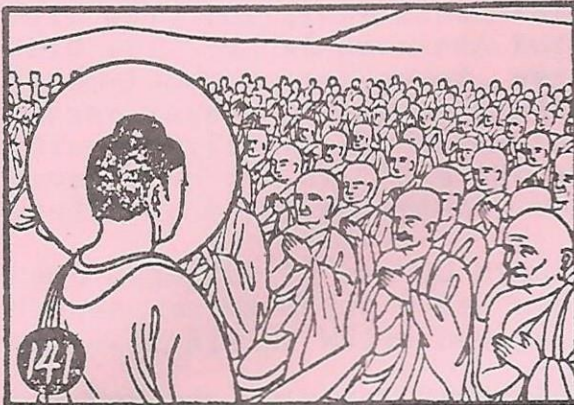
Buddha nannte seinen Wunsch, hier zu übernachten. Es traf sich gut, weil Kassapa prüfen wollte, wie mächtig sein Gast wirklich ist. Deshalb ließ er den giftigen Schlangenkönig im Schlafraum des Buddha frei laufen. Aber der Gast zeigte sich unbesorgt.



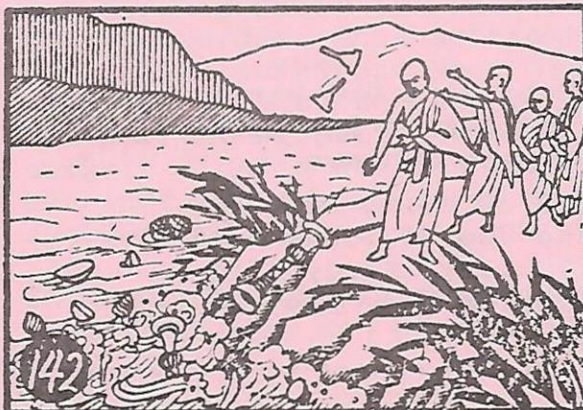
Ganz ruhig betrat Buddha seine Schlafstelle, während die Feuergottanhänger fest daran glaubten, daß er nicht wieder heil rauskommen könnte, früh oder spät tötete ihn der Schlangenkönig. Doch es geschah anders als erwartet, Buddha verbrachte die ganze Nacht meditierend ungestört.



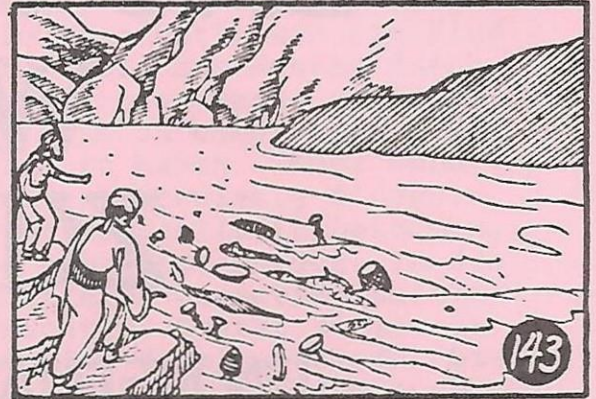
Am nächsten Morgen waren alle erstaunt darüber, daß Buddha ruhig den Raum unverletzt verließ. Aber er konnte die anderen noch nicht von seiner Macht und Weisheit überzeugen. Erst nach einer Predigt konnte Kassapa, den Sektenführer mit höchster Weisheit zum weinen bringen. Und nach ihm bekannten sich alle 500 Anhänger zum Buddhismus.



Alle ließen sich von Buddha die Haare trennen und zeigten sich begeistert über die Predigt der "vier edlen Wahrheiten". So eine Predigt höchstem Niveau hatten sie bisher noch nie gehört.



Die neuen Anhänger hatten sich fest entschlossen, Buddha zu folgen. Um die Vergangenheit zu vergessen, warfen sie alle Kultsachen in den Fluß Neranjara.



Die beiden Brüder von Kassapa waren auch Sektenführer der Feuergott-Verehrung. Sie hatten das Schlimmste vermutet, als sie die Kultsache in dem Neranjara-Stram sahen. Deshalb nahmen sie sie aus dem Wasser heraus.



Dann gingen sie zu Kassapa und sahen, wie diesen und seine 500 Anhänger Mönchen wurden. Wütend beschimpften sie ihn. Aber dieser beherrschte sich und sprach mit ihnen mit einem sanften Ton wie Buddha.

(Fortsetzung folgt)

(Fortsetzung Seite 30)

kaner kommt, kann ich ihn als Ausländer nicht herauswerfen, weil ich dann wohl rasch aus dem Lande verwiesen würde". Dies leuchtete dem Fanatiker ein; kurz darauf verschwand er und tauchte nicht wieder auf.

(Fortsetzung folgt)

DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH
VON
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt
von Mobi Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

(Fortsetzung)

Dein Atem sollte leicht, gleichmäßig und fließend sein - wie ein dünnes Wasserrinnsal, das durch den Sand fließt. Dein Atem sollte sehr ruhig sein, so ruhig, daß ein Mensch, der in Deiner Nähe sitzt, ihn nicht hört. Dein Atem sollte so anmutig wie ein Fluß fließen, wie eine Wasserschlange gleitet, die das Wasser durchquert. Er sollte nicht einer Kette zerklüfteter Berge gleichen oder dem Galopp eines Pferdes. Unseren Atem zu bemeistern heißt, unseren Körper und Geist unter Kontrolle zu haben. Immer wenn wir bemerken, daß wir zerstreut sind, und es schwierig finden, uns mit Hilfe verschiedener Mittel unter Kontrolle zu bekommen, sollte die Methode der Atembetrachtung angewandt werden. In dem Moment, in dem sich der Übende zum Meditieren hinsetzt, sollte er damit beginnen, seinen Atem zu betrachten. Zuerst sollte er normal atmen, allmählich sollte er den Atem dann beruhigen, bis er ruhig, gleichmäßig und einigermaßen lang ist. Von dem Augenblick an, in dem er sich hinsetzt, bis zu dem Augenblick, in dem sein Atem tief und ruhig geworden ist, sollte der Übende sich all dessen bewußt sein, was sich in ihm abspielt. So wie es das Sutra über die Achtsamkeit sagt: "Lang einatmend weiß der Übende: 'Ich ziehe einen langen Atemzug ein', lang ausatmend weiß der Übende: 'Ich stoße einen langen Atemzug aus', kurz einatmend weiß er: 'Ich ziehe einen kurzen Atemzug ein', kurz ausatmend weiß er: 'Ich stoße einen kurzen Atemzug aus.' 'Den ganzen (Atem-)Körper empfindend, werde ich einatmen', so übt er. 'Den ganzen (Atem-)Körper empfindend, werde ich ausatmen', so übt er. 'Die Aktivitäten des (Atem-)Körpers beruhigend, werde ich einatmen', so übt er. 'Die Aktivitäten des (Atem-)Körpers beruhigend, werde ich ausatmen', so übt er."

Nach ungefähr 10 bis 20 Minuten werden sich die Gedanken des Übenden so beruhigt haben wie ein Teich, auf dem sich nicht einmal eine kleine Welle bewegt.

Die Methode, mit der unser Atem beruhigt und geglättet wird, trägt die Bezeichnung 'Methode, seinem Atem zu folgen'. Wenn die Methode, seinem Atem zu folgen, anfangs schwierig erscheint, so kann man sie durch die Methode des Atemzählens ersetzen. Wenn Du einatmest, zähle im Geist 1, und wenn Du ausatmest, zähle 1. Atme ein, zähle 2. Atme aus, zähle 2. Setz das Zählen bis 10 fort, dann kehre zur 1 zurück. Dieses Zählen gleicht einem Band, das Deine Aufmerksamkeit an Deinen Atem bindet. Diese Übung ist der Ausgangspunkt des Prozesses, Dir Deines Atems ständig bewußt zu werden. Ohne Achtsamkeit wirst Du allerdings schnell mit dem Zählen aufhören. Wenn das Zählen vergessen wurde, kehre einfach zur Eins zurück und setz die Versuche fort, bis Du das Zählen korrekt einhalten kannst. Wenn Du erst einmal Deine Aufmerksamkeit richtig auf das Zählen richten kannst, hast Du den Punkt erreicht, an dem Du damit anfangen kannst, die Zählmethode aufzugeben und Dich allein auf den Atem selbst zu konzentrieren.

In Augenblicken, in denen Du aus dem Gleichgewicht gebracht oder zerstreut bist und es schwierig findest, die Achtsamkeit beizu-

behalten, kehr zu Deinem Atem zurück. Sich seinen Atem zu vergegenwärtigen, ist selbst Achtsamkeit. Dein Atem ist ein wundervolles Mittel, Dich Deines Bewußtseins zu bemächtigen. Die siebente Disziplin des Tiëp-Hiën-Ordens ist besonders der Benutzung des Atems gewidmet: "Man sollte sich nicht in geistiger Zerstreuung oder in seiner Umwelt verlieren. Lerne das Atmen zur Wiedergewinnung der Kontrolle über Körper und Geist anzuwenden, um die Achtsamkeit zu verwirklichen und Konzentration und Weisheit zu entwickeln."

JEDE HANDLUNG IST EIN RITUS

Ich hörte einmal ein gutes Gleichnis für unseren Atem, Quang: Angenommen, es gäbe da eine gewaltige Mauer, von deren höchster Stelle man weit in die Ferne blicken kann - aber es sind scheinbar keine Hilfsmittel vorhanden, um sie zu erklettern. Nur ein dünner Faden liegt über der Mauer und hängt an beiden Seiten herunter. Ein Mensch, der klug genug ist, wird eine dickere Schnur an eines der Enden knoten; er wird auf die andere Seite der Mauer gehen, dann am Faden ziehen und so die Schnur auf die andere Seite befördern. Dann wird er das Ende der Schnur mit einem starken Seil verknoten und dieses über die Mauer ziehen. Wenn das Seil den Boden auf der einen Seite erreicht hat und auf der anderen Seite befestigt worden ist, kann die Mauer leicht erklettert werden.

Unser Atem ist ein solch schwaches Stück Faden. Aber wenn wir erst einmal wissen, wie wir ihn benutzen können, kann er ein wundervolles Werkzeug zur Bewältigung von Situationen werden, die uns sonst hoffnungslos erscheinen würden. Unser Atem ist die Brücke von unserem Körper zu unserem Geist; er ist das Element, das unseren Körper mit unserem Geist in Einklang bringt und das Einssein von Körper und Geist ermöglicht. Der Atem ist sowohl mit dem Körper als mit dem Geist verbunden, und er allein ist das Werkzeug, das beide zusammenbringen kann, wobei er beide erhellt und beiden Frieden und Ruhe bringt.

Es gibt viele Menschen und eine Menge Bücher, welche die gewaltigen Wohltaten erörtern, die sich durch korrektes Atmen einstellen. Sie sagen, ein Mensch, der wisse, wie man zu atmen habe, sei ein Mensch, der wisse, wie man grenzenlose Vitalität erringen kann: Der Atem stärke die Lunge, verbessere das Blut und belebe jedes Organ im Körper. Sie sagen, daß richtiges Atmen wichtiger sei als Nahrung. Und alle diese Feststellungen sind richtig.

Du weißt, Quang, daß ich vor einigen Jahren äußerst krank war. Nachdem ich einige Jahre lang Medizin eingenommen und mich ärztlicher Behandlung unterzogen hatte, besserte sich mein Zustand nicht. Deshalb wandte ich mich der Atemmethode zu, und dank ihrer war ich in der Lage, mich selbst zu heilen.

Ich möchte darüber sprechen, Quang, inwiefern der Atem ein Werkzeug und inwiefern er selbst Achtsamkeit ist. Die Verwendung des Atems als ein Werkzeug könnte einem immense Vorteile bringen,

(Lesen Sie bitte weiter auf Seite 27)

Bereichern unseren buddhistischen Wortschatz

In Sanskrit, Vietnamesisch, Deutsch

Verantwortlich: Ngô Ngọc Diệp

Dharma Name : Thị Chơn

Asrava	:Huỳnh lậu(lậu có nghĩa là sự rịn chảy,rớt rớt,sự lọt ra ngoài, lọt xuống dưới-tức là ý nghĩa sự trôi chảy vào vòng vô minh, luân hồi và khổ đau). wörtl. Unreinheit,bedeutet das Strömen zur Unwissenheit, Wiedergeburt und Leiden.	-keit	Dars'ana-bhāga:Kiến phần,phần thứ nhì của mỗi thức trong Bát thức,t h eo Duy thức học(kiến phần,có quan tri thức mà nhiều triết gia làm lẫn coi là chính tâm thức - thiên đạo tu tập trang 256). Bát thức là Nhãn,Nhĩ,Tỷ,Thiệt,Thân,Y,Mat na và A Lại Da Thức
Anāsraava	:Vô lậu(sự trôi chảy vào vòng trong sáng,vươn lên giác ngộ , tử bi và lợi tha). Reinheit,bedeutet das Strömen zur Strebung der Erleuchtung , der Barmherzigkeit und zum Wohl des Anderen.		Subjektive Phase - die zweite Erkennungsphase jedes Bewußtsein - gliedes von 8 Bewußtsein - glieder(Sehen,Hören,Geruch,Geschmack,Empfindung, Gedanken,Mana-und Alaya-Vijnāna)
Anāsraava-dhātu	:Cảnh giới vô lậu hay cảnh giới thanh tịnh nhất. Sphäre der höchsten Reinheit.		Dharmamitra:Pháp tử tử kheo. Name eines Bhiksu
Anavatapta	:A nậu đạt trì,Long Vương. König des Meeres.		Dharma Svabhava:Pháp tự tánh. Dharma Selbst-Natur
Andjali	:Hiệp chưởng,hiệp trào. das zusammenfalten beider Hände zum Begrüßen.		Dhyana-Samadhi:Thiền định,thiền tam muội. Meditation zur Erreichung innerer Beruhigung.
Animitta	:Vô tướng. formlos		Digha-Nikāya:Trường a hām Die langen Lehrreden des Buddha unter der Erklärung der Empfindungen(Vedanā).
Anitya	:Vô thường. Vergänglichkeit		Ganuda :Công đức thi Bồ Tát. Name eines Bodhisattva, der seine Verdienste verwirklicht.
Bhaddiya	:1 giống họ quý phái khác của dòng họ Thích Ca(Sakya). Name eines Stammes von Sakya - Verwandtschaft.		Hiri-Ottappa:Sám hối Schamgefühl und Gewissenssue, sind 2 mit allem karmisch-heil-samen Bewußtsein verbundene Geistesfaktoren.
Bhagu	: -nt- -dito-		Jata :Sanh,có nghĩa là sự sống,những kiếp sống trong vòng luân hồi. Geburt
Bhavavastu	:Cảnh giới Sphäre,Bereiche		Karma-Samutthāna:Nghiệp thân Durch Karma entstandene Körperlichkeit.
Bodhyanca	:Giác chi Erleuchtungsglied		Kausika :Kiêu Thi Ca.Tiền thân của Phật A Di Đà.
Bodhyanca-Samādhi	:Giác ý tam muội die Erleuchtung durch innere Beruhigung		
Cāganussati	:Phép Quán lòng Quảng đại Betrachtung über die Freigebig-		

der Name vom Amida-Buddha im früheren Existenz.

Khandha : Uẩn, âm
Daseinsgruppe

Kimbala : 1 giống họ quý phái khác c² a giống họ Thích Ca(Sakya).
Name eines Stammes von Sakya -
Verwandschaft.

Kincana : Trở ngại
Hindernis, Schwierigkeit, Behinderung.

Lakṣana-Bhāga: Tương phần, phần thứ nhất của mỗi thực trong Bát thức, theo Duy thức học.
Die Objektive Phase, die erste Erkennungsphase jedes Bewußtsein-Gliedes von 8 Bewußtsein-Glieder.

Mahamudra : Đại thủ Ấn(giáo lý)
die große Ganzheitsschau.

Mahāpratibhāna: Đại Lạc - Thuyết Bồ Tát
Name eines Bodhisattva: großes-Glückseligkeit-Prediger.

Mahā-Sramana: Đại Sa Môn
großer Asket

Mahāvīkramin: Đại Lực (Bồ Tát)
großes Streben (Bodhisattva)

Mahāyānabhidharma-Sūtra: Kinh Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma.
Sūtra über dogmatischen Abhandlungen des großen Fahrzeuges.

Jñā-Darsana-Visuddhi: Thanh tịnh kiến thức
Im Erkenntnisblick bestehende Reinheit.

Ngomitoufou(chinesisch): A Di Đà Phật
Amitābhā(s), Amida-Buddha.

Nilam : Màu xanh
Blau

Nirnimitta: Vô tướng
Objektlos

Nirvid : Nhàm chán thế tục.
der Welt langweilig, überdrüssig empfinden.

Opapātika : Hoá sanh
wörtlich: "zufällig"(von upapāta, Zufall) Spontan entstanden, d.i. ohne Eltern geboren, nennt man die Himmelswesen und Höllenwesen.

Palibodha : Những chướng ngại cho việc tu hành(gồm có 10 chướng ngại).
Hindernisse
Es gibt 10 Dinge, aber nur insofern sie dem der Geistesentfaltung Hingegebenen bei seinen geistigen Übungen hinderlich

sind nämlich:
1- ein belebtes Kloster
2- Verkehr mit den Familien
3- Beschenkungen
4- Schüler
5- Klosterbau
6- Reise
7- Verwandschaft
8- Krankheit
9- Studium
10- magische Kräfte

PāmoJJa : thỏa thích
nach Herzenslust

Parāvṛtti: Chuyển
Umwandlung

Parittabha: Cảnh giới Thiên Quang Thiên
Das Gebiet der leuchtenden Ver-senkung.

Pathāvi : Thổ, đất.
Erde

Pathāvi-Dhātu: Thổ đại
die Elemente "Erde",

Pathāvi-Kāya: Thân thổ, chất rắn trong thân.
die Körperlichkeit "Erde".

Rūpa dhyana: Thiên sắc giới
Vertiefung der körperlichen Gebiete, körperlichen Vertiefungen.

Rūpa-kkhandha: Sắc ấm
Körperlichkeits-Gruppen. Es sind die vier(materiellen) Elemente und die davon abhängige Körperlichkeit.

Rūpa-dharmas: Sắc pháp
Körperlichkeits-Dharmas.

Rūpa-dhātu: Sắc giới
Materielle Sphäre, feinkörperliche Gebiete.

Samanta : Phổ (hoàn toàn)
Vollständig, Vollkommen.

Samuccaya: Huân tập
Sammlung

Sāmutkarsikī-Dharmadesānā: Giáo pháp tuyệt diệu.
edle Dharmas (Lehre).

Samvṛti : Tục (tương đối)
heißt relativ...

Samyak : Chân
recht

Tri-kāya : Tam thân của Phật(pháp thân, báo thân, ứng thân); tam tạng(Bắc tông)
Drei Körper eines Buddha; Drei -
Leiber-Lehre des Mahāyāna.

(Fortsetzung folgt)

Wegen des Schicksals von vier führenden Buddhistischen und Katholischen Geistlichen in Vietnam, die von den Behörden der Sozialistischen Republik Vietnams willkürlich festgenommen bzw. hausarrestiert wurden, führt DIE ORGANISATION ZUR WAHRUNG DER MENSCHENRECHTE IN VIETNAM VON VIETNAMESEN IM AUSLAND e.V. eine Aktion zur Unterschriftensammlung in Deutschland durch.

Die Zeitschrift VIEN GIAC veröffentlicht diesen Aufruf von O.M.V.A e.V. und bittet Sie - die deutschen Geistlichen und die deutschen Bürger - den beiliegenden Aufruf zu unterstützen.

Pressemitteilung

ORGANISATION ZUR WAHRUNG DER MENSCHENRECHTE
IN VIETNAM VON VIETNAMESEN IM AUSLAND E.V.

Postfach 3763, D-3000 Hannover 1, Tel.:02536/1781

Hannover, den 08. Juni 1983



Aufruf

AN DEN PRÄSIDENTEN DES MINISTERRATS
DER SOZIALISTISCHEN REPUBLIK VIETNAMS

Betr.: FREILASSUNG FÜR VIER FÜHRENDE KATHOLISCHE
UND BUDDHISTISCHE GEISTLICHE IN VIETNAM .

Sehr geehrter Herr Präsident des Ministerrats Pham Van Dong,

wir, die Unterzeichner, haben erfahren, daß in der letzten Zeit vier geistliche Führer der Katholischen und der Buddhistischen Kirche von den Behörden der Sozialistischen Republik Vietnams festgenommen bzw. hausarrestiert wurden. Es handelt sich um den Primas der Katholischen Kirche Vietnams, Kardinal Joseph-Marie TRINH VAN CAN, Erzbischof von Hanoi (Hausarrest Anfang 1983), den Koadjutor der Erzdiözese Ho-Chi-Minh-Stadt (früher Saigon), Erzbischof Francis Xavier NGUYEN VAN THUAN (Festnahme im November 1982) und die beiden Oberbonzen THICH HUYEN QUANG und THICH QUANG DO, den Präsidenten und Generalsekretär der nationalen Exekutive der Vereinigten Kirche der Vietnamesischen Buddhisten der weltbekannten An-Quang-Pagode (Verhaftung im Februar 1982).

Im Geiste der auf der 39. Jahrestagung angenommenen Resolution der UNO-Menschenrechtskommission gegen religiöse Intoleranz sowie des Aufrufs zur weltweiten Amnestie aller Gewissensgefangenen, der von sieben Friedensnobelpreisträgern in einer zur Zeit laufenden Aktion von amnesty international anlässlich des Tages der Menschenrechte vom 10. Dezember 1982 veröffentlicht wurde, appellieren wir dringend an Sie, die vier führenden Katholischen und Buddhistischen Geistlichen in Vietnam freizulassen und die Gewissens- und Religionsfreiheit in Vietnam strikt zu respektieren.

Wir sind der Meinung, daß die sofortige Freilassung dieser geistlichen Führer und die volle Respektierung der Gewissens- und Religionsfreiheit in Vietnam das höchste Gebot für die nationale Versöhnung des leidenden vietnamesischen Volkes und der große Beitrag für die internationale Verständigung darstellen !

Hochachtungsvoll

DIE ERSTEN UNTERZEICHNER SIND:

Dr. Franz Alt ("Report"-Moderator, ARD), Prof. Dr. Bernhard Dahm (Geschäftsführer der Deutschen Gesellschaft für Asienkunde e.V., Hamburg), Prof. Dr. Jürgen Domes (Direktor der Arbeitsstelle Politik Chinas und Ostasiens der Universität Saarbrücken), Dr. med. Reinhard Gnauck (Vorsitzender der Internationalen Gesellschaft für Menschenrechte e.V., Frankfurt), Prof. Dr. Helmut Gollwitzer (Freie Universität Berlin), Schriftsteller Günter Grass (Berlin), Kirchenpräsident D. Helmut Hild (Evangelische Kirche in Hessen und Nassau, Darmstadt), der Senator für Wirtschaft und Verkehr Elmar Pieroth (Berlin), Dr. Kurt Scharf (Altbischof von Berlin), Prof. Dr. Winfried Scharlau (Universität Münster), Dr. Peter Scholl-Latour (Journalist-ZDF), Klaus Schütz (Intendant der Deutschen Welle und ehemaliger Regierender Bürgermeister von Berlin)...

PRESSEKOMMUNIQUE DER "FRIEDENSDELEGATION DER VIETNAME-
SISCHEN BUDDHISTEN" VOM 6.3.1982 ÜBER DIE FESTNAHME VON
ZWEI BUDDHISTISCHEN FÜHRERN SÜDVIETNAMS DURCH DAS HANOIER
REGIME

Zwei wichtige Führer der "Vereinigten Kirche der Vietnamesischen Buddhisten" wurde am 25.2.1982 in Ho-Chi-Minh-Stadt verhaftet: der Oberbonze Thich Huyen Quang und der Oberbonze Thich Quang Do. Sie sind amtierender Vorsitzender der nationalen Exekutive und Generalsekretär der Vereinigten Kirche der Vietnamesischen Buddhisten (An-Quang-Pagode). Beide wurden 1977 für fast zwei Jahre wegen ihres Engagements für die Versöhnung und Menschenrechte gefangengehalten !

In den letzten Jahren ist die Vereinigte Kirche der Vietnamesischen Buddhisten als einzige Organisation, die sich wagt, gegen die Repression und die Verletzung der Menschenrechte auszusprechen. Die Bevölkerung manifestiert offenbar ihre Unzufriedenheit mit der Politik der Regierung durch ihre Massenbeteiligung bei der regelmäßigen Zusammenkunft bei Gebeten in den Pagoden. Die Regierung reagiert darauf durch ihre Arrangement der Bildung der neuen buddhistischen Kirche. Die Vereinigte Kirche der Vietnamesischen Buddhisten arbeitet dennoch weiter, und die Massenunterstützung für sie ist nicht vermindert. Die jetzige Verhaftung ihrer Führer ist ein neuer Versuch, die Unterstützung der Massen für die Vereinigte Kirche der Vietnamesischen Buddhisten einzuschüchtern.

Die Vereinigte Kirche der Vietnamesischen Buddhisten war unlängst die Hoffnungsquelle für die Menschen in Vietnam, genau wie die Solidarnose für Menschen in Polen. Die Oberbonzen Thich Huyen Quang und Thich Quang Do haben großes Ansehen bei ihren Landsleuten wie Lech Walesa bei Polen.* Wir brauchen dringend Verständnis und Unterstützung von allen Völkern in der Welt. Die Situation in Vietnam ist auch schrecklich wie in Polen mit strenger Knappheit des Nahrungsmittels, sozialer Ungerechtigkeit, Korruption und Unterdrückung. Unsere Hoffnung ist für eine offene Politik der wirklichen Versöhnung und Kooperation. Damit können die Menschen freiwillig ihre Beteiligung an den Wiederaufbau des Landes mitmachen. Wir müssen den Krieg in Kambodscha beenden und unsere jungen Männer nach Haus zu ihrer Familie und zur Arbeit des Wiederaufbaus bringen.

* Thich Huyen Quang und Thich Quang Do wurden als Kandidaten für die Friedensnobelpreise 1979. Sie wurden an Mairead Corrigan und Betty Williams verliehen.

(Aus NHAN QUYEN-Menschenrechte-Zeitschrift, Nr. 2, April 1982)

BUDDHIST LEADERS JAILED BY THE COMMUNIST AUTHORITIES IN VIETNAM



Ven. Thich HUYEN QUANG and Ven. Thich QUANG DO

Dokumentation/1983

Saigoner Erzbischof verhaftet Schon mehrfach im Konzentrationslager

Neuerlich, diesmal aber ohne Angabe von Gründen, wurde Erzbischof Francis Xavier Nguyen Van Thuan, Koadjutor mit dem Recht der Nachfolge in Ho-Chi-Minh-Stadt (dem früheren Saigon) verhaftet. Nicht einmal engere Vertraute des Bischofs konnten Auskunft über die Gründe für die Verhaftung, die – wir erst jetzt bekannt wurde – bereits Anfang November erfolgte, erhalten.

Erzbischof Thuan ist seit 1975 Koadjutor von Saigon und war bald nach seiner Ernennung unter Arrest gestellt worden. Erzbischof Thuan gilt in Regierungskreisen als Gegner der Revolution, dies vor allem, weil er in den früheren 70er Jahren ein Hilfskomitee mit internationaler Unterstützung für Kriegsoffer leitete.

Bisher brachte der 54jährige mehrere Jahre in einem Konzentrationslager zu.

VIETNAM



Kardinal unter Hausarrest

Nach zahlreichen Verhaftungen von Bischöfen und Priestern ist jetzt auch der Vorsitzende der nationalen Bischofskonferenz, Kardinal Joseph-Marie Trinh van-Can, Erzbischof von Hanoi, unter Hausarrest gestellt worden. Seine Wohnung steht unter ständiger Bewachung. Nach Informationen des Sekretariates der Deutschen Bischofskonferenz in Bonn befinden sich außerdem 130 Priester in Umerziehungslagern. Offizielle Regierungsstellen in Hanoi begründen diese Maßnahmen gegen die Kirche mit der „Notwendigkeit, die katholische Kirche zu einer positiven Haltung zum Wiederaufbau des befreiten Vietnam umzuerziehen“.

Tausende politische Gefangene

Die Gefangenenhilfsorganisation Amnesty International hat an die vietnamesische Regierung appelliert, Tausende von politischen Gefangenen entweder freizulassen oder sie vor Gericht zu stellen. Viele dieser Häftlinge seien seit dem Ende des Vietnamkrieges vor acht Jahren interniert, heißt es in dem in London veröffentlichten Appell. Das verletze das international anerkannte Recht auf ein faires Gerichtsverfahren.

Amnesty hat keine eigene Schätzung über die Zahl der politischen Häftlinge in Vietnam, verwies aber darauf, daß Außenminister Nguyen Co Thach im vergangenen Sommer von 16 000 Menschen in „Umerziehungs“-Lagern gesprochen habe. Dabei wurden Verurteilte und Angeklagte nicht mitgerechnet.

Tausende von Vietnamesen werden seit Kriegsende 1975 in den „Umerziehungs“-Lagern festgehalten, weil sie der vorhergehenden Regierung dienten. Dazu gehören Armee- und Polizeioffiziere, Beamte und frühere Politiker aller Ebenen. Einige wurden inzwischen entlassen, andere aber werden immer noch ohne Verfahren festgehalten, zum Teil in entlegenen Lagern ohne angemessene medizinische Versorgung, bei schlechter Ernährung und ohne Besuche von Familienangehörigen.

Auch nach dem Krieg wurden Schriftsteller, Künstler, Journalisten und Politiker wegen der Äußerung ihrer Überzeugungen in solche Lager eingewiesen, heißt es in dem Amnesty-Bericht. Buddhistische Mönche und katholische Geistliche seien offenbar wegen ihrer religiösen Aktivitäten eingesperrt worden. In den Gefängnissen sitzen auch Angehörige der chinesischen und der kambodschanischen Minderheiten.

Süddeutsche Zeitung 20.4.83



Ohne Grund verhaftet: Der Saigoner Erzbischof Franz Xavier Nguyen van Thuan.

Kirche und Leben
Bistum Münster, 13.3.1983

Nhớ MẸ

Đêm nay dưới ánh trăng tà
Bùi ngùi thương bạn nhớ cha lệ trào
Tha phương nhớ mẹ rạt rào!
Ngày nay cách trở bạn sầu thấu đêm
Ngày nào bên mẹ êm đêm
Mà nay thân trẻ lênh đênh giữa vơi
Nhìn trời hiu quạnh chơi vơi
Buồn thương lẫn lộn mẹ ơi mẹ à!
Giờ đây muôn dặm cách xa
Đêm đêm nhớ mẹ biết làm sao đây
Còn đâu ngày ấy vui vầy
Bên cha bên mẹ đong đầy tình thương
Chiều nay thân trẻ tha hương!
Bước chân viễn xứ buồn vương một mình!!!

Thân tặng những người con tha hương nơi
khung trời viễn xứ... và chân thành gửi
về các bà Mẹ Việt-Nam yêu mến... Anh Chị
hãy vui lên đi dù sống tha hương nhưng
chúng ta vẫn còn có mẹ. Sung sướng hân
hoan đón nhận "Một đóa hoa hồng".

* Mùa Vu Lan báo hiếu 82
THÍCH NỮ MINH LOAN

Báo hiếu

Mẹ cha sống chẳng kính nuôi!
Ma chay khi chết tế ruồi, hỡi ôi!
Vong linh nào hướng thịt xôi,
Bày khoe che mắt, đãi bôi miệng đời!
Chasinh, mẹ dưỡng ai ôi,
Công ơn sâu rộng, biển khơi nào bằng.
Xưa nay, mai hậu có chăng?
Ai đền trọn nghĩa khuyên răn sinh thành!
Làm con bất hiếu ô danh,
Sống đời chê trách, thác sanh ngục đàng!
Phật Trời xa cách ngàn phương,
Mẹ Cha gần thấy, nuôi thương kính chiều.
Tuổi già sức có bao nhiêu,
Cần tăng săn sóc kính yêu hơn thương.
Sinh thời báo hiếu thực thương,
Sau khi khuất bóng, khó đường đến òn!
Trai-đàn tùy tiện thanh đơn,
Lặng quỳ kính niệm công hơn biển trời.
Hương linh cách mặt khuất lối,
Con xin hồi phúc gieo nơi Tạng già.
Duyên lành tiền mẹ đưa cha:
Xa nơi ác-đạo, hoan ca thiên-đường.
lòng thành dù một nén hương,
Vong linh chứng giám, Thiên Vương thấu tình!

* Bangkok, 18.06.80
THẢO BÌNH

Kỷ niệm Phật Đản ở Hannover

Lễ Phật Đản tại chùa Viên-Giác
Trở ra về, lòng man mác lâng lâng
Phật cao xa, tới mấy ngàn trùng
Ngài có thấu cho lòng con dân Việt
Bỏ quê hương xa xôi cách biệt
Vạn trùng dương đâu biết được ngày về
Nghĩ đoạn trường mà lòng lại tái-tê
Đau đau xót thương cho hai con trẻ
Vì đâu mà xa cha cách mẹ
Đặt díu nhau chúng, vượt suối băng rừng
Nghĩ tới con mà mắt mẹ rưng rưng
Vinh-Hà hỡi! hai con đâu chẳng thấy
Nước thông-nhất tại sao mà bỏ chạy
Độc-Lập rồi không hương lại ra đi
Vượt biển khơi sóng gió có kẻ chi
Miễn là thoát tại sao? Kỳ thế nhi'
Xin Bồ Tát ra tay cứu vớt
Bao oan hồn vất-vướng ở biển khơi
Trong rừng sâu vực thẳm khắp nơi
Nhớ ơn Phật được siêu sinh tịnh-độ
Hai con trẻ ra đi năm đó (1976)
Con đã mang hình ảnh chúng lên chùa
Mong nhớ Thầy Đại Giác Tự chăm lo
Chùa Đại Giác ở miền Nam nước Việt
Thầy Thượng-Tọa hằng ngày tu niệm
Bồ Đề Tâm bố thí những người nghèo
Kẻ sa cơ thầy cứu giúp biết bao nhiêu
Chỉ vì vậy một năm tù mấy bận
Mặc dù vậy mà Thầy không bận
Thầy coi thường tù tội có ra chi
Mỗi một lần Lễ lớn, Quy-y
Đông Phật tử tới chùa là họ ghét
Lễ Phật Đản tại chùa Viên-Giác
Khắp mọi nơi người Việt kéo nhau về
Hàng ngàn người tĩnh tọa lắng tai nghe
Lời thuyết pháp của Thầy Như-Điền
Ngắm Viên-Giác mà thương Đại-Giác
Biết giờ này Thầy Đại-Giác ra sao?
Con thấp nhang quỳ lạy Phật trên cao
Cho Đại Giác được một phần Viên-Giác
Đại-Viên Giác cùng tên mà lại khác
Vì hai chùa hai thế giới khác nhau
Phật ngự chung cả Bốn Biên Năm Châu
Xin gia phúc cho con dân nước Việt.

Trại Tỵ nạn Norddeich, 28.05.83

* QUANG

NHỮNG NGÀY ĐI ĐĂNG KÝ

HỒ TRƯỜNG AN



Đoàn Kịch Nói Giải Phóng vào mùa thu năm 1975 đã cho ra mắt khán giả miền Nam vở kịch "Chuông Đồng Hồ Điện Kremlin" do Thế Lữ phỏng dịch và do Văn Phước đạo diễn. Khách sành điệu có vẻ thỏa mãn về cách dựng kịch, cách diễn xuất của các diễn viên trong đoàn như Phạm Trường, Văn Thành, Văn Phước, Tú Lệ... Ở đây là nỗi qui tụ của các nghệ sĩ cũ không mấy tên tuổi ở gánh Việt Kịch Năm Châu hoặc gánh Phước Chung (do nữ nghệ sĩ Hai Nữ lèo lái). Vì xuất thân từ các gánh ca kịch cải lương cũ, có uy tín ở miền Nam nên toàn thể nghệ sĩ đoàn Kịch Nói Giải Phóng diễn xuất có hồn, thuần tình chất kịch nghệ.

Những đầu gì thì đầu, dân Sài Gòn vốn chán ghét tuồng tuyên truyền ở miền Bắc, nên dù họ cười ngả nghiêng với vở kịch, nhưng họ vẫn tiếc nhớ da diết các hài kịch do các danh hề Thanh Việt, Văn Chung, Xuân Phát, Khả Năng, Thanh Hoài, Bảo Quốc, Hưởng Huyền, Hoàng Mai, Phi Toàn...

Xem xong vở "Chuông Đồng Hồ Điện Kremlin" rồi xem mấy vở kịch ở đoàn Kịch Nói Trung Ương, ai cũng kháo nhau:

- Tụi nghệ sĩ Hà Nội mà điệu cốt, chọc cười thì phải chế cái máy chọc lét họa may mới cười được.

Xem hài kịch của Cộng Sản rồi ngậm ngùi tiếc cái không khí hài kịch ở miền Nam trong thập niên 70. Ngoài các trạng hề bên thoi kịch kể trên, bên cải lương có hề Ba Vân, Kim Quang, Tư Rơm, bên điện ảnh có thêm La Thoại Tân. Kép độc Hoàng Giang nhào qua lãnh vực chọc cười cũng ra trò lắm. Các kép đẹp như Hùng Cường, Thành Đức, Thanh Sang cũng chọc cười thật ý nhị. Bên đào nhảy qua làm hề cái đã có Bạch Tuyết, Ngọc Nuôi, Kim Ngọc, Hồng Nga, Hoài Dung, Phượng Liên, Thanh Thanh Hoa, Ngọc Giàu, Kiều Mai Lý. Các hề cái bên kịch nói có Bà Năm Sa Đéc, Bà Bảy Ngọc Túy Hoa, Anh Thu, Kiều Hạnh.

Bà Năm Sa Đéc, Bà Bảy Ngọc, Bà Tường Vi, bị cấm hành nghề vì lo đóng những phim Tộc Cộng Bà Kiều Hạnh muốn đóng phim cho Cộng Sản phải đổi tên là Kiều Hưởng. Khả Năng vigiur cấp bậc Chuẩn úy trong ngành Chiến Tranh Chính Trị phải đi học tập. Tội nghiệp nhất là nam ca sĩ Văn Sơn, giới hài hước trgan AVT, đã tự tử vào ngày 1.5.75, sau khi miền Nam hoàn toàn thất thủ.

Đoàn Kịch Nói Kim Cương với thành phần

diễn viên như sau:

- Bên phe nữ: Kim Cương, Kiều Loan (tức là Kiều Phượng Loan), Ngọc Đan Thanh, Anh Tú, Túy Hoa.

- Bên Nam: Vân Hùng, Ngọc Đức, Mai Thành. Đoàn này còn tăng cường các nam ca sinh như Thanh Phong, Phượng Đại, Thái Châu cùng các nữ nghệ sĩ như Hà Thanh, Lệ Thu, Thanh Tuyền, Sơn Ca, Hoa Mi.

Qua các số báo trước, tôi đã đề cập qua tuồng tích của đoàn kịch nói Kim Cương rồi. Ở đây, chỉ xin nói về thành phần ca nhạc phụ diễn dưới quyền điều khiển của nhạc sĩ Ngọc Chánh.

Từ lâu, khán giả miền Bắc đã chán ốm, chán ngấy các giọng hát the thé của nữ ca sĩ miền Bắc, hay giọng uôm uôm vịt đực của nam ca sĩ của Xã Hội Chủ Nghĩa, nay được nghe giọng trầm ấm của Lệ Thu, giọng ngọt ngào của Hà Thanh, Hoa Mi, hay giọng truyền cảm của Thanh Tuyền, Sơn Ca báo sao họ chẳng mê. Thanh Phong, Phượng Đại, Thái Châu chẳng những hát truyền cảm lại ăn mặc đẹp trong khi các nữ ca sĩ kể trên chẳng những ăn mặc đẹp như bướm bướm mà còn hóa trang tươi thắm nữa, báo sao các anh bộ đội hoặc các anh cán bộ chẳng say đắm? Có Bà cụ Bắc báo tôi:

- Đoàn Ca Múa Trung Ương hát hồng làm sao ấy. Họ hóa trang trông đến khiếp.

Một Bà bạn miền Nam cũng báo tôi:

- Đoàn Văn Công Giải Phóng cũ cho ca sĩ, vũ công mặc áo bà ba vai ú đen, vắt khăn rằn. Họ đánh phần nổi ốc trâu ráo trôi. Phải bắt họ đi học một lớp hóa trang trước khi cho họ ra trình diễn.

Lệ Thu hát bài "Hà Nội, Niềm Tin và Hy Vọng" và bài "Tự Nguyện" gây một ảnh hưởng vang xa tận tới Hà Nội. Hoa Mi có nhiều tham vọng, muốn hát theo kiểu miền Bắc, nhưng không đủ kỹ thuật nên cô bị đả bả ở miền Nam Bắc lộ là. Tội nghiệp cho Hà Thanh đang sấu vì nổi chóng mình là sĩ quan cao cấp phải đi học tập, lại còn bị sức khỏe hao hụt, ra trước máy vi âm hát thật máy móc, những nhờ giọng hát ngọt ngào, truyền cảm sẵn có nên chính phục khán thính giả không mấy khó khăn.

Thanh Tuyền càng hát, càng tiến bộ về mặt kỹ thuật. Giọng hát đẹp và cách phục sức, hóa trang của cô đã thắp hào quang rực rỡ cho cô ngay từ hôm trình diễn đầu tiên.

Cả Sơn Ca cũng vậy, tuy Sơn Ca chỉ có giọng đẹp, mà thiếu hẳn kỹ thuật, những nhờ cách diễn tả, nhờ nhan sắc mặn mà nên cô cũng là cây đình ăn khách.

Đoàn Ca Múa Hưởng Miền Nam, mặt ngoài do đôi song ca Ngọc Cẩm, Nguyễn Hữu Thiết lèo lái. Các thành phần nòng cốt có nữ danh ca ba miền Hồng Vân, nữ ca sĩ Lan Ngọc, nam ca sĩ Thanh Vũ, Giang Tử. Trước khi mở màn trình diễn chính thức, có Á Hậu Ngọc Tuyết kiều diễm bước ra giới thiệu chương trình.

Đoàn Bông Hồng, cũng mặt ngoài do nữ hoàng điện ảnh Thẩm Thúy Hằng lèo lái. Thành phần kịch bên nữ có Thẩm Thúy Hằng, Xuân Dung, Thu Ba (do Tú Trinh đổi tên), Thanh Thủy (do Mỹ Chi đổi tên). Bên nam có Huỳnh Thanh Trà, Nguyễn Chánh Tín. Phần ca, bên nam có Hoàng Hát, Anh Khoa, bên nữ có Thy Huế, Băng Châu, Huyền Trân. Thy Huế tức là nữ ca sĩ Cathy Huế, người đã từng nổi danh với bản "Mùa Thu Chết" của Phạm Duy và các bản Nam Mỹ như "Siboney", "La Poloma", "The Breeze and I", với giọng khàn ấm đã làm cho khán giả quên mất sắc đẹp của Băng Châu. Nữ danh ca ba miền, kiêm hát chèo Huyền Trân một khi đội khăn vành dây, mặc áo nhung tím, đeo võ xuyên vào mà hát dân ca thì mấy anh cán bộ, bộ đội, cán bộ cao cấp mê mẩn rụng rời. Nếu bên Hưởng Miền Nam có Hồng Vân thì Bông Hồng đã có Huyền Trân vậy. Cấp bậc i trùng này hồi mở ma chế độ cũ đã làm mưa làm gió trên tivi qua các vở tuồng, hát chèo bất hủ. Nguyễn Chánh Tín, ca sĩ kiêm tài tử điện ảnh qua các phim "Đời Chưa Trang Điểm", "Vinh Biệt Tình Hè", "Ngàn Trĩ Xa Cách", khi gia nhập vào Bông Hồng vừa đóng kịch, vừa ca hát. Còn Huỳnh Thanh Trà, diễn viên các phim "Loan Mạt Nhung", "Trống Mái", "Mưa Trong Bình Minh", "Xin Đừng Bỏ Em" tuy có dính lụy vào ngành Chiến Tranh Chính Trị dưới chế độ cũ, nhưng sau khi chạy chọt học khóa Bồi Dưỡng Chính Trị, được cho hành nghề. Còn Hoàng Hát là con trai của Thanh Nghị, cựu Thủ Trường Thông Tin Văn Hóa Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được cho hát là cái chắc. Những phần ca hát bên nam được nổi bật là nhờ Anh Khoa, giọng hát trầm ấm được mệnh danh là giọng "trầm hưởng bách hợp".

Trước ngày Cộng Sản chưa chiếm miền Nam, đoàn Hưởng Mùa Thu của Thu An sống lây lất trong các lưu diễn ở các quận lỵ, nhất là từ cuối bán thập niên 60 tới đầu bán thập

niên 70. Tuồng tích của Hưởng Mùa Thu cao không ra cao, thấp không ra thấp, nhằm khai thác giọng hát ai oán của nữ nghệ sĩ Ngọc Hưởng, vợ cứng của ông bầu kiêm soạn giả Thu An. Những Ngọc Hưởng chỉ có thể ở ở ng tuồng hưởng xa, chứ không thể đóng tuồng xã hội. Mỗi khi Ngọc Hưởng nhào ra sân gỗ l à khóc lóc bi ai. Khán giả miền Nam vốn chán ghét loại tuồng ngang trái, éo le, thiếu nét hài hước, dí dỏm. Và lại, sau bao lần chữa đ ể vóc vác của Ngọc Hưởng càng lúc càng kém mạnh mai. Cũng đồng thời với Thanh Thanh Hoa, và vượt cả Thanh Thanh Hoa ở giọng hát vàng ròng, ngọc chuốt, những từ đầu bán thập niên 60, Ngọc Hưởng đã thua sút Thanh Thanh Hoa r ỡ rệt. Ông bầu Thu An càng lúc càng n ặng mệt mỏi và gánh Hưởng Mùa Thu ch ỗ ngày tan rã.

Công Sản bạo chiếm miền Nam. Bởi vốn là Cộ Sản năm vùng, Thu An được tuyên đ ồng công trạng, và gánh Hưởng Mùa Thu đ ược cho phép hành nghề sau đoàn Thanh Minh. Chung quanh đào Ngọc Hưởng, còn có Kiều Tiên, Bích Hạnh và kép Minh Cảnh, Minh Phụng, Phụng Thanh. Sau khi Minh Phụng và Minh Cảnh và đ ả o Kiều Tiên ly khai đ ể gia nhập gánh S ố ng Chung, ông bầu Thu An nâng Bích Hạnh lên hàng đào nhì và mọi kép ca mùi, tr ẻ đẹp là Hoài Thanh về tăng cường.

Sau đó, các đoàn Saigon I, Saigon II, Saigon III, các đoàn Hồ Quảng như Minh Tở, Huỳnh Long lần lượt chào đ ời, chia bớt khán giả của đoàn Hưởng Mùa Thu. Tuồng tích của Thu An trước đ ể nhạt nh ẽo, giở đ ầy dư d ối sự l ẻo lái, sửa m ử sửa m ẫn của các cán bộ chỉ đ ạo chính trị và nghệ thuật lại, càng khó nuốt hơn. Đó là tuồng "Con Cò Trắng", "Gánh C ỏ Sông Hàn", và một tuồng chuyên th ể "Lửa Phi Trường".

Thành phần diễn viên gánh Thanh Minh kh ế đồng đ ạo phân đ ạo kép tr ẻ đẹp b ằng g ả nh Saigon I. Giàn đ ạo bên Thanh Minh có Hà Mỹ Xuân, Ngọc Nuôi, Xuân Lan. Bên kép có Thanh Sang, Hùng Minh, Ba Xây, Bảo Quốc, Hưởng Huyền. Sau đó bà bầu Th ờ tăng cường thêm đ ả o Thanh Nguyệt, Trang Bích Liễu và kép Thanh Tú.

Ngọc Nuôi tuy đầu kh ỏi về vụ chống mình là kép Việt Hùng cùng mấy đ ứa con lớn đ ồng qua đ ạo Guam, tốc bạc nhanh chóng, nh ững tài nghệ của chị càng lúc càng kh ỏi sắc thêm. Bích Sơn già héo h ắt, không còn là một ki ểu

nữ năm nào, không th ể thủ vai Trưng N h i trong tuồng "Tiếng Trống Mê Linh", p h ả i nhường cho Hà Mỹ Xuân, t ụt xuống vai đ ào phu. Hàng đ ào nhì tr ẻ đẹp ngoài Hà Mỹ Xuân đ ể có Xuân Lan và Kim Hưởng. Ai cũng tưởng Kim Hưởng là em ruột Thanh Nga vì cả hai giống nhau như từ một khuôn đ úc. Sau n ầy y khi Thanh Nga ch ết vì bị ám sát, Kim Hưởng nh ảy lên thay th ể Thanh Nga đ ể thủ nh ững vai chánh.

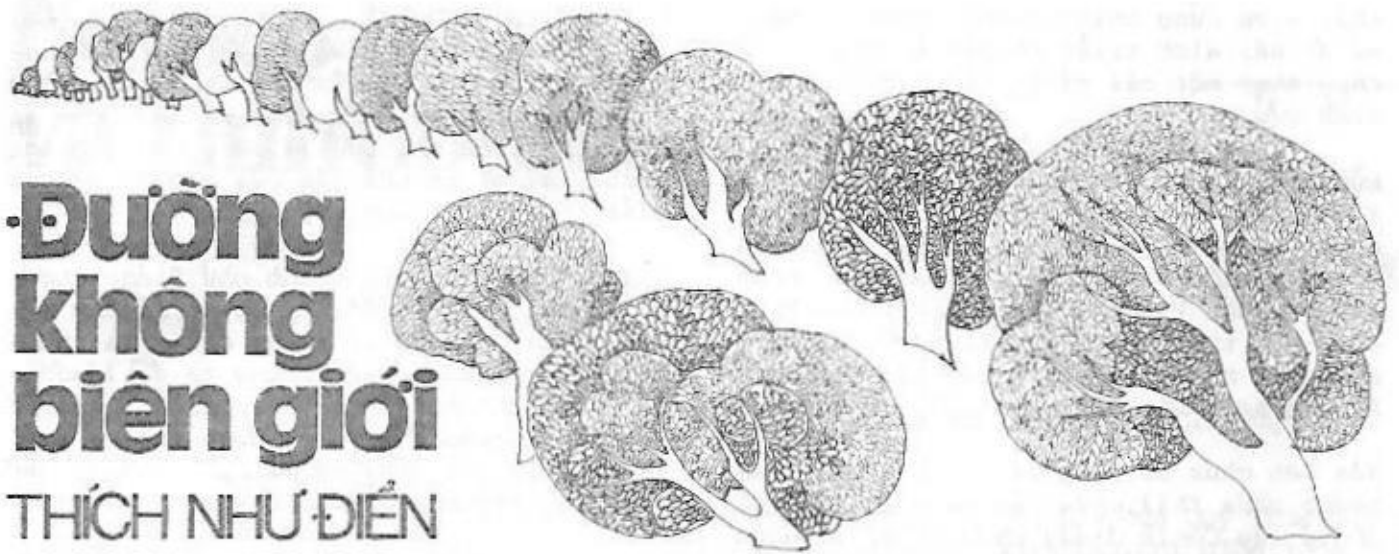
Hùng Minh, Huy Chương Vàng giải Thanh Tâm năm 1959 đ ể mất phong đ ộ tr ẻ đẹp từ lâu, trong khi đ ể kép Thanh Sang, Thanh Tú c ố th ể đ ắm nhân nh ững vai "gỗ gh ề" khó diễn. Hưởng Huyền và Bảo Quốc ngoài nét x i n h trai, còn có tài trào l ộng. Tuy nhiên tuồng tích dư ối Xã Hội Chủ Nghĩa luôn l u ồ n nghiêm chỉnh nên tài nghệ của họ ít có c ớ hội đ ể thi th ố. Những nghệ sĩ nh ieu k i nh nghiêm của Thanh Minh phải k ể thêm Hoàng Giang, Ba Xây và Kim Giác. Họ đ ể qua t h đ ể tr ẻ đẹp, tài nghệ của họ có ch ỗ đ ể đứng r ỡ rệt và họ có th ể diễn đ ể mọi vai.

Tuồng ở gánh Thanh Minh ngoài "Tiếng Trống Mê Linh", còn có các tuồng "Bên Cầu Đ ết Lúa", "Bài Thơ Trên Cánh Diều" chỉ mũi d ùi vào chế đ ộ phong kiến và đ ể cao các cuộc đ ấu tranh giai cấp. Duy có tuồng cũ đ ược khán giả ái mộ là tuồng "Hoa Mộc Lan" của Viên Châu và Ngọc Huyền Lan, nh ững tuồng đ ể bị cắt nh ững ch ỗ hài hước dí d ỏm nên c ả p Hoàng Giang và Kim Giác không có ch ỗ đ ể thi th ố tài trào l ộng của mình.

Thanh Nga càng lúc càng kh ỏi sắc, diễn nh ể vai hào hùng tuyệt với không kém nh ững vai bi th ường. Dù trong đ ạo hát, bon cán bộ vẫn nghệ Công Sản sửa m ử sửa m ẫn tự nhà soạn tuồng, t ối nhà đ ạo diễn, t ối diễn viên, nh ững vốn có căn bản kiến thức về kịch nghệ, n ặng toàn th ể đ ạo kép của Thanh Minh đ ể đ i ền xuất th ật kh ỏi h ừng.

Khán giả miền Bắc một khi vào Nam xem cải l ướng rồi thì không còn gọi đ ạo "Cải L ướng Nam Bộ" ra cóc rác gì nữa. Người Bắc, v ố n không có truyền th ống hát cải l ướng. Những tay cải l ướng kỳ cựu miền Bắc như Ái Liên Lệ Thanh, Kim Xuân, Ảnh Đ ệ, Tuấn Sửu, M ộ n g Dân đ ể già rồi. Lớp tr ẻ tấn lên ch ằng c ố là bao.

(còn nữa)



Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(kỳ 11)

Nơi chánh điện chùa Viên Giác tôi thấy một vị Linh Mục người Đức lay Phật một cách thành kính - mình ông hơi cúi xuống thấp, rồi 2 tay, 2 chân và đầu ông đập xuống dưới chân của Đức Phật - rồi ông lâm râm khấn nguyện... Nhìn hình ảnh đó, lòng tôi tự nhiên chùng xuống và kính nể vị Linh Mục này một cách vô cùng tận. Đức Phật ngự trên tòa sen có lẽ đã thấu hiểu căn cơ của những người gần với giáo lý của Ngài và sẽ giúp đỡ họ giác ngộ được chân lý nhiệm mầu giải thoát như bao sanh chúng khác.

Nhìn ngược lại nơi chúng ta - có những người xưng là Phật tử - có đi chùa, nhưng hầu như chưa bao giờ lay Phật và không biết lay Phật như thế nào nữa. Có lẽ họ không biết thực sự - sợ lay sai sẽ có người chê cười; nhưng cũng có thể vì tánh kiêu căng tật đố tự cao, ngã mạn, nghĩ mình là ông này bà nọ nên chưa chịu đánh lễ đấng Thế Tôn. Nhớ hồi ai đó hãy xem gương của vua A Dục ở Ấn Độ, Thánh Đức Thái Tử ở Nhật, hay vua Lý Thái Tổ ở Việt Nam để học hỏi những hạnh lành - có ai giàu có, địa vị, quyền uy hơn những bậc phụ mẫu trong thiên hạ - những họ đã chịu nhịn những phép Phật - quy y theo Tam Bảo Giang hồ ngang dọc như Nguyên Công Trứ hay Nguyên Trãi rồi cuối cùng cũng đầu Phật quy y. Hung hăng như chàng Vô Nảo và độc ác như Đế Bà Đạt Đa hay A Xà Thế rồi cũng phải chịu khuất phục dưới giáo lý vô ngã của Đức Phật - nên những người Phật tử cần phải noi gương những bậc tiền bối kia - hay thumình nhỏ lại trong cái ngã của mình để học hỏi những hạnh lành. Lay Phật - đối với người

trí thức không phải van xin Ngài để cho mình một điều gì, mà lay Phật để cho lòng tự cao, ngã mạn của mình được đè xuống, nguyên học theo gương sáng của đời Ngài. Lay Phật là lay cho chính mình - không phải lay cho đối tượng được lay. Vì thế - là người Phật tử cần phải hạ mình xuống nhiều hơn nữa, để chúng ta học hỏi được phép Phật nhiệm mầu.

Ngày nay tại Đức nói riêng hay tại Âu Châu nói chung có rất nhiều nhà thờ mở cửa Thiên cho công chúng và cũng có rất nhiều Linh Mục theo tu thiền trong các chùa Nhật Bản và cũng có rất nhiều Đại Học Thiên Chúa Giáo và các Đại Học công, tư lập khác đều có mở những phân khoa Phật Học. Điều đó chứng tỏ rằng giáo lý Đức Phật đang được xiển dương ở các quốc độ này. Và mới đây tại Hòa Lan tôi gặp một vị Linh Mục người bản xứ - Ông ta nói về Tứ Diệu Đế - về Bát Chánh Đạo một cách khá rành mạch và hợp với khế lý cũng như khế cơ của Đạo Phật. Tôi ngồi đối diện với vị Linh Mục này, đôi lúc lại tưởng rằng mình đang nói chuyện với một khách Tăng hay là một người Phật tử thuần thành đối với Đạo.

Ngày xưa không biết Nguyễn Đình Chiểu hay Nguyễn Cư Trinh ảnh hưởng của Đạo Nho như thế nào mà viết nhiều bài chế bai Đạo Phật - như trong truyện Sãi Vai và một vài tác phẩm khác của Nguyễn Đình Chiểu. Nếu ngày nay những người này còn sống - nên mời họ sang Âu Châu để xem thế thái nhân tình.

Niềm vui hiện lên trong tôi và nỗi buồn cố len lỏi nơi tâm hồn mình, khi nghĩ đến những người khác Đạo tìm hiểu giáo lý của Đức

Phật - và cũng chính những người Á Đông mà đi bài xích triết thuyết Á Đông để chạy theo một cái gì ít có trường tồn vĩnh cửu.

Đến Hòa Lan để xem hoa Tulip nở vào mùa Xuân khi tiết trời ấm áp, hay vào Thu khi những bông cúc, bông hồng đã bắt đầu nở rộ, cũng không bằng đến đây vào mùa Phật Đản hay Hội Vu Lan để xem người con Phật khắp nơi trên mọi miền đất nước hân hoan đón chào ngày xuất trần của bậc Đại Giác Ngộ và ngày báo hiếu cho song đường.

Hòa Lan chưa có Thầy và có chùa Việt Nam những chùa Thái, chùa Tàu và chùa Nhật đã có từ lâu. Có lẽ ở đây chưa có vị Thầy nào hướng dẫn? - Nói như thế cũng chưa đúng, vì có rất nhiều nơi trên thế giới không có Thầy mà Phật giáo vẫn phát triển một cách vững vàng. Như vậy ở Hòa Lan người Phật tử không nhiệt tâm với Đạo hay sao? Điều đó hoàn toàn sai. Vì có ai đó đến Hòa Lan mới thấy được rằng tại Hòa Lan đa số là Phật tử, mà Phật tử thuần thành cũng không phải là ít - những có lẽ vì ở đây duyên chưa đến nên Phật tử vẫn còn ở chỗ chờ, nên chưa thành lập Hội và Chùa đầy đủ. Những hy vọng từ đây Hòa Lan sẽ phát triển khả quan hơn các nước khác. Vì Hòa Lan sanh sau, để muộn hơn các nước khác tại Âu Châu những sẽ trở thành sớm; vì tại Hòa Lan có nhiều đủ tiện thuận tiện hơn.

Xứ Hòa Lan vui vào Xuân và buồn vào Thu - như bao nhiêu xứ Bắc Âu khác - vì khí hậu và phong thổ. Đến đây để thấy đất nước này được nằm dưới mặt biển - để thấy rõ ràng lòng mình tê tái khi gió thu sang. Cảnh vào thu tại Hòa Lan đã buồn mà càng buồn hơn nữa khi tiếng gió đưa lạnh lẽo, khi bầu trời vào thu âu sầu âm đạm.

Vốn biết rằng cuộc đời là vô thường, nhận sinh là giả hợp, vũ trụ vạn hữu bị biến chuyển không ngừng, những mây ai hiểu được lòng mình khi gió thu sang, hay hình ảnh mùa Xuân lại chợt đến. Có vị Thiên sư bảo rằng:

"Sống ngày nay chỉ biết ngày nay

Còn Xuân Thu trước ai hay làm gì?"

Đúng như thế - chúng ta chỉ nên sống cho hiện tại và sống trong hiện tại thật đầy đủ ý nghĩa của nó - đừng mở tưởng quá khứ và đừng nhân cách hóa tưởng lai. Vì hiện

tại đẹp, tức tưởng lai sẽ tốt. Nếu hiện tại xấu, tức biết rằng quá khứ đã quá bề bàng, chúng ta sống cho hiện tại không có nghĩa là buông xả theo thời gian và dục vọng mà sống cho hiện tại tức là sống cho chính mình - sống cho nội tâm của mình - để được giải thoát một cách siêu việt.

Ngày tháng trôi qua nhanh như "bóng ngựa con chạy qua cửa sổ". Mỗi đó mà đã tám năm trôi xa xứ - Có ai trong chúng ta từng nghĩ rằng trong tám năm ấy chúng ta đã làm được gì - cho chính ta - cho gia đình - cho bè bạn - cho cuộc đời - cho đoàn thể? - Có lẽ câu trả lời cũng có mà cũng không như triết lý Bát Nhã chân như - Vì :

"Có thì có tự may may
Không thì cả thế gian này cũng không
Cho hay bóng nguyệt giòng sông
Nào ai hay biết có không là gì?"

Những ít ra chúng ta cũng tự biết rằng nội tâm của chúng ta đang biến đổi bởi hoàn cảnh và không gian. Có nhiều người thay đổi cả cuộc sống, thay đổi trong mọi lãnh vực giao tế hàng ngày - những như thế tốt hay xấu, được hay còn, chẳng ai hiểu được. Vì giòng đời luôn biến đổi và thế sự quá thay đổi. Những mong rằng những người Phật tử nên luôn luôn tâm niệm rằng:

"Hử không dù có chuyên đi
Nguyên con muốn kiếp chẳng hề lung lay
Nguyên câu vạn pháp xưa nay
Hoàn thành trí nghiệp đến nơi Bồ Đề".

Tập hồi ký "ĐƯỜNG KHÔNG BIÊN GIỚI" viết về Âu Châu đến kỳ này chấm dứt và kỳ tới chúng tôi cũng sẽ tiếp tục tựa đề này nhẽ sẽ giới thiệu về Nhật Bản - trên mọi bình diện từ Tôn Giáo, Văn Hóa, Phong Tục, Táp Quán v.v... để chúng ta có một cái nhìn khá chính xác về một dân tộc - mà dân tộc đó đã và đang phát triển về mọi mặt.

(còn nữa)



Nghiệp báo và Tịnh độ pháp môn

NGUYỄN VIỆT QUANG

Kính tặng anh chị Nguyễn Hào Nghĩa

(tiếp, theo)

2) VAI TRÒ CHUNG TỬ VÀ VAI TRÒ CỦA TÀNG THỨC

Giải thích nhân quả, nghiệp báo, chúng ta lại bắt đầu vào cõi kỳ diệu của Duy Thức Học rồi. Người Phật-tử thuộc hạng bình dân chất phác, với tâm-hồn đơn giản, chỉ giốc lòng tin nghiệp báo qua cuốn "Tứ Bi Đạo Tràng Sám Pháp" và "Kinh Hiền Ngụ", không cần tham khảo tới văn-đề chi lý, phiên toái làm gì. Đó là những tâm-hồn thanh khiết như hòn ngọc khê tỳ vết, giữ một niềm tin những gì Phật và các chư Tổ dạy, không cần tìm hiểu những gì ai thích có thuận lý và hợp lý không? Đức-tin đó dù sao cũng giúp họ làm lành, lánh dữ, tu tập thiện để lên cõi trời, hoặc tu Tịnh độ để được vắng sinh, hầu lánh xa ác đạo.

Nhưng càng đi sâu vào cõi Duy Thức Học, vấn đề nghiệp báo trở nên huyền-nhiệm và lý-thú hơn. Trong cuốn "Tâm Kinh", ở phần "Tu và Tâm", Thượng-Tọa Thích-Thiện-Hoa có đề cập đến nghiệp báo và tạng thức. Vậy ở bài này chúng ta có thể đề cập những nét khái quát và đặc thù những cái thuộc về Tâm.

Mỗi chúng sinh có tám thức: năm thức đầu thuộc về cảm giác: thấy (nhãn thức), nghe (nhĩ thức), ngửi (tỷ thức), nếm (thiệt thức), tiếp xúc lạnh, nóng, mềm, cứng (thân thức). Năm thức này do những vật bên ngoài chúng sinh như hình ảnh (sắc trần), âm thanh (thính trần), mùi thơm hoặc hôi (hương trần), vị ngọt, mặn, chua, cay (vị trần), hình yóc mềm, cứng, nóng, lạnh (xúc trần), dội vào mắt (nhãn căn), tai (nhĩ căn), mũi (tỷ căn), lưỡi (thiệt căn), thân thể (thân căn) mà gây nên năm ý thức đó.

Nhưng nếu mắt ta nhắm, tai ta bịt, mũi không tiếp xúc mùi hương, lưỡi không tiếp xúc với vị ngọt, thân-thể không tiếp xúc với va chạm; nói tóm lại năm căn thuộc về cảm giác không tiếp xúc với trần cảnh, nhưng ta có thể nhớ màu sắc một cảnh đẹp, hoặc không tưởng âm thanh du dương một bản nhạc, khao khát mùi thơm của hoa trái, vị ngon ngọt của bánh vãi thức ăn, cảm giác êm ái của sự va chạm trên thân xác... Cái nhớ, cái hồi tưởng, cái hoài niệm, chiêu niệm những sự việc đã qua hoặc cái suy tính những điều sắp tới, đó là cái biết thuộc về "Ý thức", tức là ý thức thứ sáu (độc lục thức). Công dụng của ý thức này lợi hại vô cùng. Nếu nó suy nghĩ, tính toán những việc hay, tốt thì thân chúng ta sẽ làm điều lành, miệng nói lời phải, đưa người khác vào chánh đạo. Nhà Tu sĩ niệm Phật, quán tưởng, tham thiền nhập định, biến đổi ý thức thứ sáu này thành "Diệu Quan Sát Trí", và chúng được quả vô lậu.

Khi ta ngủ, hoặc lúc ngất đi hay bị chợp thuốc mê, lúc ấy ý thức bị gián đoạn, chủ thể không còn suy nghĩ, tính toán gì nữa. Khi tỉnh dậy thì dường sự lại tiếp tục tính toán, suy nghĩ, phân biệt. Đó là lúc ý thức trở về. Vậy trong lúc ý thức bị gián đoạn, nó phải nương về một nơi nào để khi chủ thể tỉnh dậy, nó được tái lập trở lại? Chỗ ấy, theo Duy-Thức-Học, đó là "Ý Căn", tiếng Phạn gọi là "Mạt Na Thức". "Mạt Na Thức" thường chấp Ta khác với Ý Căn. Người, lúc nào cũng bảo thủ cái ngã. Bởi đó, khi ta đi, đứng, nằm, ngồi nên không rời cái Ta... Khi có ai đánh, hoặc gặp cây ngã, ta né tránh. Người Tây-phương gọi đó là "bản năng tự vệ"; còn nhà Duy-Thức-Học cho rằng đó là thức bảo thủ lấy ta.

Thức thứ bảy còn có công năng đem tất cả các pháp hiện hành huân chứa vào cái kho vô tận tên là "Tàng Thức", và từ "Tàng Thức" các chủng tử lại được đưa ra, hiện hành. Nếu

không có Tầng-Thức thì chúng ta không có ký-ức, mọi việc xảy ra, ta đều quên tuốt. Nếu ở
đưa vào Tầng-Thức các pháp hiện hành, nên thức thứ bảy còn có tên "Truyền Tông Thức"
(truyền vào và tổng ra). Đến khi ta đắc quả vô lậu "Truyền Tông Thức" đổi thành "Bình
Đẳng Tâm Trí". "Tầng Thức" tức là cái thức chứa các pháp hiện hành và chúng tử các pháp
nên gọi là "A Lại Gia Thức". Khi chúng quả vô lậu thì thức thứ 8 này trở thành "Bạch
Tịnh Thức" hay "Đại Viên Cảnh Trí".

Người Tây phương, nhất là các nhà phân-tâm-học cho rằng ngoài ý thức, chúng ta còn có
Tiềm Thức. Mọi việc xảy ra, đổ vào ý thức, có khi in sâu vào ký ức ta, có khi tưởng đâu
rời khỏi ký ức, nhưng thật ra nó sống trong trạng thái tiềm ẩn (tiềm sinh), hệ có cơ-hội
thuận tiện là nó sẽ chiếu sáng ký ức và chúng ta có thể nhớ lại nó.

Bút giả đã từng nghe một anh bạn thân kể chuyện. Anh đi chuyến xe đò Sài Gòn-Vĩnh-Long,
những tối gần cầu Long-An xe bị lật. Anh bị bẻ xương chậu, giập bong đai. Tối lúc xe cứu
thường tới chỗ anh về nhà thương đờn bắt thì anh hôn mê, nếu không cứu cấp sang máu thì
chúng một giờ sau anh sẽ chết. Trong lúc ở nơi giới tuyến giữa cuộc sống và cái chết,
bỗng nhiên tất cả một đoạn đời quá khứ diễn ra trước mắt anh, như một cuộn phim quay
nhanh, những sự việc và hình ảnh rất rõ ràng. Những sự việc ác mà anh quên từ lâu bỗng
dùng diễn ra trước mắt anh, như hồn oan, như ác nghiệp đến đòi phải trả quả. Bởi đó, từ
con người tham lam, bòn xén, lường gạt, những nhớ trải qua cuộc hồi ức mâu nhiệm kia, anh
trở thành con người chân thật, rộng rãi, bao dung và thích bố thí, tu hành.

Về vai trò của chúng tử và vai trò của A-Lai-Gia-Thức, nếu các bạn muốn tìm hiểu cặn kẽ
và phong phú hơn, xin xem cuốn "Văn Đế Nhận Thức Trong Duy-Thức-Học" của Thượng - Tọa a
Nhất-Hạnh.

Một sự vật ở bên ngoài chúng sinh gọi là pháp, hoặc có thể gọi là pháp trần, bao hàm
những gì thuộc về trần cảnh như cảm giác, ý tưởng, ảnh tượng, hoạt cảnh, những tử - tướng
trụu tượng, lúc đầu tác dụng vào các thức nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân và nhất lạc vào ý thức
rồi được Mat-Na-Thức truyền vào cái kho A-Lai-Gia-Thức dưới hình thái những chúng tử.
Những chúng tử này trong cõi đệ bát thức A-Lai-Gia không bao giờ tự nó mất đi. Nó có
thể sống yếu ớt ở trạng thái tiềm sinh, hoặc bị một chúng tử đối lập mạnh hơn chuyên
hóa và tiêu diệt, và tôi xin lập lại là không bao giờ một chúng tử tự nó tiêu diệt
chính nó. Chúng huân tập vào đệ bát thức, có thể huân trưởng để trở thành mạnh hơn. Chúng
ta niệm Phật, đọc kinh tức là đã huân tập một số chúng tử lành vào đệ bát thức, và nếu
ta cứ tiếp tục trì danh Phật, tiếp tục trì tụng kinh, chẳng những ta thêm một số chúng
tử lành mới, mà còn làm huân trưởng thêm chúng tử cũ, làm cho chúng tử cũ lớn mạnh thêm
ra. Cũng vậy, khi ta tham, sân, si, sát hại thì ta đưa vào đệ bát thức A-Lai-Gia một số
chúng tử ác, và nếu ta cứ tiếp-tục tham, sân, si và sát hại thì ta chẳng những huân tập
thêm một số chúng tử ác mới mà còn huân trưởng số chúng tử ác cũ. Nhưng nếu ta đối tham
sân, si, sát hại bằng giới, định, huệ, bố thí, giúp đỡ cứu mạng kẻ khác ta sẽ huân tập một
số chúng tử lành đối lập với chúng tử tham, sân, si, sát hại, đồng thời ta còn làm yếu dần
chúng tử tham, sân, si, sát hại, và tới một mức độ nào đó, những chúng tử ác kia bị trung
hòa (neutralisé) và rồi chuyên hóa dần dần thành chúng tử tốt. Nói gọn hơn, tu hành hay
chuyên nghiệp tức là đối trị những chúng-tử ác trong A-Lai-Gia Thức bằng những chúng
tử lành đối-lập.

(còn tiếp)



Bông Hồng cho một Người

□ TỪ SIKIW 1983

Như một loài chim xa rừng trong cơn giông bão, như những cánh bèo tan tác giữa cơn mưa. Còn hồn thể nữa đối với những người Việt Nam mất nước sau tháng 4 - 1975. Nhục hình, tù đầy, đói khổ, chết chóc; - Và khi trốn chạy phải đối diện với tử thần trên biển cả; phải nhắm mắt cho loài Quý tà dục găm nhâm cá thể xác lẫn tâm hồn - và chúng tôi đã thoát. Xin cảm ơn Thượng Đế, cảm ơn hồn thiêng sông núi đã cho chúng tôi được sống và chờ đợi một ngày về.

Và ở đây, nơi trại tù đất Thái, với thời tiết khắc nghiệt, với vòng rào kẽm gai chặt chẽ. Thân phận những người tỵ nạn Việt Nam, một lần nữa phải gồng gánh trên đôi vai gầy guộc của mình những đắng cay mới. Chúng tôi thăm thía với bài thơ của một người đã viết:

- Một bước đi một dặm xa Tổ quốc
Gần thêm người nhưng còn quá xa xôi
Trên đất Thái thêm Tử Do lĩnh gác
Ta bỏ vỏ dù ở chôn đồng người
- Mùa nắng cháy mỡ hôi không kịp đỡ
Giọt mưa rào lạnh hơn cả mùa đông
Da nứt nở cháy vàng cơn nóng sốt
Rét run người tóc trở bạc màu bông
- Miếng cơm cho ăn chan bằng nước mắt
Mười mần thêm lòng những kẻ xa quê
Áo, mùa Đông ta đắp thay mền rách
Nước đục bùn tanh uống đỡ cơn mê

Đó là hình ảnh những người Việt Nam chúng tôi trên đất Thái. Ngày ăn không đủ no, đêm không yên giấc ngủ. Chúng tôi mong đợi nhất, và hạnh phúc nhất là những lúc "ngồi nghe hy vọng

Trong trại có mấy chiếc loa phóng thanh, dành kêu gọi và nhắn tin cho các trại viên. Mọi sinh hoạt ở đây đều được điều khiển bởi những chiếc loa trên. Nhưng mọi người ở đây chỉ tập trung và xử dụng thính giác tối đa là lúc nghe tin: phát thư, phát tiền của Cha Joe, Cha Namvong, của nhà Chùa (nói là của nhà Chùa, nhưng thực ra đây là số tiền của một người phụ nữ Việt Nam tên B.T. HỒNG từ Genève gửi cho. Bà Hồng có một người học trò ở đây là anh T.K. THANH, Bà nhờ anh làm đại diện phân phát số tiền cứu trợ. Anh Thanh làm việc tại Chùa SIKIW, nên anh nhớ nơi này tập trung đồng bào tỵ nạn có hoàn cảnh bị đất để phải ăn phôi).

Tiếng loa phóng thanh trong những nghĩa vụ này, nghe thật du ai, tha thiết, dịu dàng. Thần kinh mọi người căng thẳng, thính quan mở rộng đợi cho tên mình bắt chọt được gọi đến. Đối những người Việt Nam tôi, một đời đọa đày, một đời tang tóc, mà nay chỉ còn biết đợi chờ, chờ đợi một món tiền nhỏ nhen cứu trợ trong âu lo khẩn thiết nhọc nhàn. Có nhìn thấy đồng bào tôi ở đây, trong lúc này, khi không được nghe tên mình trên loa gọi cứu trợ, mới thấy họ đáng thương, đáng được ngậm ngùi thông cảm. Dâng họ bằng hoàng thiếu não, nỗi thất vọng nặng nghìn cân như cô tử thuở nào chụm phủ lên những con người kiệt sức này một cách phù phàng hồ hững. Có cảm thông được nỗi khôn khó này, người ta mới thấy đồng tiền

cầu trợ của những người ân gởi đến có giá trị như những giọt sương trời rất lên những cành hoa khô héo. Tiếc thay hoa héo thì nhiều mà sương trời thì quá ít. Tư suy tư nầy chúng tôi muốn nhắc đến tên của Cha Joe, Cha Namvong như là những sự giết của tình thơ. Họ là hình ảnh bàn tay nâng không lồ và hữu hiệu nhất của những kẻ khôn cùng ở t r ai này. Tên họ đồng nghĩa với chén cơm manh áo, giọt nước ghen ngào. Những vị ân nhân này, không phải là người Việt Nam và được biết đến rất nhiều ở hải ngoại.

Với tâm hồn của một người Việt Nam, còn chút lương tri dân tộc, biết thương yêu, b i ế t giận hờn, oán trách, và biết tri ân, - Chúng tôi cũng xin được nhắc đến một người - Nhắc không hồ thẹn, bằng một tâm hồn trong sáng - Người đó không có mặt tại trại này, nhưng hình ảnh Bà là một bếp lửa, một vườn rau - ấm cúng và no vị quê hương: Bà Bùi Tuyết Hồng

Tôi không biết bà, nhưng có nhiều người bạn là học trò Bà ở lứa tuổi tôi trong những năm từ 1959-1964, khi Bà dạy tại trường Pêtrus Ký - và sau này Bà đã bôn ba hải ngoại.

Là một người mới đến trại, tôi chưa có nhận được ân huệ nào của Bà. Nhưng việc làm của Bà đối với những người ở đây gây cho tôi xúc động khi viết bài này. Có một lần tôi bắt gặp tình cờ trong quyển vở cũ nhàu nát dùng làm gối của một trại viên, những dòng chữ của một lá thư: "Chị không bao giờ quên được các em, các em dính liền với quê hương, quê hương mà ở đó, chị đã sống trọn tuổi thơ đã được ôm ấp, gởi trọn trong tiếng vọng đ ứ a của mẹ miền Tây với những dòng phù sa, ruộng đồng bát ngát cánh lúa. Hình ảnh các Em là một phần đời của chị, ngày hai buổi đến trường tung tăng như bướm. Nhưng bất hạnh thay, các em đã không có được những thơ mộng này, tuổi hồng các em đã bị cướp mất. Búa l i ềm Công Sản đã cắt gọn những mái tóc xanh, chà nát hạnh phúc nhỏ nhen của người dân nhược tiểu, các em phải chọn con đường ra đi. Dù biết rằng, đi là mất tất cả, là chấp nhận đổi diện với sự sống chỉ mình. Biển cả và Hải tặc đã tiếp tay với kẻ thù giàng xuống thân phận các em những đòn hằn ắc liệt thấm khốc, kinh hoàng. Rồi trên đất liền, các em phải chống trả với đói khát, giá lạnh, tải nhục đủ điều. Chị thấy có bồn phận tâm tình với các em những điều này. Chị thấy có bồn phận phải giúp đỡ các em bằng cách này hay cách khác. Chị đã làm và đang tiếp tục làm. Hy vọng các em phối pha được những thảm thương dù một phần rất nhỏ... Trong đời mắt chị luôn luôn có hình ảnh bí thảm của những người Việt Nam tự nạn, dù nhìn xa hay nhìn gần. Chị cảm thấy đó là niềm đau xót của chính mình. Cho nên đã từ lâu chị cố gắng trong khả năng có của mình để xoa dịu vết thương đau x ó t này...".

Kèm theo những lời an ủi trên, Bà còn thường xuyên gởi những khoản tiền cứu trợ đ ế n đồng bào tự nạn chúng tôi. Bà làm công việc này âm thầm và khiêm nhường. Nhưng tấm lòng tốt ấy đã không cho phép chúng tôi im lặng, vì ở đây, im lặng là đồng nghĩa với sự vô ăn

Chúng tôi cũng tình cờ đọc được một số báo cũ năm 1981. Ở đây, có lần Bà Hồng đã đứng ra tranh đấu và can thiệp cho 19 thuyền nhân Việt Nam bị chính quyền Thái Lan kết t ộ i cướp tàu Thái. 19 thuyền nhân này nếu không được một người Việt Nam như Bà Hồng, nặng tình Quê hương và Dân tộc, can đảm đứng ra tranh đấu cho lẽ phải và cho những đồng bào ruột thịt của Bà, thì, có thể 19 thuyền nhân này không được xử trắng án, mà kết quả ngược lại vô cùng khốc liệt. Ngoài ra trong những em bé Việt Nam bị hải tặc hãm hiếp, Bà đã can thiệp với chính quyền Thái cho các em được đi định cư sớm hơn pháp định Thái Lan, vẫn coi những người Việt-Nam tự nạn là những kẻ nhập cảnh bất hợp pháp vào đất Thái .

Gần đây trong ngày Phật Đản lần thứ 2527, chúng tôi có dịp đến chùa Sıkáo. Ngôi chùa nằm trong trại tù, chúng tôi lại thấy danh sách những vị ân nhân cúng dường tam bảo, có tên Ông Bà đứng hàng đầu... Bà không có mặt tại trại này, nhưng tâm tình dân tộc của Bà vẫn thường xuyên bằng bạc đến với chúng tôi.

Viết về một người. Nhất là viết tốt về con người đó. Đối với chúng tôi là một điều rất khó. Bởi vì chung quanh chúng tôi, và xa hơn nữa, thường có những đôi mắt phân xét v ớ i

Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thủy

(tiếp theo)

Sáng hôm sau Thi đang ngồi ăn bánh mì bên cạnh hồ sen, thì từ xa có một em bé tóc xỏa ngang vai với đôi mắt tròn xoe đến cạnh Thi và hỏi: "Chị ơi! Có phải chị tên Đoàn M a i Diễm Thi không?". Thi rất ngạc nhiên nhìn Bé và nói: "Đúng rồi! Tại sao Bé biết tên Thi?". Bé đáp trong ngập ngừng lần sộ sệt "Thì... Bé hỏi các bạn trong đội Thi đó. Mà... Thi có cho Bé làm quen không?". Thi gật đầu. Bé mỉm cười sung sướng và nói tiếp: "Bé xingizi thiệu với Thi Bé tên là Hoàng Thị Thanh Thảo; và Bé là oanh vũ trong cô nhi viện này". Thi hỏi lại: "Bộ Thanh Thảo ở cô nhi viện hồ?". Thanh Thảo gật đầu và nói tiếp: "Vâng, Thảo ở đây". Giọng Thảo nhỏ nhẹ trả lời, gương mặt ngày thờ đôi mắt đen lay láy, trông thật dễ thương! Nhìn Thảo một lúc Thi chợt nhớ lại ngày đầu tiên mới tới đây sinh hoạt có một cô Bé tóc dài nhìn Thi trần trời. Gương mặt quen lắm, thôi phải rồi chắc là Thanh Thảo chứ không ai xa lạ. Thanh Thảo thấy sắc mặt đêm chiều của Thi dường như Thảo hiểu tâm trạng Thi bấy giờ. Thảo nói tiếp: "Năm nay Thanh Thảo vừa mới hai tuổi, còn ít hôm nữa đến sinh nhật của Thảo, ba sẽ đến đây thăm Thảo..."

Nghe Thảo nói lung chừng làm cho Thi thêm thắc mắc, vốn tính tò mò sẵn có Thi nhìn Thảo và hỏi: "Tại sao Thảo không ở nhà với ba mẹ mà Thảo vào đây?". Thảo nhìn Thi và đáp: "Đôi Thảo có nhiều uẩn khúc lắm, cho nên vì vậy Thảo vào đây ở. Dùng một lát Thảo hỏi: "Diễm Thi có rảnh không? Thảo sẽ kể chuyện gia đình Thảo cho Thi nghe nhé. Vốn bản tính hay tò mò nên Thi gật đầu ngay không suy nghĩ. Thảo đứng dậy nắm tay Thi và nói: "Ồ đây nắng lắm, chúng ta vào trong lùm cây cuối vườn nói chuyện mát hơn Thi nhé". Thi không nói gì sánh vai Thảo đi vào trong vườn. Đến một gốc mận có tảng che mát Thảo kéo Thi, n g ồ i xuống và nói: "Thi à! hỏi này bỏ hỏi tại sao Thảo không ở nhà mà phải vào đây ở; và bây giờ để trả lời câu hỏi đó Thảo sẽ tâm sự hết mọi việc cho Thi nghe. Thảo nhìn Thi v à bắt đầu kể..."

Ngày xưa Ba Thi là một dịch giả chuyên dịch các sách ngoại ngữ sang tiếng Việt. Mẹ Thi là một nhà thơ nổi danh. Ông Bà gặp nhau trên làn văn chương, thi thơ... vì là đ ồ n g nghiệp làm việc chung, chỗ và tâm đầu ý hợp ba mẹ Thảo đã kết hôn với nhau. Khoảng một năm sau mẹ có mang Thảo, và cuối năm là ngày Thảo mở mắt chào đời. Nhưng Thảo bất hạnh... nên mẹ đã lìa trần ngay trên bàn sau khi hạ sanh ra Thảo!! Ba Thảo đành ở lại sống cảnh gà trống nuôi con. Thời gian sau trong chuyến đi về quê nội ba Thảo quen với một giáo viên vừa mới đổi việc lên Saigon "di Thu" và muốn lập kế mầu để lo lắng cho Thảo. Câu chuyện này được đem ra hội đồng gia đình biểu quyết. Bên nội ai cũng đồng ý, vì tội cho ba Thảo vừa LAM cha lại vừa làm mẹ. Duy chỉ có cô út Hiền không chấp nhận ý kiến đó, cô thưa với ông bà nội: "Ba má nghĩ coi, chị hai vừa mới qua đời không bao lâu b é Thảo thì còn thờ con e cưới vợ kế cho anh hai sẽ tội cho cháu Thảo... Sách có câu : "Mấy đời bánh đúc có xương. Mấy đời dì ghẻ mà thương con chồng". Nghe cô út Hiền lý luận như vậy ba sợ ông bà nội đổi ý nên tức giận mắng cô út Hiền: "Vợ con là việc của g i ả đình anh, út Hiền còn nhỏ chớ xen vào việc của người lớn". Sau cuộc cãi vã đó vì ba Thảo là anh trưởng nên thắng cuộc, còn cô út Hiền thắm chồng đổi lại việc anh mình làm. Í t hôm sau đám cưới giữa ba và di Thu được diễn ra, hai họ làm tiệc tưng bừng. Nhưng cô út Hiền không thêm dự lễ cưới của Ba, dù ông nội năn nỉ hết lời. Cô ở nhà chơi với Thảo . Năm ấy Thảo bập bẹ nói cô út Hiền rất cưng chiều cháu, mỗi chiều đi học về cô t h ư ờ ng chạy qua chơi với Thảo...

Thế rồi, từ ngày ba cưới dì Thu, cô Út Hiền gây lộn với dì Thu vì dì không chăm sóc Thảo. Ba bênh dì tức giận mắng cô Út Hiền trước mặt dì Thu, nhưng phân làm em cô Út Hiền không dám nói gì. Cô về nhà xin vào nội trú ở luôn và không qua chơi với Thảo nữa. Năm Thảo lên sáu tuổi thì dì Thu sinh em Thúy Nga. Bên nội ai cũng mừng, ngày ăn đũa y tháng bé họ hàng đến thật đông, và cho bé rất nhiều quà. Dù rằng dì Thu khờ ngớ thường Thảo nhưng bề ngoài trước mặt bà cũng như ông bà nội đi làm bỏ như lo lắng cũng chịu Thảo lắm. Điều này không ai biết được chỉ có mình cô Út Hiền biết thôi. Thảo còn nhớ hôm ăn đầy tháng bé Nga dì cho Thảo ăn mặc rất tươm tất, tóc tai sạch sẽ gọn gàng hầu để qua mặt bà con. Ông bà nội thấy cháu mình được cưng thường lo lắng chiu đảo, nên rất hài lòng về con dâu thứ hai của mình. Từ ngày có em dì Thu sinh ra khờ chiu với Thảo. Dì bắt Thảo làm đủ thứ công việc nào rửa em, pha sữa, xếp đồ... Vì mới có em bé nên Thảo thường lắm, dù dì Thu không cho Thảo bế em ra khỏi vóng, nhưng thỉnh thoảng Thảo vẫn lên ấm em đi chơi. Có lần Thảo vô ý làm em té u đầu một cục, quá nóng ruột dì Thu đánh Thảo một bạt tay. Chuyện đó lần hồi rồi Thảo quên mất. Thảo hết giận dì. Cuối tháng ba về mua quà cho dì Thu và Thảo. Thấy ba về dì rất mừng rỡ, thay đồ sửa soạn cho Thảo thật đẹp để. Thảo cảm thấy mình rất hạnh phúc với những ngày ba ở nhà. Mọi việc nhà dì Thu đều làm hết vậy mà Thảo còn được đi tắm rửa sạch sẽ từ tẻ đả ng hoàng. Một tuần trôi qua thật nhanh chóng. Thế rồi ba lại sửa soạn ra đi. Thì ở nhà cạnh cũ được tái diễn lại với Thảo. Cuối năm đó dì sinh thêm bé Tuấn, bé thật dễ t h ư ở ng giống tạc như ba nên ba càng yêu thương dì Thu hơn. Năm ấy Thảo khá lớn, biết làm công việc nhà dì Thu khỏi phải chăm sóc Thảo nữa. Mỗi lần ba về thăm nhà mua quà cho h a y ông nói chuyện với mình dì ỨC LẮM háy nguyệt vì sợ Thảo đem những hành động của dì kể lại cho ba nghe. Rồi sau khi ba đi, những món đồ chơi mà ba mua cho Thảo đều bị dì "tích thu" cho em Nga và cu Tuấn chơi. Dù biết ý dì xấu như vậy nhưng vì Thảo thường hai em đánh bỏ qua. Có lần cô Út Hiền đến trường thăm Thảo và cho tờ mười đồng. Thảo thích lắm nhưng chẳng dám xài ép vào tập để dành.

Một hôm nọ sau khi đi học về, vừa bước vô nhà thấy dì Thu đang cầm cây thước bang với vẻ mặt hầm học như chờ đợi. Dì nhìn Thảo và nói: "Hôm nay tao mất một tờ mười đồng và tao lục tập mày bắt gặp nó ở trong đó. Tại sao bây giờ mày lại sinh tánh ăn cắp tiền nữa hở con kia. Nói xong dì quất túi bụi vào mình không đợi Thảo nói gì thêm. Dì đánh đau quá, Thảo một mực kêu oan và van xin tha tội. Những người đàn bà hung ác đó n h ậ t định không nghe lời cầu xin của Thảo. Sáng hôm sau Thảo đi học trên mình toàn lằn những vết bầm do trận đòn hôm qua để lại. Dì còn dọa sẽ đem chuyện này mách lại với ba.

Cuối tháng, ba về dì đem chuyện này học lại với ông. Nghe xong vì quá tức giận khê suy nghĩ ông giảng xuống mình Thảo một trận đòn tẻ tái. Quá đau đòn Thảo ngất lịm, cu Tuấn thấy Thảo bị đòn nó chạy đến xin ba tha cho Thảo. Đã vậy dì chữa đã còn chằm vào: "Đồ thứ cũng đâu khó dạy, mẹ mày qua đời sau không đem mày theo để lại đây báo đời yố chệ tao". Thảo van xin dì đánh đập con như thế nào con cũng cam chịu, xin dì đừng chửi mắng linh hồn mẹ con. Những lời nói của Thảo không làm cho người đàn bà đánh thép đó c ả m đồng. Dì Thu nói tiếp: "Thôi, mấy liệu hồn cuốn đồ đi ra khỏi nhà này cho mau. Đứng ở đó mà lai nhai".

Lúc này ba đã ngừng đánh Thảo nhìn dì và nói: "Thôi mình để yên cho tôi dạy nó". Nghe vậy dì Thu tức giận nhìn ba nói: "Nếu mình còn để con đó ở trong nhà này thì mẹ c o n tôi đi lập tức". Đứng vào tâm trạng này Thảo thấy thật khó xử cho ba, bên này là v ở bên kia là con! Để giải hòa với dì Thu ba nhìn Thảo và nói: "Con vô thu xếp quần áo bà đưa đi thăm ông bà nội". Nghe ba bảo Thảo không dám cãi đành phải vâng lời. Sau k h i thu xếp quần áo vào chiếc vali nhỏ Thảo đi theo ba ra xe. Bé Tuấn chạy theo nắm á o Thảo và bập bẹ nói: "Chi Thảo nè! Sao chi đi bỏ cu Tuấn, chi Nga lại bỏ hồng thường tụi em rồi hở? Vừa nói cu Tuấn vừa khóc khiến Thảo không cầm được nước mắt. Ôm cu Tuấn vào lòng và nói: "Chi đi thăm nội ít hôm chi về với cu Tuấn nhé". Cu Tuấn nhìn Thảo c ư ối méo xeo đưa chiếc răng khểnh trắng tười mới mọc ra. Còn bé Nga thì nắm tay Thảo nói: "Chi Thảo đi rồi ai chải tóc thắt tóc cho Nga?" Dù Thảo không thích dì Thu nhưng rất thương hai em Nga, Tuấn. Ngược lại với mẹ chúng, tụi nó rất thương và mến Thảo lắm chẳng

ảnh hưởng tánh di Thu tí nào. Thật cây đắng mà sanh trái ngọt Thi nhi! Thảo đứng l a i
lấy hỏi và kể tiếp. Ba đưa Thảo sang nhà ông bà nội, vừa bâm chuông thì cô Út Hiền chay
ra mở cửa. Thảo mừng ghê quên mất trận đòn đau điếng ban nãy. Cô Út Hiền xách hồ vali
cho Thảo tíu tíu hỏi: "Bố ba cho Thảo qua đây chơi với Út ha?" Nghe cô Út hỏi Thảo ồm
châm lầy cô và nói: "Cô Út ơi! Di Thu đuổi Thảo!" Cô Út Hiền nhìn Thảo ngạc nhiên. Thảo
không kịp nói gì thêm, ba bước vào sân lôi Thảo một mạch vào phòng khách nhà nội. Sau
khi an cơm trưa ba đem chuyện đó kể lại cho mọi người nghe. Ba kể xong, cô Út liền nói
"Em không tin chuyện đó. Bé Thảo không bao giờ làm như vậy." Mười đồng đồ là của em cho
nó hôm tháng rồi tại trường học. Thật đúng là con người độc ác! Vậy mà anh tin nói với
ba má rằng chỉ rất thương yêu nó như con đẻ. Đó bây giờ ba má thấy Út Hiền nói có sai
đâu. Ba tức mình tròn mắt nhìn cô Hiền và nói: "Chuyện gia đình tao mầy cứ xen vào hoài
hà!" Ông nội thấy vậy rầy ba Thảo: "Chuyện đâu còn có đồ đẻ tử tử tao tính, chớ làm gì
anh em tụi bây cãi nhau um xùm!" Cuối cùng ông bà nội cũng tin lời ba nói, như ba đã
nghe di Thu, vì di rất khôn khéo biết chịu cha mẹ nhà chồng. Nhưng bà nội tỏ vẻ thương
cháu, bà nói: "Thôi thì con đẻ nó ở đây chơi với Út Hiền vài hôm rồi rước về". Đã h ở n
mữa tháng vẫn không thấy ba qua rước Thảo. Bà nội sai cô Út đưa Thảo về nhà.

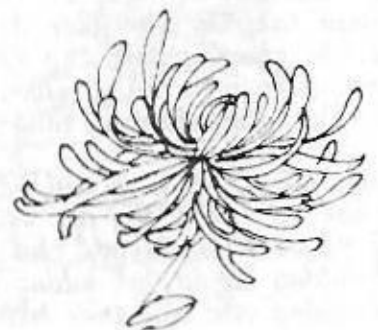
Về bước vào công, cô Út Hiền gặp di Thu. Vốn ghét di Thu sẵn, cô xấn tới gây gổ c h ửi
bồi di. Ba ngồi trong phòng khách nghe vợ mình với cô em Út cãi nhau, ông ngồi l a m
thình coi báo. Qua uất ức Thảo khóc rưng rức. Còn cô Út Hiền tức giận anh mình ngu. Sau
khi gây xong cô nắm tay Thảo đi ra. Về nhà ông nội hỏi: "Sao con không để Thảo ở l a i
bên đó. Mai một con vào trường dẫn nó về đây đâu có ai sẵn sóc nó. Má bây thì già yếu,
còn tao thì lum cum!" Cô Út Hiền nhìn ông nội và trả lời: "Bắt đầu kể từ ngày mai con
không đi học nữa, ở nhà sẵn sóc cho bé Thảo". Dù nói vậy, cô Út thấy tình hình không ổn
thỏa, trong những ngày còn lại Út Hiền kể hết mọi chuyện trong gia đình cho Thảo nghe
kể từ khi mẹ Thảo qua đời đến nay.

(còn tiếp)

(tiếp theo trang 52)

những lăng kính nhiều sắc màu. Chúng tôi e ngại rằng người ta sẽ bóng gió là mình chủ
quan. Tôi khẳng định là mình chủ quan. Những chủ quan này phát tiết từ tâm hồn của một
người Việt Nam nói với người Việt Nam trong hoàn cảnh điều linh của đất nước, đang tha
phương trong điều hieu lạng lẽ. Chúng tôi mạnh dạn trao gửi cho người một cánh hồng biểu
tượng của lòng tri ân - một cánh hồng tan tác đã chịu biết bao trận cuồng phong; và
giờ đây trên đoạn đời đầy chông gai buồn tẻ sắp tới, những người Việt Nam mất nước chđ
tôi luôn ấp ủ tâm lòng vàng này làm niềm tin, gắng gượng lên đường.

KHUU BAN LAM - SIKIW THAI LAN



VỀ NGÀY PHẬT ĐẢN TẠI TRẠI TỊ NẠN THÁI LAN

SIKIEW, ngày 28 tháng 5 năm 1983

Như một ánh sáng huyền-diệu rơi chiếu vào những tâm-hồn u hoài của những người Việt Nam mất nước. Ngày Phật-Đản thứ 2527 được tổ chức trang nghiêm và nhất thể tại trại tỵ nạn Sikiew Thái-Lan vào ngày 27.5.1983.

Trên đất Phật Tiểu Thừa Thái Lan, gần 5.000 người con Phật Việt-Nam, sau khi vượt thoát qua biên giới mong manh giữa tư-thần và sự-sống trong cuộc trốn chạy Cộng-Sản bạo tàn đã hội-hập lòng, mình hướng về Đấng Đại-Tử-Đại-Bi hiện thân của BỔ TRÍ, DŨNG. Mọi người đều hy-vọng chứa-chạn vào ánh đuốc của Người soi sáng đường về đất hứa cho một dân-tộc bất hạnh đang rời bỏ quê-hương tha-phương viễn-xứ trên khắp nẻo đường trần.

Dù đã vượt qua nỗi kinh-hoàng của biển cả, trốn được nanh vuốt của kẻ phi-nhân, nhưng người Việt-Nam ly hương nào cũng hoài vọng một ngày về. Người Việt-Nam nào cũng bồi ngùi luyến nhớ về đất-tổ, về những ràng buộc của quê-hương, đã ngàn đời nuôi dưỡng mình trong chiếc nôi ân tình chữ S.

Từ những ý nghĩ trên, dù trong hoàn cảnh bi thương của những người tỵ-nạn những người Việt-Nam tại trại Sikiew đã cố-gắng tổ chức ngày Đản-Sanh hạn hẹp nhưng đầy đủ n g h i thức tôn-giáo trong vòng rào của Trại.

Từ những đêm trước đó, tiếng chuông Bát-Nhã và trống tiêu-hồi đã vang lên khắp Trại, gọi cho mọi người nhớ về cội nguồn Việt-Nam với những ngôi, Chùa trầm hương khói mà giờ đây trên mảnh đất quê-hương bọn vô-thần đang vươn nanh vuốt bạo tàn chụp phủ lên mọi nguồn tín-ngưỡng.

Người Trại-Trưởng Thái-Lan có mặt trong buổi lễ dưới bộ dân-phục trông điềm-đạm và hiện thực hơn, Ông ta dâng hương trước bàn thờ Phật, và cũng ngỏ lời cầu nguyện cho những người Việt-Nam sớm có ngày về Tổ-quốc, Ông cũng mong sao cho những người Việt-Nam khổ ải đang tỵ-nạn tại đây sớm được định-cư ở những đê-tam-quốc-gia thân hữu. Chúng tôi cảm động về bài nói chuyện bằng tiếng Việt của Ông ta. Thật là cảm động khi đứng ở đây, nghe một người ngoại-quốc nói tiếng nước mình, kể về nỗi bi thương của tổ-quốc mình, những đốn-đau của dân-tộc mình, đau-hiu, lặng-lẽ và xót-xa.

Trong tâm áo choàng màu vàng đượm vẻ tử-bi, những vị Đại-Đức cùng chung số phận lưu đây đã nói về con đường đạo Pháp, về thân phận chúng sanh bị trầm-luân nơi bể khổ bởi b o n Quý Đố vô thân đã gọi cho những người Việt-Nam mất nước nổi khoắc-khoái, trông chờ, niềm quê-hương tự-do, Quê-hương và Tự-do phải gắn liền với nhau như những dòng sông nhớ nước Đại-dương với màu trời mênh mông mà nhất thể?

Có những đồng-bào đang chuẩn bị cho một cuộc chuyên trại, cũng dẹp bỏ mọi ưu tư, hăng say, và không quên bốn phận mình đối với những người còn ở lại, ngày đêm đôn đốc, dụng của, dụng tâm của mình cho ngày Phật-Đản được hoàn thành.

Ở đây tình đùm bọc, và lòng yêu thương đã được thể hiện rõ rệt, không phải là hình thức mà là một thực tế tinh thần mang ý nghĩa hết sức Việt-Nam. (Người viết cũng xin phép nói về một số người trong Cộng-đồng-Việt-Nam-tự-nạn đã làm cho chúng tôi kiêu hãnh về tinh thần đoàn kết giữa người Việt-Nam xa xứ đang sống trong vòng rào kẽm gai k ẽ m tòa. Dù biết rằng những đồng chủ này có thể gây cho một số ít người bêu mỗi chệ trách là cá nhân chủ nghĩa nhưng người viết cũng xin loại bỏ những đem pha nào nở ra từ cơ sở vị kỷ ảm thấp của tâm-hồn)

Chúng tôi muốn viết về anh TR. K.TH., về những đồng-bào trưởng Building, các anh có trách-nhiệm ban ngành, những vị đại-diện tôn-giáo đã hòa đồng lòng mình cho ngày Đản-Sanh, đã xiết chặt những bàn tay mòn mỏi làm nên hơi nóng, thấp sáng ngọn lửa cho ngày Lễ, làm ấm lòng những người Việt-Nam đang lạnh giá nơi xứ lạ quê người. Mà ở đây miếng cơm manh áo vẫn là những bận-bịu thường xuyên, những tranh đua thù hận vụn-vặt...

Chúng tôi chăm chút bài ghi vợi với một chút tâm-tình và xao-xuyến của người Việt-Nam vừa nhập trại còn ngỡ-ngàng giữa cuộc sống mới, mà trên bước đường trốn chạy Cộng-Sản còn mờ mờ nhiều chông gai bất trắc, với bốn câu thơ của thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chường đã cho phép tôi góp ý, khi cùng sống chung với anh nơi lao tù Cộng-Sản:

Lũ chúng ta đầu thai nhằm thế-kỷ
Mắt quê hương mòn mỏi phút hồi sinh
Ta sẽ đi tìm một phương trời mới
Thuyền đi thuyền theo gió cứ lênh-đênh.

KHUU BAN LÂM
(Lâm Tường Dũ)



Trang Giáo lý GDPT Bậc Chánh Thiện

GIỚI ĐỊNH HUỆ

I.- LỜI NÓI ĐẦU

Đạo Phật sau khi nêu rõ mục đích giác ngộ và giải thoát, liền chỉ bày những con đường, những phương pháp tu hành để thực hiện mục đích giác ngộ và giải thoát. Vì chúng sanh có vô lượng căn tánh không đồng nên pháp môn Phật dạy cũng vô lượng sai khác; những pháp môn nào cũng không ra ngoài nguyên tắc Giới Định Huệ, pháp môn nào cũng theo phương pháp Giới Định Huệ mà thành lập. Giới Định Huệ là con đường, là phương pháp của các đức Phật đã đi, đã thực hành để giải thoát giác ngộ; và sau khi thành đạo, trong 49 năm thuyết pháp độ sanh, Ngài chỉ trao dạy lại cho chúng sanh chỉ một con đường ấy, cũng một pháp môn ấy.

II.- ĐỊNH NGHĨA VÀ VÍ DỤ

Giới Định Huệ là ba môn vô lậu học, là nguyên tắc tự học để giải thoát sanh tử chúng quả Niết Bàn; Giới là ngăn giữ thân tâm không làm các điều trái, điều ác. Định là dứt các sự lo nghĩ, làm lắng các duyên Huệ là phá trừ mê ám, chứng được chơn lý. Giới Định Huệ là con đường tu học gồm ba giai đoạn, từ Giới đến Định, từ Định đến Huệ; hay nói cho rõ ràng, ba môn này để tu dưỡng duyên dung nhiếp lẫn nhau. Ví như một người học trò muốn học bài, trước phải giữ thân tâm an tịnh, không cho ngoại cảnh bức bách (Giới), rồi chuyên tâm trí vào bài học không để nội tâm tán loạn (Định), nhờ chuyên tâm chuyên trí mà hiểu và thuộc được bài học (Huệ). Người tu hành cũng vậy, trước hết giữ Giới để thân tâm an tịnh, (như nhiều uống rượu thì thân tâm bị phiền nhiễu rối loạn) khi thân tâm thanh tịnh thì chuyên tâm trí vào một cảnh không để cho xao động, không để các duyên loạn tưởng, (Định) nhờ vậy thấy được chơn lý, giác ngộ được sự Thật (Huệ).

III.- HÀNH TƯỚNG CỦA GIỚI ĐỊNH HUỆ

A/ SỰ SAI BIẾT GIỮA GIỚI ĐỊNH HUỆ

GIỚI: a) **ĐỊNH NGHĨA.** - Giới là ngăn dè u trái, dứt điều ác, nghĩa là không làm trái với sự thật, trái với điều thiện, trái với đường giải thoát.

b) **HÀNH TƯỚNG CỦA GIỚI.** - Giới là những phương pháp điều trị thân và khẩu bề ngoài cho được thanh tịnh, và nhờ vậy tâm ý bên trong cũng được thanh tịnh. Đây là môn phương thuốc bề ngoài để tâm ý bên trong được thanh tịnh. Ban đầu khởi tu hành phải giữ gìn thân khẩu, bề ngoài theo đúng giới luật Phật chế, giữ gìn căn thân tỉ mỉ, có vậy tâm trí bên trong mới thanh tịnh. Khi tâm trí bên trong được thanh tịnh, thì ngoài đều thanh tịnh; chứng đó không cần trì giới cũng không phạm giới, vì tâm đã hoàn toàn thanh tịnh không sai khiến thân và khẩu làm việc trái nữa. Khi tâm sanh thì giới sanh, tâm diệt thì giới diệt, tâm giới dung nhiếp lẫn nhau, dắt dẫn nhau từ chổ mê đến chổ ngộ. Nên Giới không phải luôn luôn giữ gìn; như thuốc để trị bệnh; còn bệnh thì còn thuốc, bệnh hết thì thuốc tự tiêu; đến khi không còn phải giữ giới nữa, thời thân tâm mới hoàn toàn thanh tịnh.

c) **CÔNG NĂNG CỦA GIỚI:** Thân tâm không bị ngoại cảnh bức bách.

Nhờ giới, thân tâm được giải thoát mọi sự ràng buộc; như không uống rượu thì không bị rượu làm thân tâm điên đảo; giữ giới không phạm vật dục thì không bị vật dục lôi kéo ràng buộc.

Thân tâm không tạo những nghiệp đi ngược sự thật: Nhờ Giới thân tâm không có những hành vi ngược sự thật, ngược với chơn lý. Như không nói dối thì bao giờ thân tâm cũng tôn trọng sự thật, cũng hướng đến sự thật; không sát sanh thì thân tâm biết tôn trọng sự sống, hiểu được nghĩa đồng thể đại bi, biết sống đúng với sự thật.

Thân tâm tăng trưởng năng lực giác ngộ và giải thoát:

Nhờ Giới, thân tâm không những có sức mạnh

thoát khỏi sự chi phối của ngoại cảnh, mà thân tâm còn vận dụng được sức mạnh của ngoại cảnh của nội tâm để tìm đến sự thật để được giải thoát. Như không sát sanh thì được toàn thể chúng sanh tôn kính, sức mạnh của lòng tôn kính ấy rất mãnh liệt. Nhờ giữ giới thanh tịnh không tham đắm vật dục, thời dùng được những sức mạnh đó nên phải dùng để thờ phụng vật dục, này để dùng vào mục đích giải thoát và giác ngộ.

d) CÁC THỨ GIỚI. - Đạo Phật có chia ra làm 3 giới:

Nhiếp luật nghi giới: nghĩa là những giới luật oai nghi thuộc về thân tâm, cử chỉ oai nghi có công năng gìn giữ thân tâm không phạm những điều trái điều ác, khiến thân tâm được an tịnh trong sạch, như 5 giới của tại gia, 10 giới của Sa-di, 250 giới của Tỷ Kheo v.v... (chú ác ma tác).

Nhiếp thiên pháp giới: nghĩa là làm những việc lành lời mình lời người; như làm 10 điều thiện, nhờ vậy phước đức tăng trưởng khỏi sự ràng buộc của cảnh giới người, và không còn bị cảnh giới người chi phối, (chúng thiên phụng hành).

Nhiều ích hữu tình giới: nghĩa là hóa độ cứu khổ toàn thể chúng sinh, sống thể nhập vào chúng sanh để hóa độ, làm những hạnh cứu độ lợi ích cho toàn thể hữu tình, toàn thể chúng sanh. Giới này có công năng thể nhập vào đồng thể đại bi, thoát khỏi sự ràng buộc của cảnh giới Nhơn Thiên, được tự tại giải thoát giác ngộ của các vị Đại Bồ Tát (hóa độ chúng sanh).

ĐỊNH: ĐỊNH DANH: Định nghĩa là chú tâm vào một cảnh, không cho tâm tác động tán loạn, không cho tâm theo các duyên. Thiền định lại có nghĩa là vận tưởng nội tâm chuyên chú vào một cảnh, dứt hết các loạn duyên.

b) HÀNH TƯỚNG CỦA ĐỊNH. - Định nghĩa là lắng tâm không cho theo dõi tán loạn trong vọng thế sự 3 đời quá khứ hiện tại vị lai, bởi vì dòng ruồi nên mọi vọng niệm đã có vọng niệm thời bị mê mờ, nên tu định là cốt trừ những vọng niệm, những tư tưởng mê lầm phát sinh vô minh.

Trước hết phải giữ cho được Định: muốn vậy cần phải dứt các môn tà niệm bằng cách đem những tư tưởng chơn chánh đứng với chánh pháp mà ngăn dẹp các tà niệm. Trong khi đi đứng nằm ngồi, có tà niệm khởi lên, thời đem chánh niệm dần dẹp lại. Đây phải lấy chánh Huệ gìn giữ chánh niệm.

Khi diệt được tư tưởng tà rồi, thời vẫn còn những tư tưởng trong sạch loạn động luôn luôn khởi diệt; thành thử cần phải dứt luôn

những tư tưởng trong sạch này nữa, như vậy tâm mới được Định.

Khi giữ tâm định rồi, thời phải xa luôn cái niệm gìn giữ cho tâm Định tức là tu tâm an trú không còn vọng động nữa, vì nếu còn niệm gìn giữ cho tâm định, tức cũng vọng niệm.

c) CÔNG NĂNG CỦA ĐỊNH: Nhờ định tâm trí khỏi tán loạn - tâm trí thường hay tán động, từng niệm từng niệm nối nhau không bao giờ dứt sạch; nhờ Định, tâm trí không còn bị các vọng duyên chi phối rối loạn nữa.

Nhờ định tâm trí khỏi tối tăm xao động và điều hòa - khi tâm trí xao động thời dùng Định chế ngự, khi tâm trí tối tăm giải đãi thời dùng Định làm ân phạt; khi tâm trí điều hòa thời dùng Định làm liả bỏ.

Nhờ định, huệ được phát chiếu. - Khi tâm trí không còn xao động, chuyên chú vào một cảnh thời trí huệ được phát sanh hiểu rõ muôn vật.

Nhờ định năng lực được phát sanh. - Nhờ Định nhiếp phục thân tâm, nhiếp phục ngoại cảnh và vận dụng được nội lực ngoại lực để chi phối điều trị tất cả và phát chiếu trí huệ.

d) CÁC MÔN ĐỊNH. -

1/ Sở tức là pháp môn tu hành điều hòa hơi thở, rồi y theo hơi thở ra vào không còn vọng niệm, khiến tâm không còn loạn động; đây là bước đầu của phương pháp tu thiền

2/ Tịnh niệm là pháp môn giữ niệm cho trong sạch an tịnh khiến tâm an trú vào một niệm thanh tịnh.

3/ Thiền định, thiền là nhất tâm quán vật

định là nhất cảnh tịnh niệm, là pháp môn dừng sự suy nghĩ và nghiên cứu tìm xét cho đến nhất cảnh thanh tịnh.

HUỆ: a) ĐỊNH DANH: Huệ nghĩa là phân biệt sự lý, lựa chọn các pháp dứt sự nghi ngờ, chứng lý chơn thật. Huệ là khả năng khai sáng của tâm trí, chiếu sự vật, thế nhậ chứng ngộ chân lý.

b) HÀNH TƯỚNG CỦA HUỆ: Huệ là pháp sáng suốt của tự tâm, luôn luôn thường còn và ai cũng sẵn có; chỉ vì mê mờ nên không biết và làm cho huệ không được phát hiện. Tu huệ trước hết y cứ nơi văn tự để xét nghĩ và hiểu rõ chánh lý, rồi dùng chánh lý ngăn dẹp các tà niệm.

Khi chỉ còn chánh huệ, thời dùng chánh huệ soi sáng sự vật phát chiếu sự thật.

Đến khi Huệ thể nhập được chân lý, giác ngộ được sự thật, thời thành bậc chánh giác, hoàn toàn viên mãn và tinh sáng suốt của tự tâm luôn luôn xuất hiện.

c) CÔNG NĂNG CỦA HUỆ: Huệ dứt trừ phiền não.

Phiền não là do mê lầm; nhờ trí huệ khai phát, mê mờ, phiền não được trừ diệt.

Huệ chiếu sáng sự vật. - Sự vật bị mê mờ làm ngăn cách; nhờ trí huệ soi sáng, sự vật được chiếu rõ như thật, nên biết được thiết tướng thiết tánh của sự vật.

Huệ thể chung sự thật. - Nhờ huệ soi rõ tâm cảnh đều chơn không, thể nhập chơn lý giác ngộ hoàn toàn.

d) CÁC MÔN HUỆ.

Văn huệ: Là tai nghe mắt thấy văn tự âm thanh và hiểu được nghĩa lý.

Tu huệ: là do trí suy nghĩ tìm tòi, rõ được nghĩa lý, hiểu được sự thật.

Tu huệ: là do tu hành thể nghiệm thể nhập chân lý, mà giác ngộ chứng được sự thật.

(còn tiếp)

Hộp thơ Phật sự

Trong dịp lễ Vu Lan sắp đến, Hội Phật Tử Tây Đức sẽ cùng tổ chức Nhân quyền Hải Ngoại thiết lập một quỹ Thông Tin để xin chữ ký của Đồng Bào tham dự lễ trợ việc chống lại chính quyền đang cộng sản Việt Nam bắt bỏ các vị lãnh đạo tinh thần Tôn Giáo, phải trả tự do tức khắc cho những vị Giáo Phẩm Trung Ương của Phật Giáo và của Thiên Chúa Giáo:

- Thượng Tọa Thích Huyền Quang
- Thượng Tọa Thích Quảng Độ
- Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn
- Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận

Kính mong quý vị yên trợ cho công cuộc tranh đấu có chính nghĩa này.

Hội Phật Tử Tây Đức



▲ 檳城極樂寺楊柳觀音

GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

☐ Bún chả giò

A. VẬT LIỆU: 1 miếng tàu hũ tươi
10 g bún tàu
6 tai nấm đông cô
200 g giá
2 củ cà-rốt
1/4 bắp cải tròn
1/2 kg bánh tráng gói tuloại tốt
1 l dầu chiên, 1 gói bún khô
1 cây boi-rô
1 cây salat
1 trái dưa leo
1 bó rau húng cây
100 g giá
Gia vị : Đường, muối, bột ngọt, tiêu.

B. CÁCH LÀM: Tàu hũ luộc xong, vớt ra vắt ráo, bóp nhuyễn. Bún tàu để khô cắt khúc độ 2cm. Nấm Đông-Cô ngâm mềm xắt sợi. Bắp cải, cà-rốt, ướp muối để dũ vắt ráo. Boi-rô xắt nhuyễn, giá rửa sạch để vào rổ cho ráo nước. Nấm Đông-Cô sau khi xắt sợi cho vào chảo xào chung với củ boi-rô đã xắt khi nãy, gia-vị đường, muối, bột ngọt, tiêu cho vừa ăn.

Tàu hũ, giá, bắp cải, cà-rốt, boi-rô khuấy vàng nấm, xào, xong nhồi chung lại gia-vị đường muối, bột-ngọt, tiêu cho vừa ăn. Nhớ trộn đừng mặn lắm, coi chừng bánh tráng mặn sẽ mất ngon.

Múc nửa tô nước ấm cho vào một muống cà phê dầm, 2 muống đường quậy đều.

Thoa nước lên mỗi bánh tráng cho đều, xog để lên mâm, hoặc trên khăn sạch, cho nhân vào cuộn lại thật chặt. Bắc chảo cho dầu vào chiên chá cho vàng, xong vớt ra để ráo.

CÁCH LÀM NƯỚC TƯƠNG:

2 - 4 muống nước tương
1 trái chanh
1/8 - 1/4 l nước
1/2 muống cà-phê ớt băm, 1 ít đồ chua

Bắc nước sôi, cho nước tương, đường, muối bột-ngọt vào nêm-nêm cho vừa ăn để nguội, nếu muốn chua thì cho vào một ít nước chanh.

Bún luộc chín xong xả lại với nước lạnh, để ráo hoặc bắt từng con tùy ý. Salat, rau sống, dưa leo rửa sạch, xắt nhuyễn

Trộn tất cả các thứ rau dưa với giá sống hoặc giá trung cho vào tô trước, để bún lên trên. Chả giò xắt khoanh để lên bún, trên mặt một ít đồ chua, đậu phộng, ớt băm, dầu boi-rô khuấy, chế 2-3 muống nước tương vào, dọn ra bàn.

Những điều cần lưu ý:

- Nhớ cẩn-thận khi thoa bánh, đừng thoa ướt lắm để bị bể.
- Nước tương vừa chua, ngọt, mặn chớ để ngậm quá mất ngon.
- Đừng để dầu sôi quá rồi cho chả vào nó sẽ bị phồng và không chín bên trong.

(Kỳ tới: Cách làm "TÀU HỮ MUỐI XẢ, ỚT CÀ-RY")

Tin tức

■ Đề cụ thể hoá trong việc giúp đỡ đồng bào tỵ nạn Việt-Nam tại Tây Đức - Hội Phật Giáo người Đức tại Hannover vào ngày 3.7 vừa qua đã đến chùa Viên Giác để hướng dẫn, nói chuyện v.v... với đồng bào - trên mọi bình diện Tôn-Giáo, Văn-Hóa, phong-tục nhằm trau dồi đức ngũ cho người tỵ nạn và tạo điều kiện hiểu biết thêm về phong-tục của người Đức.

■ Vào ngày 9.7 vừa qua tại Trung-Tâm tỵ nạn Norddeich một buổi lễ Sám Hối công cộng cho Đồng Bào được trại tổ chức vô cùng chu đáo. Đại-Đức Thích-Như-Điền đã đi đến chủ lễ và thuyết pháp về đề tài "Tứ Diệu Đế".

Được biết tại đây chỉ là trại tạm cư; những Đồng-Bào đã sốt-sắng đáp ứng lời kêu gọi cứu người vượt biển của tàu Cap Anamur 2 nên đã tự động lạc quyền lần đầu đi ở c 421,50DM. Số tiền này đã chuyển về Ủy-Ban trên vào ngày 1.7.83.

Một Phật-Tử đã ghi lại bài thơ để đánh dấu sự chia sẻ ngọt bùi đó:

Tình ruột thịt nghĩa đồng bào
Lời kêu cầu cứu lẽ nào bỏ qua
Lệnh dèn trời biển bao la
Nhớ lòng từ thiện của ta một phần
Góp tiền để cứu thuyền nhân
Như trồng cây Đức để phần cho con
Còn trời còn nước còn non
Còn người vượt biển ta còn phải lo.

■ Lần đầu tiên tại Tây Đức một lễ Thọ Bát Quan Trai nhằm tân tu đạo nghiệp cho Phật Tử, được tổ chức vào ngày 16-17.7.1983 tại chùa Viên-Giác Hannover dưới sự chủ trì của Thượng-Tọa-Thích-Đức-Niệm - Giám Đốc Phật-Học-Viện Quốc-Tê California Hoa Kỳ - thật trang nghiêm thành kính và đã đạt được nhiều thành quả trong việc tu học Phật Pháp này. Mười vị Đạo Hữu và Phật Tử đã phát nguyện thọ giới và giữ giới trong suốt 24 tiếng đồng-hồ.

Trong khi Thọ Bát Quan Trai các giới tử được nghe Thượng-Tọa-Thích-Đức-Niệm giảng về "Vô Thướng" - một đề tài hàm chứa nhiều giá trị tinh thần và có một nội-dung thật phong phú. Thới pháp thứ 2 do Đại-Đức trụ trì chùa-Viên-Giác thuyết giảng về Kinh Bát Nhã.

Buổi lễ Thọ Bát Quan Trai chấm dứt - mọi

người ra về; nhưng ai nấy cũng mong rằng cứ mỗi, hoặc 3 tháng 1 lần, chùa tổ chức được như vậy thì tinh-thần học Phật của Phật Tử được phát triển nhiều hơn nữa.

■ Đề nghiên-cứu tình hình sinh hoạt Phật Giáo tại Âu Châu; nên Thượng Tọa Thích Đức Niệm - Giám Đốc Phật Học Viện Quốc Tê và Đại Đức Thích Thiên Tường - Giảng Sư của Tổng Hội Phật Giáo Việt-Nam tại Hoa - Kỳ đã sang Âu-Châu lần đầu tiên với 2 phái đoàn vào hạ tuần tháng 6 đến hạ tuần tháng 7 năm 83. Đại Đức Thích-Thiên-Tường, cũng đã thuyết giảng về đề tài "con người trong Đạo Phật" tại chùa Viên Giác Hannover đã làm cho nhiều Phật Tử chú ý.

Đại Đức Thích Thiên Huệ hiện trú tại chùa Khánh Anh Paris - Pháp cũng đã sang viếng thăm Phật sự tại Tây Đức - chùa Viên Giác Hannover, chùa Tích Lan Bá Linh và Niệm Phật Đường Khánh Hòa Rottershausen. Đại Đức đã về lại Paris cùng phái đoàn của Đại Đức Thích Thiên Tường vào ngày 7.7.1983.

■ Vào ngày 31.7.1983 vừa qua Đại Đức Thích Minh Phú - trụ trì Niệm Phật Đường Khánh Hòa cũng chủ Đại Đức Tăng Ni tại Rottershausen đã tổ chức lễ An Vị Phật, Niệm Phật Đường và lễ Vu-Lan Báo Hiếu dưới sự chứng minh, chủ lễ của Hòa Thượng Thích Thiện Định - Viện chủ chùa Pháp-Hoa Marseille-Pháp. Thượng-Tọa-Thích Đức Niệm - Giám Đốc Phật Học Viện Quốc Tê Hoa Kỳ. Thượng Tọa Thích Minh Tâm - Viện chủ chùa Khánh Anh Paris-Pháp và Đại-Đức Thích Như Điền-Trụ Trì chùa Viên Giác Hannover.

Đồng bào Phật Tử quanh vùng và một vài nơi tại Bắc Đức đã về tham dự lễ. Nhân dịp này Đại Đức Thích Minh Phú và chư Tăng Ni tại Niệm Phật Đường Khánh Hòa có lời cảm tạ chân thành đến chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng và toàn thể đồng bào Phật Tử đã đến Niệm Phật Đường Khánh Hòa để chứng minh và dự lễ An Vị Phật.

■ Mùa Vu Lan năm nay tại Âu Châu sẽ đi ộc tổ chức tuần tự như sau:

- Ngày 13/8/83 tại Hòa Lan
 - Ngày 19-21/8/83 tại chùa Viên Giác-Đức
 - Ngày 27/8/83 tại Lyon - Pháp
 - Ngày 3/9/83 tại Aarhus - Đan Mạch và tại chùa Phật Giáo Tây Tạng - München Tây Đức.
- Mong chư Phật-Tử tham gia đồng dự.

Thông cáo

Sau lễ Vu-Lan tại Tây Đức, Đại Đức Trụ Trì chùa Viên Giác - Hannover sẽ sang dự lễ Vu Lan tại Paris. Sau lễ Vu Lan Paris Đại Đức sẽ tháp tùng với Hòa Thượng Thích Trung Quán - Viên Chủ chùa Hoa-Nghiêm và Thượng-Tọa Thích Minh Tâm - Viên Chủ chùa Khánh Anh - Pháp - sang Hoa Kỳ tham dự Đại Lễ Giới Đàn do Thượng Tọa Thích Đức Niệm tổ chức. Đại Đức Trụ Trì sẽ vắng chùa từ cuối tháng 8/83 đến cuối tháng 9/83. Trong thời gian này mọi vấn đề liên quan đến nghi lễ - xin liên lạc về Niệm Phật Đường Khánh Hòa, qua Đại Đức Thích Minh Phú hoặc Ni cô Thích Nữ Diệu An - Waldsiedlung 12 - 8735 Rottershausen. Tel 09738/1259. Tại chùa Viên Giác vẫn sinh hoạt đều đặn như thường lệ vào những ngày 4/9 và 18/9. Ngoài ra, những vấn đề có liên quan đến hành chánh, quý vị Phật Tử cũng có thể liên lạc về chùa Viên-Giác - tại đây sẽ có người giúp đỡ Quý vị.

CHƯƠNG TRÌNH THÁNG 10 NĂM 1983

- Vào ngày 1 và 2 tháng 10 có lễ Phật của Phật Giáo Tây-Tạng tại chùa Viên Giác và lễ Phật hằng tháng, học tiếng Đức, do Hội Phật Giáo Đức đảm trách.
- Ngày 8 tháng 10 sẽ có lễ Phật tại trung tâm Độc-Lập Stuttgart cho đồng bào Phật Tử quanh vùng.
- Ngày 15 tháng 10 sẽ có lễ Phật định kỳ cho đồng bào Phật Tử Việt-Nam tại Nord-deich.
- Ngày 21, 22 và 23 tháng 10 là ngày PHẬT GIAO-VIỆT-NAM - định kỳ hằng năm cho đồng bào Phật Tử Việt và Đức vùng Tiểu Bang Baden Württemberg. Địa điểm tổ chức tại làng Thanh Thiểu Niên Klinge, nằm giữa Stuttgart và Würzburg. Năm nay, kỷ niệm đệ tam chu niên ngày PHẬT GIAO VIỆT NAM tại vùng này.
- Ngày 29 tháng 10 sẽ là ngày lễ Phật định kỳ 2 tháng 1 lần tại chùa Phật Giáo Đức cho đồng bào Phật Tử vùng Hamburg. Mong Quý Vị Đạo Hữu và Quý Vị Phật Tử ở gần những vùng đã thông báo như trên đến tham gia đồng dự lễ nói lên tâm lòng tham cầu Phật Pháp của Quý vị trong lúc sống ở xứ người.

■ Thư viện chùa Viên Giác Hannover xin thông báo đến tất cả bà con Phật Tử cũng như không Phật Tử được rõ như sau:

- Hiện nay thư viện của chùa Viên Giác đã chỉnh trang xong sách vở và bắt đầu cho đồng bào mượn sách vào cuối tháng 8 năm 1983. Sách gồm hơn 1.000 cuốn tiếng Việt, về các bộ môn Tôn Giáo, văn hóa, lịch sử, tiểu thuyết, kiếm hiệp, ngôn ngữ, thơ, truyện v.v... và gần 1.000 quyển gồm các thứ tiếng Nhật, Hán, Anh, Pháp, Đức v.v... Danh sách thủ mục sẽ được đăng vào báo Viên Giác số tháng 10 sắp đến.

- Điều kiện để được mượn sách:

(1) Để bảo tồn sách vở do Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức tài trợ và sự góp sức của chùa cho thư viện, mong mỗi đồng gia đồng góp 20 DM lệ phí cho 1 năm khi nhận thẻ thư viện.

(2) Mỗi lần mượn tối đa 3 cuốn và thời gian kéo dài tối đa 3 tuần lễ.

(3) Nếu người ở xa chùa - chùa sẽ gửi sách đến cá nhân; nhưng với điều kiện là người nhận phải trả lệ phí bưu điện và khi gửi trả sách, ngoài tiền tem, người trả sách phải trả thêm tiền ZUSTELLUNGSGEBÜHR cho bưu điện (khoảng 2,20 DM cho mỗi gói). Nếu gửi sách trả lại chùa theo lối Büchersendung (dưới 1 kí lô) thì chùa không phải trả lệ phí khi nhận. Nếu trên 1 kí lô chính độc gia phải chịu lệ phí ấy.

(4) Nếu trong trường hợp sách bị mất, người mượn phải bồi thường giá tiền tương đương của sách đã mượn do thư viện chùa ấn định.

(5) Thư viện chùa dành ưu tiên cho đồng bào tại Tây Đức mượn những sách trên. Nhờ vậy, ngoài Tây Đức, vì thủ tục hơi khó khăn nên kính mong quý vị độc giả thông cảm cho.

(6) Muốn mượn được sách mới, việc đầu tiên phải trả lại các sách cũ đã mượn. Trên đây là một số điều kiện cần biết trong việc mượn sách. Mong quý vị hỗ trợ cho.

■ Sau khi chùa Viên Giác đang tái lỗi kêu gọi về việc xây dựng ngôi chùa Viên Giác thực thụ trong tương lai, đã có nhiều thủ tục, điện thoại v.v... đóng góp nhiều ý kiến rất thiết thực cho việc trên - Đề v i ệ c này đã l o c p h ồ b i ệ n r ộ n g r ả i h ộ p - c h ư a s ẽ t h u y ế t t r ì n h , c h ư ố n g t r ì n h n g ă n v à d ẫ i h ậ n t r o n g d ị p l ễ V u L a n , v à o n g ả y 19, 20 v à 21 t h ă n g 8 n ă m 1983 s ắ p đ ế n . M ặ c d ẫ u s ố k h ố i n h ữ n g đ ă c n ữ i ệ u v ị h ư a h ỷ c ứ n g h o ặ c c h o c h ư a m ứ ộ n l ầ u d ẫ i . Đ i ề u đ ố đ ă n ộ i l ề n đ ượ c t ă m l ồ n g c ầ n t h ầ n c ầ u P h ậ t , T ử x a g ầ n m ớ i c h o n g ả i T a m B a o s ố m t h ầ n t ử . N h ậ n d ị p n ă y c h ư n g t ồ i c ứ n g x ỉ n k ề u g ọ i q ú y v ị P h ậ t T ử h ă y n ỗ l ự c h ỗ t r ợ k ế c ồ n g n g ườ i c ầ u đ ể Đ ại N g ư y ệ n s ố m v iệ n t h ầ n .

- Gia Đình Đạo Hữu Huỳnh Thúc Kí m t a i T r o i s s i n g e n h ư a h ỷ c ứ n g v ậ o c h ư a 1.000DM
- Gia Đình Đạo Hữu Trần Đức Quang t a i F a l l i n g s b o t t e l h ư a c h o c h ư a m ứ ộ n h ộ i t h iệ n 1.000DM.

- Gia Đình Phật Tử Nguyễn Long Phi, Trần Thị Huyền Đan-Bà Linh - h ư a c h o m ứ ộ n h ộ i t h iệ n 1.000DM.

- Gia Đình Đạo Hữu Tiêu Thị Thỉ t a i E r - l a n g e n h ư a h ỷ c ứ n g v ậ o c h ư a 200DM. v à c ồ n n ữ i ệ u v ị k h ă c n ữ a n h ữ n g v ị c h ư a c ố s ố v ằ n g n ề n d ă n h s ă c h c h ư a đ ượ c l ử u h ậ n .

B ậ t đ ầ u t ử s ă u l ễ V u L a n n ă m n ă y - c h ư a s ẽ c ứ n g ườ i đ ại d ị e p đ ể v ậ n đ ộ n g t ừ n g đ ịa p h ứ ố n g t r ê n n ướ c Đ ứ c . K ỉ n h m ớ n g q ú y v ị t h ồ n g c ă m , h ỗ t r ợ c h o .

■ Văn phòng giúp đỡ tỵ nạn của Đức tại Bonn đã gửi một thông cáo liên quan đến việc học chữ và học nghề đến các bạn T h a n h T h ầ u N ữ i ệ n t ại Đ ứ c n h ư s ă u :

"Sau một cuộc thống kê tại những cơ quan của Hội Đoàn Làng Thanh Thiếu Niên(Christliches Jugenddorfwerk Deutschlands)chúng tôi có thể giới thiệu khoảng chừng 270 chỗ trong chũn g ờ n g t r ì n h h ọc c h ữ v à h ọc n g h ề s ă u đ ầ y :

- Trường Tiểu học(Grundschule)
- Trường Trung Học đ ề n h ấ t c ấ p đ ế n l ớ p 9 (Hauptschule).
- Trường Trung Tiểu Học Förderschule.
- Trường đ ặ c b i ệ t (Sonderschule)
- Trường Trung Học đ ề n h ị c ấ p đ ế n l ớ p 10 (Realschule).
- Trường Trung Học đ ề n h ị c ấ p đ ế n l ớ p 13 (Gymnasium).

Trường Trung Học phổ thông(Allgemeinbildende Schulen)

- Năm dự bị học nghề(Berufsvorbereitungsjahr BVJ)
- Năm cơ bản học nghề(Berufsgrundbildungsjahr BGJ) trong những ngành gỗ, xây cất, sắt trang trí nhà cửa, thợ mộc.
- Học nghề - thợ sơn - thợ gắn máy điện - thợ sắt - thợ hồ.
- Học nghề - h ỗ t t ố c n ữ c ồ n g g ỉ a c ầ n h - đ ầ u b ệ p .

T ấ t c ả c ả c t h ầ n t h ầ u n ữ i ệ n t ỵ n ă n h ộ i đ ầ u đ i ề u k i ệ n , t ă i t r ợ đ ượ c y ề u c ầ u l ă m đ ể ở n g h ị c h ỗ v ớ i l ỷ l ị c h c h ỉ n h x ă c v à g ọ i đ ế n n g ả y c h o c h ư n g t ồ i . C h ư n g t ồ i s ẽ l ă n h t r ă c h n ữ i ệ m c h ư y ệ n t i ếp đ ồ n ấ y .

Đ ịa c h ỉ l i ề n l ă c v ề v ă n đ ề t r ê n :
Deutsche Flüchtlingshilfe Bonn e.V.
Colmantstr. 5, 5300 Bonn 1. Tel. 0228/650992

■ Trong kỳ Đại Hội Tin Lành Đức vừa qua, Ủy Ban Tranh Đấu Nhận Quyền tại Việt Nam của người Việt tại Hải Ngoại(e.V) đã vận động hơn 1.000 chữ ký của nhiều học giả, triết gia, đối lập v.v... nổi tiếng tại Đức chống lại việc chính quyền cộng sản Việt Nam bắt giam lỏng các Thượng Tọa Thích Huyền Quang Thượng Tọa Thích Quang Độ, Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận v.v... đã đạt đ ể đ ể đ ể c n ữ i ệ u t h ầ n q ả t ố t đ ẹp . N h ữ n g n g ườ i n ữ i ệ n t ỉ ệ n g t ại Đ ứ c đ ă k ỷ t ề n n h ư s ă u :

T i ề n s ĩ F r a n z A l t (R e p o r t - M o d e r a t o r c ầ u đ ài A R D) , G i ă o S ử T i ề n S ĩ J ǔ r g e n D o m e s (Đ ại H ọc S a a r l a n d) B ă c S ĩ R e i n h a r d G n a u k (C h ư T ỉ c h h ộ i n ậ n q ư y ệ n Đ ứ c t ại F r a n k f u r t) , G i ă o S ử T i ề n S ĩ H e l m u t G o l l w i t z e r (Đ ại H ọc B ả L ỉ n h) , V ă n S ĩ G ǔ n t e r G r a s s (B ả L ỉ n h) T i ề n S ĩ K u r t S c h a r f (C ầ u G i ă m M ụ c B ả L ỉ n h) G i ă o S ử T i ề n S ĩ W i n f r i e d S c h a r l a n (Đ ại H ọc M ỉ n - s t e r) , T i ề n S ĩ P e t e r S c h o l l - L a t o u r (k ỷ g ỉ a b ả o Z D F) . . .

T ồ c h ứ c Ậ n X ă Q ướ c T ể c ứ n g đ ă đ ắ n g t ả i n h ữ n g t ỉ n t ứ c t h ư ậ n t i ệ n t r ê n v ậ o b ả o c h ỉ t h ă n g 5 / 1 9 8 3 c ầ u t ồ c h ứ c .

H ỳ v ớ n g v ớ i n h ữ n g t i ể n g n ộ i c h ỉ n h đ ắ n g c ầ u c ả c T ồ C h ứ c , c ả c c ố q ư a n , c ả c c ầ n ậ n d ă n h t i ể n g n h ư t r ê n s ẽ l ă m c h ỉ n h q ư y ệ n c ồ n g s ă n V i ệ t N ă m c h ầ n b ứ c t r o n g v ă n đ ề đ ầ n ấ p t ồ n g i ă o t ại V i ệ t N ă m .

Giới thiệu Tân Ban Chấp hành

Nhân buổi Đại Hội Đồng thường niên ngày 15/5/1983 tân Ban Chấp Hành Hội Sinh Viên và Kiều Bào Việt Nam tại Stuttgart đã được bầu, lại cho nhiệm kỳ 83/84 như sau:
Hội Trưởng: Nguyễn Xuân An
Phó Hội Trưởng và Ngoại vụ: Nguyễn Việt Tao
Phó Hội Trưởng và Tổng Thủ Ký: Bùi Minh Tâm
Thủ quỹ: Trần Văn Tuấn
Sinh Hoạt: Ngô Nguyễn Tường
Văn Nghệ: Vũ Xuân Phong
Thể Thao: Nguyễn Anh Tuấn.
Mọi sự liên lạc xin gởi về địa chỉ:
Körber Höhe 22/1. 7050 Waiblingen. Tel 07151/22186.

Tìm thân nhân

Ông Trần Văn Quang hiện ở tại Friedenstr 1/A.21 - 2980 Norden 2 Tây Đức tìm con là Trần Quang Vinh sanh ngày 18/2/1952 - và Trần Hoài Hà sanh tháng 9/1954, ra đi khỏi Việt Nam ngày 4/9/1976 cùng với Thảo đi đường Banmethuot. Hiện nay ở đâu hãy y liên lạc về địa chỉ trên để biết tin gia đình.

- Trần Thị Kim Hoàng hiện ở tại Sandveien 5, 1600 Fredrikstadt, Norway muốn tìm anh Tâm trước ở trại tỵ nạn Air, - Raya, - (Nam Đông) đã đi định cư tại Đức vào năm 1980. Nay ở đâu xin liên lạc về địa chỉ trên.

- Mẹ Mối Mme Checkoumar hiện ở tại số 1 Ch. Gaston Bachelard - 69120 Vaulx en Velin - Lyon - Pháp muốn tìm Huỳnh Văn Sang (cha Huỳnh Văn Mười - chết; mẹ Dương Thị Quê - chị thứ sáu Huỳnh Kim Nguyệt hiện ở Mỹ); nay ở đâu hãy liên lạc về cho Mẹ.

- Bà Checkoumar ở địa chỉ trên tìm chồng là Nguyễn Văn Thân từ Đức - Nhân viên Điện Lực Chở Quân - ở tại Cây Quê Già Định - ra đi ngày 17/4/1979 tại Rạch Giá Số tàu KG 065 ADC. Nay ở đâu, xin liên lạc về địa chỉ trên.

Giới thiệu sách

Hãy tìm đọc:

Miền Thường Uyên Xưa
tập truyện của
Đặng Phùng Quân và Nguyễn Văn Sâm.
Sách dày 200 trang, 18 truyện ngắn,
giá 7,00US hoặc 17,50DM. Quý vị mua sách
có thể liên lạc về Giáo Sư Nguyễn Văn Sâm
tại 525A Gary housing - San Marcos Texas.
78666 USA; hoặc chùa Viên Giác Hannoversau
lê Vu Lan.

Các bạn nên có quyển "Như Dòng 9 Thước" của Sông Thu. Một quyển sách, một tập truyện đã viết về chiến tranh, tình người, thù hận và Đạo giáo v.v...

Sách do Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Đức xuất bản năm 1983, dày 115 trg
Giá 6,00DM.

Cảm tạ

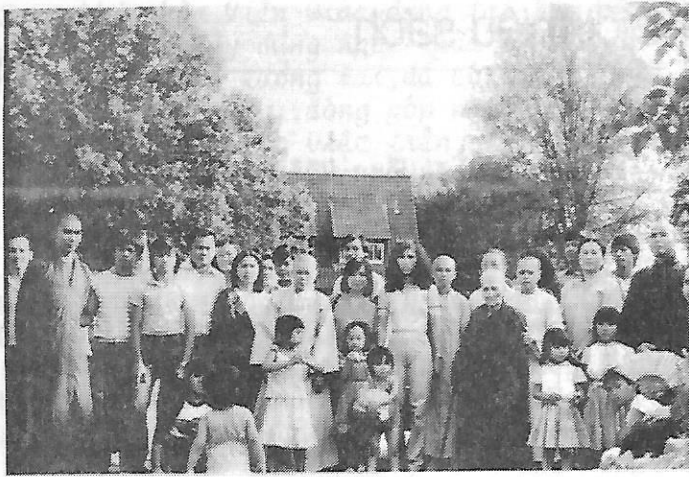
Trong thời gian qua chùa Viên Giác tại Hannover đã nhận được rất nhiều sách báo tại Âu Châu và tại ngoại quốc như sau:

Độc Lập, Nhịp Cầu, Việt Hamb, Việt Nam, Măng Non, Dân Chủ, Sĩ Thất (Đức); Khánh Anh, Hoàng Pháp, Diêu Pháp, Nhân Bản (Pháp) Phật Giáo VN Khai Phòng, Trắng Đen, Phật Học Viện Quốc Tế Hưởng Đạo... (Hoa Kỳ) Liên Hoa, Lá Thủ Bồ Lảo Quan Âm, Chánh Pháp, Chân Như, Hoa Sen, Lửa Việt... (Canada); Khuông Việt (Nhật Bản); Pháp Báo, Phật Giáo Việt Nam (Úc).

Và nhiều sách biếu cho chùa và thư viện như chùa Đức Viên (San Jose) nhà xuất bản Quê Hương của Cu Bùi Văn Báo (Toronto) Cu Nghiêm Xuân Hồng (California) Đại Đức Thích Tín Nghĩa (Phật Học Viện Quốc Tế); Đạo Hữu Nguyễn Hữu Bằng (Hoa Kỳ); nhóm Mặt Giáo Colorado, Nhân Quyền (Đức)...

Xin thành kính tri ân tất cả các chùa, các Hội Đoàn, các Đoàn Thể và các cá nhân đã hăng hái ái nghi đến chùa Viên Giác và đồng bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức và mong rằng mỗi Đạo Tịnh này càng ngày càng gần bó nhiều hơn nữa.

Xin giới thiệu tất cả những báo chí trên đến đọc giả xa gần. Nguyên cớ cho các cơ quan ngôn luận trên được trường tồn, phát huy mãi văn hóa của dân tộc và Đạo Phật tại xứ người được bền vững.



Chư Tăng ,Ni và chư Phật Tử' tham dự lễ



Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng



Lễ Quy Y Tam Bảo

HÌNH ẢNH LỄ AN VỊ PHẬT NIỆM PHẬT ĐƯỜNG KHÁNH HÒA TẠI ROTTERSHAUSEN
 NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 1983



Hòa Thượng Thích Thiên Định
 Viện Chủ chùa Pháp Hoa-Pháp



Chánh Điện Niệm Phật Đường
 Khánh Hòa



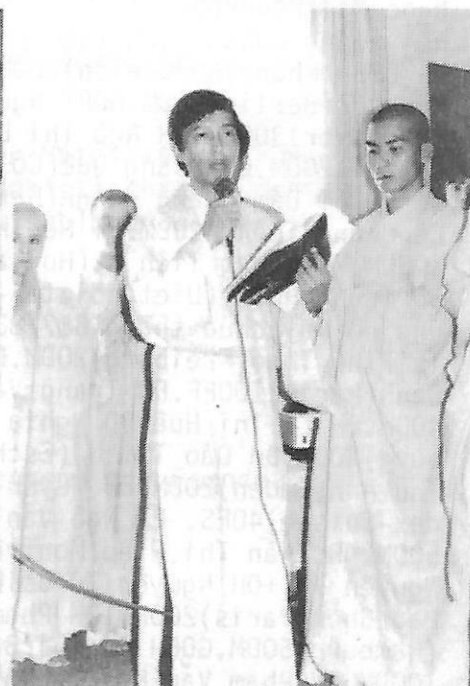
Thượng Tọa Thích Đức Niệm
 Giám Đốc PHV. Quốc Tế- Mỹ-



Thầy Thích Thiện Tâm



Đại Đức Thích Minh Phú



Chư Phật Tử'

Phương danh quý Đạo Hữu Phật Tử ủng hộ

Bất thường

(Tính đến ngày 3 tháng 8 năm 1983)

GDĐH Đỗ Xuất Lễ(Sindelfingen)20DM.ĐHThái
Cầm Huệ(")20DM.ĐH Đỗ Chánh Dân(")50DM.GĐ
ĐH Mạch Trước Khổng(")30DM.Chi Hội Phật
Tử Hamburg 100DM.ĐH Trần Văn Quý(Hamburg
hội hưởng hưởng linh thân mẫu Trần T h i
Lai 300DM.ĐH Diệu Trang(Bordeaux)200FF .
ĐH Vũ Tất Niên(Créteil-Pháp)100FF.ĐH Tâm
Hưởng(Paris)100FF.Hội Phật Giáo Việt Nam
tại Bordeaux 1.000FF.ĐH Lưu Châu(Kiel)
60DM.ĐH Vũ Văn Hà(Paris)100FF.ĐH Vũ Ngọc
Thanh(Vejle-Đan Mạch)100Kr.ĐH Phạm T h i
Bảy(Paris)500FF.ĐH Tất Tô Hà(Hamburg)70F
ĐH Tú Tiên(")20FF.ĐH Đào Hữu Chí(")50FF.
ĐH Phạm Ngọc Anh(")120FF.ĐH Đào Ngu Muội
(")10DM.ĐH Phạm Thị Yến(")20DM.ĐH Trần
Thị Hai(")20DM.ĐH Trịnh Mậu(")100FF. ĐH
Nguyễn Văn Phác(Amiens-Pháp)200FF.ĐHTrần
Thị Giới(Paris)200FF.ĐH Diệu Thuận(Paris
200FF.PT Nguyễn Thị Mỹ Huệ(Bremervörde)
50DM.PT Mã Tuấn Diệp(Hamburg)hội hưởng
hưởng linh Phật Tử Vũồng Giám Tuyển 100M
ĐH Trần Thị Liên(Tastrup-Đan Mạch)200Kr.
ĐH Nguyễn Hữu Nghĩa(Solingen)10DM.PT Hứa
Ngọc Mai(Paderborn)10DM.PT Phạm Thiên Cồ
hội hưởng hưởng linh thân phụ 300DM. PT
Vũ Đình Khang(Norddeich)20DM.PT Nguyễn -
Hữu Lộc(Berlin)30DM.GĐPT Nguyễn Văn Trung
(Hannover)300DM.ĐH Ngô Thị Lệ(Fallings -
bottel)20DM.ĐH Quảng Quế(Colorado-USA)40
đô la.PT Đàm Quang Khánh(Berlin)50DM. ĐH
Lê Quang Thông 20DM.PT Hồ Thy. Kiêu(Kiel)
100DM.PT Quang Tiến N.(Holland)10DM. PT
Đỗ Trọng Hoàng(Dietzhöhlztal-Ewersbach)
ung hộ xây, chùa tháng 6&7/83 20DM.PTNg .
Thị Thu Thảo(Freiburg)20DM.ĐH NguyễnThah
Cánh(Paris)100FF.ĐH Trang Văn Huy(Aalen)
40DM.ĐH Lê Thị Huệ PD Nghĩa Ngọc(Olden -
burg)20DM.ĐH Đào Tâm Nữ(Esch)10DM.PTTrinh
Thu Anh(Emden)20DM.ĐH Huỳnh Tú Kính(Pau-
dex-Suisse)40FS. PT Ngô Văn Banh(Dorsten
50DM.ĐH Trần Thị Hiệp(Montréal)20 đô. ĐH
Nguyễn Tri+ĐH Nguyễn Tú(Usingen)100DM.ĐH
Hảo Chon(Paris)200FF.ĐH Phạm Ngọc L a n
(Hamburg)50DM.GĐĐH Âu Thị Ba PD DiệuThái
100DM.ĐH Phạm Văn Ken(Neuenstein)20DM.ĐH
Nguyễn Thanh Cảnh(Paris)100FF.PT Vũồng -
Thùy Lệ(Köln)10DM.GĐ Karl Bartosze(Lün -
denscheid)100DM.Một số quý vị ĐH và PT
tại Koblenz)140DM.ĐH Lâm Nguyệt+ĐH Huỳnh

Mạch(Na Uy)100DM.ĐH Tăng Anh+ĐHTiêu-
Thị Chia(")100DM.ĐH Vũ Ngọc Hưởng+ĐHNguyễn
Thị Thảo(")100DM.PT Tăng Kiên Võ+PT VũThị
Lan Hưởng(")100DM.PT Lâm Minh Hiệp(Hồalan
20DM.ĐH Phan Ngọc Lan(Hamburg)30DM.ĐHHuỳnh
Tú Kính(Paudex-Suisse)100FS.ĐH Huỳnh Ngọc
Côn(London-Anh)100DM.NPĐ Khánh Hoà(Rotter-
hausen)200DM.Ni cô Diệu An và Ni Cô Minh
Loan ân tổng kinh sách 200DM.ĐH Lê Tú
Quỳnh(Bruxelles-Bi)50DM.ĐH Toan Lê Thuồng
(Bruscha)30DM.GS Takeda(Tokyo-Nhật)50DM
ĐH Trần Hải Vinh(Bochum)50DM.ĐH Tôn Thất
Đỉnh(Berlin)50DM.ĐH Trưởng Thị Hai(Stutt-
gart)20DM.ĐH Tôn Nữ Chung Anh(Karlsruhe)
20DM.PT Văn Công Trâm+PT Văn Công Tuấn -
(Kiel)100DM.PT Đinh Ngọc Bình+PT Lê Ngọc
Nga(Hannover)10DM.GĐĐH Trần, Thị Ba(Spai -
chingen)150DM.PT Võ Ngọc Khai(Neuss)10DM.
PT Huỳnh Hữu Sanh(Bremervörde)20DM. Phật Tử
Nguyễn Văn Minh(Steinfurt)10US.PT Nguyễn-
Phưởng Danh(Aachen)20DM.ĐH Võ Thị Lý(Er -
langen)20DM.ĐH Tiêu Thị Thi(")20DM. CôHuệ
Dông(Lausanne-Suisse)270FS.PT Huỳnh Tuyết
Nga(")10FS.PT Huỳnh Tuyết Ngọc(")10FS. PT
Lai A Muội(")10FS.

Định kỳ

ĐH Lê Thị Thu Ba(Wolpertswende-Möchenwan-
gen)1-5/83 50DM.ĐH Lê Huy Cát(Hannover)60
7-9/83.PT Lai Khánh Vân(Aachen)60DM/7-9 /
83.ĐH Lâm Văn Tốt(Laatzten)60DM/7-12/83.ĐH
Grimaldhj(Paris-Pháp)300FF/7-12/83.ĐH Tô
Văn Phước(München)40DM/7-8/83.PT Lý Diệu
Anh(Vechta)50DM/7&8/83.

Báo Viên Giác

PT Trần Thị Kim Hoàng(Na Uy)20DM.PTNguyễn
Tân Hoàn(Darmstadt)20DM.Tiêm Thực PhẩmTùng
Hưởng(München)100DM.ĐH Diệu Hòa(Paris)100
FF.PT Đàm Quang Khánh(Berlin)50DM.PT Lý
Văn Vân(Konstanz)20DM.ĐH Trần L.Tâm Anh -
Québec-Canada)30 đô.ĐH Mã Thị Sang(Montréal-
Canada)20 đô.ĐH Đoàn Hòa(Tustin-CA-USA
100FF.

Nguyên cầu công đức tại thí của Quý vịĐạo
Hữu và Quý Phật Tử khắp nơi lên 3 ngôiTam
Bảo.Cầu nguyện cho GD Quý vị được phước
báu trang nghiêm,đạo tâm kiên cố.

PROGRAMM DES ULAMBANA FESTES

vom 19 bis 21.8.1983 in Hannover

Freitag 19.08.1983:

- 15:00 Eintreffen der Musikgruppe aus Berlin und Mitarbeiter im Jugendzentrum Hannover-Linden (Badenstedterstr.41.Tel. 445-835) und in der Pagode Viêñ Giâc, Eichelkampstr.35A, 3000 Hannover 81.Tel.864638
- 18:00 Abendessen
- 20:00 Besprechung der Mitarbeiter und die Lehre des Buddhastunde
- 24:00 Schlafen

Samstag 20.08.1983:

- 07:00 Rezitation Sutra in der Pagode
- 08:00 Frühstück
- 10:00 Eintreffen der Buddhisten in das Jugendzentrum
- 12:00 Mittagessen
- 14:00 Jahresversammlung der Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche und der Vereinigung der vietnamesisch-buddhistischen Studenten und Vietnamesen in der Bundesrepublik Deutschland und die buddhistische Schulung bei Rev. Thich Nhu Diên für die Teilnehmer
- 18:00 Abendessen
- 19:30 Kulturabend im Jugendzentrum unter der Mitwirkung der Musikgruppe der Vereinigung der vietnamesisch-buddhistischen Studenten und Vietnamesen in der Bundesrepublik Deutschland (aus Berlin)
- 23:00 Ende des Kulturabends
- 24:00 Schlafen

Sonntag 21.08.1983:

- 07:00 Rezitation Sutra
- 08:00 Frühstück
- 09:00 Transport der Teilnehmer aus Jugendzentrum zur Pagode
- 10:30 Hauptzeremonie des Ulambana-Festes
Rede zum Ulambana-Fest
Steckende Roseblumen für die Veranstalter
- 12:00 Almösen für die Mönche und Nonnen
- 12:30 Mittagessen
- 14:00 Buddhistische Zuflucht für die neue Anhänger
- 15:00 Abschied

Múa vui VŨ LAN

VŨA

TRẦN TÂM HOÀ

Mùa vui hường Vũ Lan đã tới hường thu thơm mát trên ngàn
mây đem tin vui báo hiệu lung linh như ánh sao hoàng

Mùa vui Vũ Lan tới hường thu trên ngàn
mây vui báo hiệu lung linh sao hoàng

nói . Cùng nhau treo câu ca thân ái tung hô cao tít trên lưng
hôn . Dài sen tung ra muôn sức sống. A ha ! Đây lễ Vũ Lan

nói cùng nhau ca thân ái tung hô về ngàn
hôn. Dài sen tung sức sống. A ha ! Vũ Lan

trời. Trời Cùng cất tiếng hát khắp chôn cho đời
Bồn khổi cuốn dưới gió thoảng qua màn

nói . Trời

sống thắm muôn hào quang . Lời kính thiêng liêng ngàn vang theo lòng
khổi nhớ ơn từ thân . Còn chí thâm sâu bao la hơn lòng

hiếu kính tin từ tôn . Vâng
hiếu kính dâng mẹ cha .